

SỐ 1745

# PHẬT THUYẾT KINH VÔ LƯỢNG THỌ NGHĨA SỚ

*Đời Tào Ngụy, Tam tạng Khương Tăng Khải, nước Thiên Trúc.  
Đời Tùy, Sa-môn Huệ Viễn, chùa Tịnh ảnh, đất kinh Sơ, soạn sớ*

## QUYỂN THƯỢNG

Giáo pháp của Phật không đồng nhau, tóm tắt có hai thứ là, Tạng Thanh văn và Tạng Bồ-tát. Giáo pháp của Thanh văn thì gọi là Thanh văn tạng, giáo pháp của Bồ-tát thì gọi là Bồ-tát Tạng. Giáo ấy có hai thứ:

1. Thanh văn của Thanh văn.
2. Thanh văn của Duyên giác.

Thanh văn của Thanh văn là người trước đến cầu đạo Thanh văn, ưa thích xem xét pháp bốn chân đế mà thành tánh Thanh văn. Ở thân sau cùng gặp được Phật và nói cho nghe pháp bốn chân đế mà được hiểu đạo. Vốn xưa kia là tánh Thanh văn, nay lại nghe tiếng mà được hiểu đạo. Thế nên, gọi là Thanh văn của Thanh văn. kinh nói vì người cầu Thanh văn mà nói pháp Bốn đế là ở đây vậy. Lại Thanh văn của Duyên giác là trước đến cầu đạo Duyên giác, ưa thích xem xét mười hai nhân duyên, thành tánh Duyên giác. Ở thân rốt sau gặp được Phật và nói cho nghe pháp mười hai nhân duyên mà được hiểu đạo. Vốn là tánh Duyên giác mà thân sau cùng là thân Thanh văn hiểu đạo, nên gọi là Thanh văn của Duyên giác. kinh nói: Vì người cầu Duyên giác mà nói mười hai nhân duyên là nói theo đây. Việc thành hai thứ tuy khác nhưng cùng tu theo Tiểu pháp (Tiểu thừa) vì hiện tại ở Thanh văn mà hiểu đạo. Thế nên, pháp nói cho hai hạng người này nghe là tạng Thanh văn. Trong

Tạng Bồ-tát thì cũng lập có hai thứ là Tiệm và Đốn. Nói Tiệm nhập, là người này thuở quá khứ có học Đại pháp (Đại thừa), khoảng giữa thì học tập tiểu pháp và chứng tiểu quả. Sau lại vào Đại, Đại từ Tiểu đến nên gọi là Tiệm. Nên kinh nói trừ người trước kia tu tập theo Tiểu thừa, nay ta cũng giúp vào trong pháp ấy. Đây là Tiệm nhập.

Nói Đốn ngộ, là có các chúng sinh từ lâu đã tu theo Đại thừa, thích ứng với gốc lành, nay mới thấy Phật thì có thể vào Đại. Đại không từ Tiểu nên gọi là Đốn. Vì thế kinh nói: hoặc có chúng sinh nhiều đời đến nay luôn được ta hóa độ, nay mới thấy thân ta, nghe pháp ta nói liền đều tin nhận, mà vào tuệ Như Lai, đó là Đốn ngộ. Tiệm nhập Bồ-tát thì từ cạn mà vào sâu, còn Đốn ngộ Bồ-tát thì một bước vượt lên giải thoát hoàn toàn. Đốn-Tiệm tuy khác nhưng lúc ấy cùng được Đại. Thế nên pháp nói cho hai hạng người này nghe là Tạng Bồ-tát. Thánh giáo tuy nhiều nhưng không ngoài hai tạng này.

Cho nên ngài Long Thọ nói: Phật diệt độ rồi Ca-diếp, A-nan ở thành Vương-xá kiết tập Pháp Tạng là tạng Thanh văn, còn Văn-thù, A-nan ở núi Thiết vi kết tập Ma-ha diển là tạng Bồ-tát.

Kinh Địa Trì cũng nói: Phật vì Thanh văn, Bồ-tát mà hành đạo thoát khổ, nói Tu-đa-la. Kiết tập kinh là kiết tập hai tạng. Nói việc làm của Thanh văn là tạng Thanh văn, nói việc làm của Bồ-tát là Bồ-tát Tạng, nên biết Thánh giáo không ngoài hai thứ này, hai thứ này cũng gọi là giáo Đại thừa, Tiểu thừa, Bán mãn giáo... tên tuy có sửa đổi nhưng nghĩa vẫn không khác. Nay kinh này, trong hai tạng thì thuộc Tạng Bồ-tát, là pháp luân Đốn giáo của người căn cơ thuần thực. Sao biết là Đốn? Vì kinh này chính vì kẻ phàm phu chán sợ sinh tử mà cầu Chánh định. Giáo khiến phát tâm sinh về Tịnh độ, không cần Tiểu đạo, nên biết là Đốn.

Đã biết về phân chia hai tạng, tiếp là giải thích tên gọi. Nay nói Phật nói kinh Vô Lượng Thọ là nêu tên riêng của bộ kinh. Các kinh sở dĩ trước đều đề tên là chỉ cho pháp được nói. kinh này nói về việc đã làm, việc đã thành và sự giáo hóa của Phật Vô Lượng Thọ, nên trước phải nêu ra. Nhưng các kinh có tên khác nhau, hoặc chỉ nói về pháp như kinh Niết-bàn, hoặc chỉ nói về người như kinh Đề-Vị, hoặc chỉ sự (việc) như kinh Khổ-thọ, hoặc chỉ nói về dụ như kinh Đại-vân, kinh Bảo-khiếp, hoặc chỉ nói về thời như kinh Thời Phi Thời, hoặc chỉ nói về nơi chốn như kinh Lăng-già, kinh Già-da sơn đảnh, hoặc nói cả Nhân và Pháp như kinh Duy-ma, kinh Thắng man hoặc nói Sự và Pháp như kinh Phương Đăng Đại Tập, hoặc nói Pháp và Dụ như kinh Hoa Nghiêm,

kinh Pháp Hoa, hoặc nói Nhân và Pháp như kinh Xá-lợi Tử Vấn Tật... như thế rất nhiều không phải một. Nay kinh này là lấy người (nhân) làm tên, nói về nhân (người) gồm có bốn thứ:

1. Nêu người nói, như kinh Duy-ma.
2. Nêu người hỏi, như kinh Văn-thù Vấn.
3. Nêu người được nói như kinh Thái Tử.
4. Nêu người được hóa độ, như kinh Tu-ma-đề Nữ ngọc Da...

Nay ở đầu kinh này là nêu người nói và người được nói. Trước nói Phật là chỉ cho người nói còn Vô Lượng Thọ là người được nói. Về “Nói” cũng khác nhau, như ngài Long Thọ nói:

1. Phật Tự nói.
2. Thánh hiền nói.
3. Các vị trời nói.
4. Thần tiên... nói.
5. Người biến hóa nói.

Kinh này là Phật nói, khác bốn thứ kia, nên nêu Phật. Phật là tiếng nước ngoài, Hán dịch là giác. Giác có hai nghĩa: Một là, giác sát (xét biết) gọi là giác, đối với phiền não chướng, việc phiền não xâm hại... như giấc cướp, chỉ có bậc Thánh mới biết, không bị nó hại, nên gọi là giác. Đây là một nghĩa như kinh Niết-bàn giải thích; hai là, giác ngộ gọi là giác. Đối với Trí chướng, việc vô minh ngủ nghỉ... như ngủ mê, Trí tuệ bậc thánh vừa khởi thì đại ngộ sáng suốt, như ngủ thức dậy, nên gọi là giác - Đối với vô minh có hai thứ: Một là, mê lý tánh mà kết vô minh, vì mê che đậy thật tánh, đối trừ với nó, biến hư dối thành chân thật, thật ngộ gọi là giác; hai là, dứt bỏ Sự không biết, mê các pháp tướng, đối trừ được nó, hiểu rõ tất cả ba nhóm pháp thiện, ác, vô ký nên gọi là Giác. Nên kinh Trì Địa nói: Có ba nhóm: Một là, nhóm nghĩa lợi ích; hai là, nhóm chẳng phải nghĩa lợi ích, ba là, nhóm Không phải nghĩa không lợi ích, bình đẳng mở giác nên gọi là Phật. Nghĩa lợi ích là lành, nghĩa không lợi ích là không lành, không phải nghĩa không lợi ích là lành và không lành, đối với tất cả pháp đó đều biết rõ nên gọi là Giác. Đã tự giác, lại giác tha, giác hạnh viên mãn cùng tận nên gọi là Phật. Nói tự giác là để phân biệt với phàm phu, nói giác tha là để phân biệt với Nhị thừa, giác hạnh viên mãn cùng tận là phân biệt với Bồ-tát, nên riêng bậc này gọi là Phật - Miệng thốt ra tiếng nên gọi là nói.

Vô Lượng Thọ là người được nói. Kinh này nói việc đã làm, việc đã thành và sự giáo hóa của Phật Vô Lượng Thọ - Nói việc đã làm là nói Đức Phật ấy xưa vốn khởi nguyện và việc tu hành - Nói việc đã

thành là nói hai thứ quả Pháp thân và Tịnh độ nay đã thành. Nói sự giáo hóa, là nói gồm khắp chúng sinh có duyên ở mười phương cùng đến nước Phật ấy. Đạo pháp giáo hóa được lợi ích gọi là được nhiếp. Lại nay, tất cả các Bồ-tát học theo việc Ngài làm được hoàn thành như Ngài, được Ngài thâm nhận nên gọi là được nhiếp. Những sự sai khác này không thể nêu hết.

Nhiếp đức từ người nên chỉ nói Phật Vô Lượng Thọ. Tên Phật có hai thứ: Một là, chung; hai là, riêng. Như Lai, Ứng cúng... là chung, Thích-ca, Di-lặc, Vô Lượng Thọ... là riêng. Từ riêng mà lập tên nên có nhiều thứ. Hoặc từ chủng tánh thì như Thích-ca, Ca-diếp, hoặc từ sắc thân thì như Phật Thân Tôn, Phật Thân Thượng... hoặc từ âm thanh (tiếng) như Phật Diệu Âm, Phật Diệu Thanh; hoặc từ ánh sáng như Phật Phổ Quang... hoặc từ Nội Đức, hoặc y cứ vào thí dụ mà nói, như thế không phải một. Đức Phật này là từ thọ mạng mà nêu tên. Thọ có Chân ứng (Chân thân, Ứng thân) chân tức là thường trú, tánh đồng như hư không. Ứng thì tuổi thọ không nhất định, hoặc dài hoặc ngắn. Nay nói ở đây là Ứng chứ không phải Chân. Với Ứng này thì tuổi thọ của Phật rất dài, hàng phàm phu Nhị thừa không thể lường biết tính đếm được, nên gọi là Vô lượng. Thời hạn của mạng sống gọi là Thọ.

Sao biết đây là Ứng chứ không phải Chân? Như kinh Quán Thế Âm và Đại Thế Chí Thọ Ký nói: Phật Vô Lượng Thọ tuy sống dài lâu nhưng cũng có ngày hết. Phật ấy diệt độ rồi thì Quán Thế Âm và Đại Thế Chí sẽ thứ lớp tiến lên thành Phật, nên biết là Ứng.

Kinh tiếng nước ngoài, là Tu-đa-la, Hán dịch là kinh. Lời nói của bậc Thánh đều thông suốt các pháp, như xâu kết các bông hoa, nên gọi là kinh. Nói kinh là xâu kết các bông hoa, giữ gìn tướng dụng, nên gọi là kinh. Nếu theo thế tục thì kinh có nghĩa là thường. Người có chia ra xưa nay, giáo nghĩa thường là phép tắc nên gọi là Thường. Kinh và thường có gì liên quan nhau? Tức dùng thường mà giải thích kinh. Giải thích lời kinh là nghĩa trải qua, phàm là một pháp thì phải trải qua xưa nay, thường không đứt quãng, nên gọi là Thường.

Kinh này trước sau vẫn có ba phần: Tựa, Chánh và Lưu thông. Từ “Đầu đến... nguyện ưa muốn nghe” là phần Tựa - Từ “Phật bảo A-nan... cho đến quá khứ lâu xa” là phần Chánh tông - Từ Phật bảo Di-lặc có người nào được nghe danh hiệu Phật ấy mà vui mừng trở đi... là phần Lưu thông - Giáo hóa phải có nguyên do nên trước phải nói Tựa. Do Tựa mà trình bày phần chánh, cho nên thứ lớp hai thứ biện rõ Chánh tông. Bậc Thánh (Phật) nói pháp vì lợi ích chúng sinh, nên nói kinh

xong thì khen ngợi khuyên học, giao phó giữ gìn phổ biến rộng rãi vì thế nêu phần thứ ba là Lưu thông.

Văn nghĩa trong tựa tuy rất nhiều nhưng nghĩa cốt yếu (yếu nghĩa) có hai: Là tựa phát khởi và tựa chứng tín. Phật sắp nói kinh trước phải nêu thời gian và nơi chốn, dùng thần lực nhóm họp đại chúng để nói về Tông thuyết, nên gọi là Phát khởi. Còn Tựa chứng tín, thì Phật nói kinh xong, ngài A-nan vâng làm, truyền lại cho đời mặt pháp, trước đối với chúng sinh nói pháp như thế, “Ta nghe Phật nói” để minh chứng là đáng tin, nên gọi là Chứng tín. Đây là nguyên do làm chứng và truyền kinh nên gọi là Tựa chứng tín. Vì sao mà lập hai tựa này, nguyên do kinh có hai, nhưng kinh chỉ là một, không hề có hai.

Thế kinh tuy một nhưng nói về người thì tùy lúc, nên được chia thành hai: Một là, Như Lai nói kinh; hai là, A-nan truyền kinh. Như Lai nói thì có ích lúc đó, A-nan truyền thì truyền đến nhiều đời sau. Do đó, mà lập hai lời tựa, đối với Như Lai nói mà lập ra tựa phát khởi, đối với A-nan truyền mà lập ra tựa chứng tín. Nhưng hai tựa này lại có nhiều nghĩa, đầy đủ như thường đã giải thích. Trong văn, đầu tiên là nói “Tôi nghe như vậy” là Tựa chứng tín.

“Một thừa nợ” trở đi thì gồm hai nghĩa. Nếu lấy nghĩa phát khởi sự việc thì nó thuộc tựa phát khởi, còn nghĩa A-nan chứng minh đáng tin thì nó thuộc về tựa chứng tín. Nghĩa gồm hai, chẳng nên chọn một.

“Tôi nghe như vậy” - Trong tựa chứng tín này chia làm ba: Một là, nguyên do “Tôi nghe như vậy”; hai là, lập ý; ba là, giải thích văn. Có nguyên do, vì sao ở đầu kinh đều có câu tôi nghe như vậy là do Phật dạy đặt như thế, vì sao Phật dạy đặt như thế? Là vì A-nan thỉnh. Vì sao A-nan thỉnh. Vì A-ni-lâu-đà bảo. Vì sao A-ni-lâu-đà bảo? Vì A-ni-lâu-đà thấy A-nan buồn khổ, vì sao A-nan buồn khổ? Vì A-nan thấy Như Lai nhập Niết-bàn. Khi Phật sắp diệt độ Ngài nằm xoay đầu về hướng Bắc. Lúc đó, A-nan vì Phật sắp nhập diệt nên buồn khổ rơi lệ không kiềm chế được. A-ni-lâu-đà dạy bảo A-nan: Ông là người truyền pháp sao không hỏi Phật những việc ở đời vị lai mà buồn khổ có lợi ích gì? A-nan đáp: Tôi hiện nay rất buồn khổ chẳng biết hỏi gì. A-ni-lâu-đà bảo A-nan hỏi bốn việc: Một là, Thế Tôn diệt độ rồi các Tỳ-kheo lấy ai làm thầy? hai là, Thế Tôn diệt độ rồi các Tỳ-kheo nương trụ vào đâu; ba là, các Tỳ-kheo ác tánh làm sao ở chung? bốn là, ở đầu các kinh đặt chữ gì. A-nan nghe bảo thì tâm có chút tỉnh ngộ bèn y đó mà hỏi Phật. Phật đáp rằng: Sau khi Phật diệt độ thì các tỳ-kheo lấy Ba-la-đề-mộc-xoa (giới luật) làm thầy như khi ta còn tại thế không khác. Mộc-xoa là giới, các Tỳ-kheo đều học nên nói là Thầy. Các Tỳ-kheo nương trụ vào đâu, thì

các Tỳ-kheo nương trụ vào bốn niệm xứ. Bốn niệm xứ (bốn điều luôn nhớ nghĩ) là gì? Là các Tỳ-kheo nương nội thân mà tu thân quán, siêng năng dứt bỏ tham ái ở đời, như thế là y ngoài thân. Thân, thọ, tâm, pháp trong ngoài cũng đều như thế. Đó là nói Tỳ-kheo nương vào chỗ ở. Nên kinh nói nếu trụ vào bốn Niệm xứ mà làm cảnh giới của mình thì không bị ma ràng buộc. Nếu nương vào năm dục là cảnh giới của ma thì bị ma ràng buộc. Tỳ-kheo ác tánh làm sao ở chung? Là dùng phạm đàn mà trị họ. Phạm đàn tức là làm thinh không nói chuyện với họ. Nếu tâm đã được điều phục thì nói cho họ nghe những lời lia có không. Tất cả đều kinh đặt chữ gì thì phải đặt “Tôi nghe như vậy”, Phật ở tại xứ nào, rừng gì... sáu thứ. Do Phật dạy nên tất cả đều kinh đều đặt “Tôi nghe như vậy”. Phần đầu đã xong.

Tiếp là nói phần hai là, Lập ý. Phật có ý gì mà bảo đặt câu này, là vì khiến chúng sinh sinh lòng tin. “Như vậy” vì sao mà sinh lòng tin? “Như vậy” là A-nan nói lên mình đã tin thuận lời Phật nói, lời Phật nói là như, mình nhắc lại là vậy, khiến chúng sinh cùng tin tưởng. “Tôi nghe”, nếu là sinh lòng tin thì tự A-nan là người không đáng tin. Nếu nói pháp này do mình nói thì nhiều người xem thường. Nói pháp này nghe Phật nói thì mọi người đều tin về. - Tin có nghĩa gì mà lập lời này thì sinh tin? Nay xin giải thích: tin là cửa đầu tiên để vào Phật pháp, là đứng đầu của tất cả pháp. Hễ vào Phật pháp thì trước phải khởi tín. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói Tín là tay. Như người có tay đến chỗ có vật báu tùy ý mà lấy. Nếu người không tay thì chẳng được gì. Như thế muốn vào Phật pháp thì phải có tay lòng tin (lòng tin), tùy ý mà nhặt lấy của báu đạo pháp. Nếu không có lòng tin thì trống không chẳng được gì. Tin có nghĩa này nên lập lời “Tôi nghe như vậy” để làm tăng thêm lòng tin. Ý là như thế.

Kế đến giải thích “Tôi nghe như vậy”. Như vậy có hai nghĩa:

1. Giải thích theo pháp. A-nan nhắc lại lời Phật nói đúng như các pháp nên gọi là Như. Nói Lý đúng Lý, nói Sự đúng Sự, nói Nhân đúng Nhân, nói Quả đúng Quả. Hễ luận bàn gì đều đúng như việc trước, nên gọi là Như. Lời đúng pháp là đạo lý như vậy, nên gọi là Thị. Bởi trái pháp thì gọi là không phải thị. Nên nói đúng pháp thì được gọi là thị.

2. Giải thích theo Nhân: A-nan nhắc lại Đức Thích-ca nói như tất cả các Đức Phật ở quá khứ đều nói, nên gọi là Như. Nên kinh Niết-bàn nói như Phật quá khứ nói không thay đổi, nên gọi Như Lai, trái lời các Đức Phật nói thì gọi là không phải. Đúng như các Đức Phật nói thì gọi là thị, nên gọi là Như vậy.

Nói “Tôi nghe”, là A-nan đối với chúng sinh vị lai mà nói đã nghe, nên nói tôi nghe. Nghe là do tai sao được nói tôi? Vì các căn đều là chỗ dùng của tôi, lấy chủ mà nêu nên nói tôi nghe. Trong pháp không có người, chỗ nào có chủ, mà nói y cứ vào chủ, xưng là tôi nghe? Giải thích rằng: trong pháp tuy không có chủ nhất định nhưng không phải là không có giả danh, Quán ngữ cũng được gọi là ta. Nên kinh Niết-bàn nói: ví như bốn thứ binh hợp nhau thì thành quân. Tuy không có chủ nhất định cũng được gọi là quân ta mạnh mẽ, quân ta hơn quân kia. Ở đây cũng giống như thế.

Hỏi: A-nan đáng lý là bậc Thánh, vì sao đồng với phàm phu mà nói tôi? Giải thích rằng: A-nan tuy nói tôi nhưng khác với phàm phu, vì sao khác? Nói tôi có ba:

1. Kiến tâm (kiến chấp) gọi là tôi, nghĩa là các phàm phu Ngã kiến chưa hết, Ngã kiến trong tâm gọi là có Ngã.

2. Mạn tâm (tâm kiêu mạn) mà nói tôi, nghĩa là các người học Ngã kiến tuy hết nhưng lòng kiêu mạn vẫn còn, Ngã mạn trong tâm gọi là Ngã.

3. Ngã tồn tại ở đời, nghĩa là các bậc Thánh vô học Kiến sử chưa hết, Mạn sử đã hết thì tùy đời lưu truyền giả danh mà gọi là Ngã. Nay A-nan khi kết tập pháp thì thân ở bậc Vô học, Kiến mạn đều hết, tùy đời mà lưu truyền giả danh, nên nói là tôi, vì thế khác với phàm phu.

Hỏi: Ngã, giả danh là Tục đế, Vô ngã là Chân đế. Chân đế là thù thắng, sao không đối với thù thắng mà nói Vô ngã (không ta) lại theo giả danh Thế đế mà nói Tôi? - Giải thích rằng: cách hóa độ phàm phu thì phải như thế. Nếu không nói tôi thì do đâu mà nêu rõ kia đây khiến người biết được, cho nên phải nói tôi. Thế nên các Đức Phật vì hóa độ cũng thường nói tôi, Người trí không lấy làm lạ.

Thuở nọ trở đi, nghĩa tuy gồm hai, nhưng một bề đối với Tựa chứng tín ở trước. Từ đây trở đi, y cứ vào Tựa phát khởi mà giải thích. Một thuở nọ, Phật ở trong núi Kỳ-Xà-quật tại thành Vương-xá .

“Một thuở” ở trước là nêu thời gian Phật hóa độ. Nói Phật là nêu Hóa nhân, ở thành Vương-xá là nêu Hóa xứ của Phật. Nói “Một thuở nọ”. Thì mỗi Người có giải thích khác. Ở đây luận đúng, thì do hóa độ vào một ngày nên nói một thuở, trong Vương-xá đời của Phật có nhiều lúc hóa độ chúng, nay phân biệt với các thời khác, nên nói là một thuở nọ (nhất thời) thì trong kinh đều có. Như kinh Niết-bàn nói: một thuở nọ, ta ở thành Vương-xá luận bàn Tục đế với Bồ-tát Di-lặc. Ta một thuở nọ ở bên bờ sông Hằng, ta một thuở nọ ở rừng Thi Thủ. Ở đây nói



giống như trường hợp ở trên. Phật như đã giải thích như trước.

Ở tại Vương-xá, là nói chung về thành. Thành này xưa có nhiều vua ở nên gọi là thành Vương-xá (thành vua ở) - Núi Kỳ-xà-quật, tùy theo chỗ mà chỉ riêng, bao quanh thành Vương-xá có năm núi, đều có Tinh Xá, để phân biệt các chỗ khác nên nói là núi Kỳ-xà-quật, Hán dịch là núi Linh thú. Vì núi này có nhiều vị tiên ở nên gọi là Linh. Cũng có chim thú ở núi này nên gọi là Thú. Cũng gọi là Thú Đầu Sơn (núi Thú đầu), vì có nhiều chim Linh thú ở trên đỉnh núi, nên gọi là núi Thú đầu. Lại đỉnh núi này giống đầu con chim Thú nên gọi là núi Thú đầu. Trong khi du hóa thì chỉ đây là chỗ ở. Chứ Pháp thân bình đẳng thật ra không có chỗ nương ở, thị hiện hóa độ ở một nơi nên gọi là ở. Vì sao không y cứ vào thật mà phải thác hóa? Vì là giáo hóa chung nên phải thác hóa.

Hai là, về chúng. Trước nêu chúng Thanh văn, sau nêu chúng Bồ-tát, các kinh phần nhiều đều như thế. Vì sao? Giải thích có bốn: Một là, phân biệt xa gần, các vị Thanh văn phần nhiều đều ở gần Như Lai nên ở bên Phật tùy ở gần mà nêu trước. Còn chúng Bồ-tát phần nhiều không gần Phật nên nói sau. Vì sao Thanh văn ở gần Như Lai mà Bồ-tát không gần? Giải thích có hai nghĩa:

1. Hàng Thanh văn vào Đạo chưa lâu, chưa theo khuôn phép với đạo pháp, tuy đã được quả Thánh nhưng oai nghi đi đứng cần phải luôn theo sự chỉ dạy của Phật. Như trong kinh luật, cấm A-na-luật không cho ngủ qua đêm với người nữ, cấm Bà-già-đà không cho uống rượu, cấm mười bảy đồng tử không cho đùa giỡn dưới nước... đều là La-hán phải theo lời Phật răn dạy. Cho đến khi Như Lai Bát-niết-bàn cấm các Thanh văn không cho ăn thịt. Đó là gần Phật - Còn hàng Bồ-tát đã quen theo khuôn phép Đạo pháp từ lâu, không cần Phật dạy răn nữa nên không gần Phật. Cả hai hàng Thanh văn hiện được Phật độ bỏ phàm thành Thánh mang ân rất nặng. Tuy đã được quả Thánh nhưng thường vây quanh Như Lai để hầu hạ cúng dường, nên thường gần Phật. Còn hàng Bồ-tát tuy mang ân Phật nhưng việc hóa độ chúng sinh phải tùy duyên mà giáo hóa, nên phần nhiều không gần Phật. Vì hàng Thanh văn thường gần gũi Như Lai nên nêu trước. Còn Bồ-tát không như thế nên nói sau. Đây là phân biệt xa gần thứ nhất.

2. Phân biệt theo hình tướng oai nghi. Hàng Thanh văn gìn giữ oai nghi hình tướng giống như Phật, đời cùng tôn kính nên nêu trước. Còn Bồ-tát tùy hóa hiện hình tướng oai nghi không nhất định, nên nêu sau. Như ngài Văn-thù trong Vương-xá mùa hạ mà an cư ở ba chỗ, tức là ý



ở đây vậy.

3. Phân biệt theo trị, cũng gọi là nói giáo phân biệt. Như ngài Long Thọ giải thích giáo có hai thứ: là hiển thị và bí mật. Nếu y vào giáo hiển thị thì La-hán, Bích-chi cùng được dứt hết các lậu như Phật, nên nêu sau Phật, mà trước nói Thanh văn. Còn Bồ-tát tùy hóa độ, hiện ở trong các lậu, hiện làm phàm phu. Người đời nếu nghe nói Bồ-tát này là bậc trên của La-Hán thì sẽ rất lấy làm lạ, thế nên nêu sau. Trong các kinh trước, nói Thanh văn phần nhiều đều căn cứ vào đây. Nếu y theo giáo Bí mật sâu xa thì Bồ-tát có đức tôn quý phải nêu trước, Thanh văn có đức kém hơn phải nêu sau. Cho nên kinh Hoa Nghiêm trước nêu các Bồ-tát, đến sau trong hội Kỳ hoàn trùng các mới nêu Thanh văn.

4. Phân biệt nhiều ít. Như kinh Niết-bàn nói: tất cả chúng sinh, ít thì nêu trước, nhiều thì nêu sau. Trong kinh ấy chúng Thanh văn ít, nên nêu trước, chúng Bồ-tát đông nên nêu sau. So nghĩa cuối của Niết-bàn này mà hiểu các kinh khác đều như thế. Ở đây y cứ vào hai nghĩa trước thì trước nêu Thanh văn, sau nêu Bồ-tát.

Trong chúng Thanh văn, văn riêng có bốn: Một là, nêu riêng chúng ấy; hai là, luận về số; ba là, khen về đức; bốn là, nêu tên. Cùng chúng Đại Tỳ-kheo.

Trước nêu chúng ấy, ở đây y cứ vào Phật để rõ chúng ấy. Vì thân gồm với các vị ấy nên gọi là cùng. Đại, tiếng nước ngoài là Ma-ha, có ba nghĩa: Một là, dịch là chúng, như đời có nhiều người, gọi là đại chúng; hai là, dịch là hơn, hơn các chỗ học khác, trong số chín mươi lăm Đạo là cao cả hơn hết, nên gọi là Ma-ha; ba là, dịch là Đại, đầy đủ đức cao, hơn các người mới học nên gọi là Đại. Tỳ-kheo là tiếng Phạn, Hán dịch có năm nghĩa:

1. Bố ma: trước khi xuất gia phát tâm rộng lớn khiến, ma khiếp sợ, nên gọi là Bố ma. Như kinh Niết-bàn nói: vì sao ma sợ? Vì ma có tánh ganh tỵ, sợ người khác hơn mình, thấy người khác hơn mình nên run sợ. Lại sợ người ấy hóa độ nhiều chúng sinh cùng ra khỏi sinh tử, làm trống vắng cảnh giới mình cho nên sợ hãi, vì một trong các nghĩa này nên nêu tên đầu.

2. Khất sĩ đã xuất gia rồi không còn chứa để, xin ăn để nuôi sống, nên gọi là Khất sĩ.

3. Tịnh mạng, khi xin ăn thì chánh mạng xin ăn, lìa bỏ tà mạng, nên gọi là Tịnh mạng. Hai nghĩa này là dựa vào tên thứ hai.

4. Tịnh trì giới: đã xuất gia rồi thì gìn giữ giới cấm trong sạch, không được hủy phạm, nên gọi là Tịnh trì giới.

5. Phá ác: Vì giữ giới nên lia phạm giới, vì thế gọi là phá ác. Hai nghĩa sau căn cứ vào phần cuối mà gọi nhiều người gọi là chúng. Một muôn hai ngàn vị đều tỳ hội.

Một là, luận về số. Cùng nhóm họp gọi là câu.

Hai là, tất cả bậc Đại thánh, thần thông đều đã đạt được.

Ba là, khen đức. Tất cả bậc Đại thánh là khen đức cao của người ấy. Nêu Vương-xá mà so sánh các trường hợp còn lại, nên nói tất cả kẻ độn căn mới học không thể hơn, nên gọi là Đại. Đại có hai nghĩa: Một là, ngôi vị cao nên gọi Đại. Như ngài Liễu Bản Tế... đều rất ráo là bậc Thánh vô học, hơn các vị mới học khác nên gọi là Đại; hai là, đức hơn nên gọi là Đại. Đây đều là hàng lợi căn Thanh văn, thành tựu đức tốt nên gọi là Đại. Hội Chánh gọi là Thánh, thần thông đã đạt là khen đức hơn hết. Chỗ làm phi thường kỳ lạ gọi là Thần. Không bít lấp gọi là thông. Thông gồm có sáu thông là: Thân thông, thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm thông, túc mạng thông và lậu tận thông. Rộng như chương khác, ở đây chỉ nói chung. Các vị Tỳ-kheo này, ở trong Tiểu thừa tu đã rất ráo nên gọi là đã đạt. Hỏi: A-nan khi Phật còn tại thế thì Ngài còn ở vị hữu học chưa được lậu tận (chưa chứng La-hán), vì sao được gọi là tất cả Đại thánh thần thông đã đạt? Giải thích rằng: A-nan tuy ở học địa, chưa được gọi là Đại thánh thần thông đã đạt, như khen theo số nhiều nên nói Đại thánh thần thông đã đạt. Hỏi: A-nan chưa được đầy đủ sao lại nói ở trong chúng này? Giải thích rằng: A-nan trong hội này là người đứng đầu thừa hỏi nên cùng nêu. Lại A-nan là bậc lợi căn rất lớn, tuy ở phẩm vị hữu học mà thành tựu vô lượng công đức thắng diệu. Nên gọi là Đại thánh, đối với thần thông hiểu rõ rất ráo, cũng gọi đã đạt. Từ trước đến đây là khen Đức.

Tên là Tôn giả Liễu Bản Tế, Tôn giả Chánh nguyện, Tôn giả Chánh ngữ, Tôn giả Thiện Thật, Tôn giả Cụ Túc, Tôn giả Ngưu Vương, Tôn giả Ưu-lâu-tần-loa-Ca-diếp, Tôn giả Già-da-Ca-diếp, Tôn giả Na-đề-Ca-diếp, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Kiếp-tân-na, Tôn giả Đại Trụ, Tôn giả Đại Tịnh Chí, Tôn giả Ma-ha Châu-na, Tôn giả Mãn Nguyên Tử, Tôn giả Ly Chương, Tôn giả Lưu Quán, Tôn giả Kiên Phục, Tôn giả Diện Vương, Tôn giả Dị Thừa, Tôn giả Nhân Tánh, Tôn giả Gia Lạc, Tôn giả Thiện Lai, Tôn giả La Vân, Tôn giả A-nan đều là các bậc đứng đầu như thế... Bón là, nêu tên. Trong đây trước nói tên nên gọi là “Tên là”. Các

nhà giải thích kinh nêu chung tiếp nêu riêng. Đây đều là các bậc có đức đáng tôn kính, nên gọi là Tôn giả. Ngài Liễu Bản Tế, có họ là Kiền-

trần-như, tên là A-Nhã. A là không, Nhã là trí, chứng trí Vô thành nên gọi là vô trí. Vô (không) là bản tánh của tất cả các pháp gọi là Bản Tế. Trong đây Bản Tế thấy biết sáng suốt nên gọi là Liễu Bản Tế. Các vị kia thì trong kinh hoặc có nghe tên hoặc không nghe. Trong mười hai ngàn vị kia, ở đây lại nêu ba mươi hai vị đều là hàng đứng đầu như thế, nên đều được cùng khen.

Sau đây là nêu chúng Bồ-tát. Trong đây có bốn: Một là, nêu chúng riêng; hai là, nêu tên Phổ Hiền... ba là, có các Bồ-tát vô lượng đức hạnh trở đi, bốn là, khen đức tướng như thế không thể xưng kể. Dưới là nói chung về số. Lại cùng chúng Bồ-tát Đại thừa cùng nhóm họp.

Chữ “Lại” ở đây là lời nhắc lại. Trước đã nêu chúng Thanh văn, tiếp đến nêu chúng Bồ-tát, nên nói là “Lại”. Nghĩa giống như trước. Vì gần với Phật nên nói là “Lại”. Nghĩa giống như trước. Vì gồm với Phật nên nói là cùng. Nói Đại thừa là nêu Pháp khác với nhân (người). Thừa là hạnh dụng, hạnh có công năng vận chuyển thông suốt nên gọi là Thừa (xe). Thừa có ba: để phân biệt với hai hạng kia, hai hạng kia (là phàm phu và Tiểu thừa) không bằng nên gọi là Thừa. Chúng Bồ-tát cùng nhóm họp là y cứ vào pháp mà nêu người (nhân) không phải đều xưng là chúng. Bồ-tát là tiếng Phạm (Hô), nói đủ là Bồ-đề Tát-Đỏa, gọi tắt là Bồ-tát, Hán dịch là Đạo chúng sinh. Bồ-đề là Đạo, Tát-Đỏa là chúng sinh. Bởi vì người này trong tâm cầu Đạo, có đủ Đạo hạnh. Nhờ Đạo mà thành người nên gọi là Đạo chúng sinh - Hỏi: Bạch Thanh văn, Duyên giác... ở đây đều cầu đạo, đều có Đạo hạnh, đều nhờ Đạo mà thành, vì sao chỉ riêng Bồ-tát gọi là Đạo chúng sinh? Giải thích: Hiền thánh có tên chung, tên riêng: chung thì nghĩa đều như Niết-bàn nói, cho nên văn ấy nói: Tu-đà-hoàn... cũng gọi là Bồ-tát vì mong cầu Tận trí, Vô sinh trí, cũng gọi là Phật. Vì Chánh giác có cộng Đạo, bất cộng đạo, ở đây chỉ phân biệt sự khác nhau về Hiền thánh. Thế nên riêng gọi chúng sinh Đại thừa là Bồ-tát. Vì sao? Vì Bồ-tát thì có ba nghĩa.

1. Phân biệt theo nguyện tâm mong quả: chỉ có chúng sinh này là cầu Đạo Bồ-đề, còn các vị kia thì không cầu, thế nên riêng gọi là Đạo chúng sinh. Nên Địa luận nói: “Nhất tâm quyết định nguyện cầu Bồ-đề nên riêng gọi Bồ-tát”

2. Phân biệt theo hiểu tâm mong lý. Phàm phu thì chấp có, Nhị thừa thì chấp không, chẳng hiểu Trung đạo, nên không được gọi là Đạo chúng sinh. Chỉ có Bồ-tát bỏ hết có không, kế hợp Trung đạo, thế nên người ấy gọi là Đạo chúng sinh.

3. Phân biệt theo hạnh: Vào Phật pháp gồm có ba thứ: Một là, giáo;

hai là, nghĩa; ba là, hạnh. Giáo cạn, nghĩa sâu, hạnh là hơn hết. Thanh văn độn căn từ giáo đặt tên. Thinh là giáo, nghe tiếng mà thông suốt nên gọi Thanh văn. Duyên giác cao hơn, từ nghĩa mà đặt tên. Duyên là nghĩa, từ Duyên mà thông suốt, nên gọi là Duyên giác. Bồ-tát cao hơn hết, từ hạnh mà đặt tên, có khả năng thành tựu đạo tự lợi, lợi tha đều lợi, thế nên người ấy gọi là Đạo chúng sinh. Nên kinh Địa Trì nói: Thanh văn, Duyên giác chỉ có thể tự độ, còn Bồ-tát không như thế, mà Tự độ, Độ tha (độ mình, độ người) nên gọi là Đạo thắng. Vì Đạo thắng (Đạo cao quý) nên gọi là Đạo chúng sinh cùng nhóm họp gọi là Câu.

Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Diệu Đức, Bồ-tát Từ Thị... tất cả các Bồ-tát trong hiện tại này. Lại có mười sáu Chánh sĩ, Hiền Hộ... Bồ-tát Thiện Tư Nghị, Bồ-tát Tín Tuệ, Bồ-tát Không Vô, Bồ-tát Thần Thông Hoa, Bồ-tát Quang Anh, Bồ-tát Tuệ Thượng, Bồ-tát Trí Tràng, Bồ-tát Tịnh Căn, Bồ-tát Nguyên Tuệ, Bồ-tát Hương Tượng, Bồ-tát Bảo Anh, Bồ-tát Trung Trụ, Bồ-tát Chế Hạnh, Bồ-tát Giải Thoát ... đều tôn kính đức của Đại sĩ Phổ Hiền.

Kế nêu tên, trước nêu tên các Bồ-tát đã thành Phật trong hiện kiếp Hiền. Lại Hiền Hộ... trở đi là các Bồ-tát đã thành Phật trong các kiếp khác. Trong hiện kiếp thì riêng nêu ba vị Phổ Hiền, Diệu Đức và Từ Thị. Diệu Đức là Văn-thù. Từ Thị là Di-lặc họ Từ nên gọi là Từ Thị, tên là A-Dật-Đa, Hán dịch là Vô thắng, chữ... là các Bồ-tát khác ở trong kiếp Hiền. Tất cả Bồ-tát trong Hiền kiếp này y cứ vào thời gian mà phân chung. Lại nói các Bồ-tát trong kiếp khác, tùy sự cao quý mà lược nêu mười sáu vị Chánh sĩ. Lại mười sáu Chánh sĩ Hiền Hộ... nêu Vương-xá vị đứng đầu mà biết các vị sau. Gồm nêu chung Thiện Tư nghị..., ở mỗi vị đều nêu riêng. Đều tôn quý hạnh của Đại sĩ Phổ Hiền là nêu bày chỗ tu tập cũng được tên, là phân biệt ở dưới khác với ở trên.

Sau đây là phần khen đức, có hai: Một là, khen hai đức quyền thật. Hai là, trong phần tu hành thanh tịnh trở đi là khen hai đức tự lợi, lợi tha. Ở phần Vương-xá có ba:

1. Tự phần lược khen đức.

2. Vào Phật pháp trở đi là thắng tiến rộng khen đức ấy.

3. Đầy đủ công đức vì diệu trở đi là được khen. Đủ các Bồ-tát, vô lượng Hạnh nguyện, an trụ trong tất cả pháp công đức đến khắp mười phương, thực hành linh hoạt phương tiện.

Trong phần lược đầu trước khen thật đức, từ đến khắp trở đi là khen quyền đức. Trong thật thì các vô lượng hạnh nguyện, tu hành đầy đủ. Hạnh tức là các hạnh sáu độ, bốn nhiếp... Nguyện tức là vô lượng

hạnh nguyện Bồ-đề, như kinh Hoa Nghiêm nói ở đây đều đầy đủ. An trụ trong tất cả pháp công đức, thành đức tròn đủ, đức thành không lui sụt, nên gọi là an trụ, có đức thành này nên gọi là tất cả. Công là công năng, các hạnh đều có công năng lợi ích nên gọi là công. Công này là khéo thực hành đức của tự mình nên gọi là công đức. Như đức trong mát của nước nên gọi là công đức. kinh nói công đức có chung, có riêng. Chung thì tất cả các hạnh đều là đó. Riêng thì rộng nói tuệ hạnh là Trí. Bồ thí, giữ giới,... khác gọi là công đức. Ở đây chính là chung. Đức thể gọi là pháp. Trong quyển trước nói đến khắp mười phương, thân hình vô ngại, thực hành quyền phương tiện, hành hóa khéo léo, tùy theo sự vật thích nghi của chúng sinh mà hiện các thứ lạ, gọi là khéo phương tiện, từ trên đến đây tự phần là y cứ vào mà lược khen.

Sau đây là Thắng tiến rộng khen đức ấy. Trong đó, trước khen thật đức. Trong vô lượng cõi hiện thành Phật trở đi là khen quyền đức.

Vào kho Phật pháp, rốt ráo đến bờ kia.

Trước nói về thật, vào kho Phật pháp, chứng hiểu gọi là nhập. Rốt ráo đến bờ kia, là hiện bày quả rốt ráo Niết-bàn, bờ kia đến được thì gọi là rốt ráo. Ở vô lượng thế giới, hiện thành Đẳng giác.

Trong khen Quyền đức, ở vô lượng thế giới hiện thành Chánh giác là khen chung. Đây khen thắng tiến cho nên nêu thành Phật làm Quyền đức.

Ở Đâu-suất trở đi là hiển bày riêng, trong ấy có luận đủ. Ứng có mười tướng: Một là, bay lên trời Đâu-suất; hai là, trở lại vào thai; ba là, trụ thai; bốn là, xuất thai; năm là, tướng trẻ con; sáu là, tướng cưới vợ; bảy là, tướng xuất gia; tám là, thành Phật đạo; chín là, tướng xoay bánh xe pháp; mười là, tướng Bát-niết-bàn. Nay trong văn này thiếu Vương-xá tiếng là trụ thai, chín tướng kia có đủ.

Ở cung trời Đâu-suất giảng nói Chánh pháp.

Trong tướng đầu là ở cung trời Đâu-suất, thân hay lên Đâu-suất. Đâu-suất hay Đâu-thuật vốn là Vương-xá tên mà đọc âm hơi khác. Hán dịch là Diệu túc, cũng dịch là Tri túc, là tầng trời thứ tư trong cõi Dục. Vì sao sinh lên đây? Như kinh Niết-bàn giải thích: Vì cõi trời Đâu-suất cao quý nhất nên sinh lên đó. Tầng trời ấy vì sao cao quý nhất? Là kinh tự giải thích: Các tầng trời trên tầng trời ấy thì ám độn, các tầng trời ở dưới tầng trời ấy thì buông lung. Tầng trời ấy không có lỗi này nên gọi là cao quý. Lại tu bồ thí, giữ giới, được sinh lên các tầng trời ở trên và dưới tầng trời ấy. Tu bồ thí, giữ Giới, thiên định thì sinh lên trời Đâu-suất, nên cõi trời ấy là cao quý - Hỏi: Đâu-suất ở cõi Dục là loạn

địa (đất loạn) thì sao tu thiền Định mà sinh lên đó? Giải thích rằng đây không phải là Định của tám thiền. Bởi cõi Dục trong tâm Tư tuệ mà tu niệm Phật Tam-muội sinh lên cõi trời ấy thì gọi là nương Định vắng sinh. Như Địa Luận, vô lượng khoa mục không thể luận đủ. Giảng nói Chánh pháp là khẩu nghiệp hóa độ người, đến đây tướng đầu đã xong.

Bỏ tầng trời ấy mà giáng thân vào thai mẹ.

Đây là tướng thứ hai. Hỏi: vì sao bỏ tầng trời vui ấy? Vì muốn khiến chúng sinh cõi Diêm-phù cảm biết ân Phật mà sinh tâm kính trọng, nên cần phải bỏ. Đó là nghĩa vì sao phải bỏ tầng trời vui ấy. Chúng sinh Diêm-phù đều nghĩ rằng: Phật bỏ tầng trời vui sinh xuống cõi Diêm-phù là vì thương chúng ta, nên sinh tâm kính trọng. Hỏi: trong bốn loài vì sao Như Lai vào thai sinh? Đáp: trong bốn loài thì oán sinh và thấp sinh quả bảo thấp kém nên Phật không sinh. Hóa sinh tuy cao quý nhưng có nhiều nghĩa. Nên Phật không sinh. Như kinh Niết-bàn nói, lược có tám nghĩa: Một là, ở đầu kiếp thì chúng sinh hóa sinh, lúc đó chúng sinh bịnh xấu chưa phát, không cầu Phật hóa độ nên Phật không xuất hiện. Khi Phật ra đời thì chúng sinh đã thai sinh. Vì muốn thêm lớn năng lực cùng sinh nên thọ thai sinh; hai là, gá sinh vào dòng họ cao quý để biểu hiện thắng pháp nên thọ thai sinh; ba là, sinh vào dòng vua là để nhờ hộ pháp nên thọ thai sinh; bốn là, muốn dạy người kính trọng cha mẹ nên thọ thai sinh; năm là, sinh vào giòng họ cao quý để dứt sự kiêu mạn của mọi người nên thọ thai sinh; sáu là, thọ thai sinh để dứt việc chê bai, nghĩa ấy thế nào? Như Phật độ sinh có nhiều người chê bai, nói Phật huyền hóa, không phải chân thật, vì để dứt chê bai nên không hóa sinh mà thọ thai sinh; bảy là, vì muốn lưu thân để ích cho đời sau nên thọ thai sinh. Nghĩa ấy thế nào? Nếu Phật hóa sinh thì lại phải hóa diệt, như ánh điện lóe sáng rồi thì không còn gì nữa, nên Phật lưu Xá-lợi sau khi thiêu thân mà giúp ích cho đời sau, nên thọ thai sinh; tám là, cùng như các Đức Phật mà thọ thai sinh, vì các Đức Phật ba đời đều là chúng sinh hóa thai, pháp thọ thai sinh nên phải làm giống như thế. Vì có nhiều nghĩa như thế nên thọ làm thai sinh. Nói tướng thứ hai đã xong.

Từ hông bên phải sinh ra, thị hiện bước đi bảy bước, ánh sáng rực rỡ chiếu khắp vô lượng cõi Phật ở mười phương. Sáu thứ rung chuyển, cất tiếng tự nói rằng: ta là Đấng vô thượng tôn ở đời, Thích Phạm kính thờ, trời, người kính ngưỡng.

Đây là tướng sinh ra thứ tư. Trong đây có ba: Một là, chỗ sinh khác thường; hai là, bước đi là sự thị hiện đặc biệt; ba là, Thích Phạm trở đi là



trời, người kính ngưỡng - Ở thai mẹ từ hông phải mà ra. Người đời chổ sinh bất tịnh hôi hám dơ bẩn, còn Phật thì khác nên từ hông phải sinh ra như ra khỏi đám mây mù, thân mẹ vẫn y nhiên không khổ - Trong phần thị hiện đặc biệt là hiện thân có ánh sáng đặc biệt và miệng nói ra lời đặc biệt (Ta là Đấng...) Trong thân có ba: Một là, ở mười phương đều đi bảy bước, là thị hiện năng lực hăng hái của trượng phu là trong mười phương không hề sợ sệt; hai là, ánh sáng ở thân chiếu khắp khiến mọi người đều hay biết; ba là, rung chuyển mặt đất khiến ma khiếp sợ. Sáu thứ rung chuyển, như Địa kinh nói sáu thứ là Động, Dũng, Chấn, Giác, Hống, Khởi. Động thì như xe nghiêng lật - Dũng (phun) thì như suối phun, như nước sôi trào, chân như sụp xuống. Giác là thế rung chuyển khiến người biết, chúng sinh ở trên không (chim) cũng biết. Hống, là phát ra tiếng hay. Đất như bột mì nổi lên là khởi. Ở trên nói thân tướng đặc biệt: cất tiếng trở đi là miệng hiện tướng đặc biệt, tự nói tôn hiệu, khiến mọi người nương về. Như trên là nói tướng đặc biệt thứ hai. Trong phần ba trời, người kính ngưỡng thì văn đã nói rõ. Phật có đức sâu rộng nên khiến Phạm Thích đều đến tôn thờ, Trời, người kính ngưỡng. Nói tướng thứ bốn đã xong.

Thị hiện các tài tính toán, văn chương, võ nghệ bắn cung, cỡi ngựa, lầu thông Đạo thuật, thông suốt các sách vở.

Đây là tướng còn nhỏ (trẻ con) thứ năm, trong đó có hai: Một là, thân đủ các nghề, tức là các việc tính toán văn võ... Phật đã biết từ lâu nhưng thị hiện mới học nên gọi thị hiện; hai là, u thông trở đi là kiến thức rộng rãi, trước lầu thông các thuật huyền bí, không gì chẳng rộng học, xem rộng các sách vở, là biết giáo rộng rãi. Các kinh sách lạ của thế tục gọi là các sách thì đều biết hết, gọi là quán luyện quần tịch, là tướng thứ năm. Dạo ra vườn hoa diễn võ thi nghề, hiện sống trong cung đủ cả sắc vị.

Đây là tướng vợ con thứ sáu. Về dạo ra vườn hoa diễn võ thi nghề, trước khi cưới vợ như kinh Bản Khởi nói: cưới ngựa đấu sức, gọi là diễn võ, cùng bắn trống vàng gọi là thi nghề. Hiện sống trong cung đủ cả sắc vị. Sau khi cưới vợ thì Phật thật sự lia ái, tùy hóa độ mà thị hiện việc ở, nên thị hiện sống trong cung. Vì sao hiện tướng này? Giải thích rằng trước nhận sau bỏ, nói lên dục đáng chán. Tướng thứ sáu đã nói xong.

Thấy già bệnh chết, thấu hiểu đời vô thường, bỏ đất nước, tiền tài, ngôi vị, vào núi học đạo, thuyết phục ngựa trắng, cỡi mũ báu chuỗi ngọc bảo người hầu đem về. Bỏ y phục quý mà mặc pháp phục, cạo bỏ râu tóc, ngồi thẳng dưới cội cây, khổ hạnh sáu năm, thực hành như chỗ



muốn.

Đây là tướng xuất gia thứ bảy, trong đó sáu câu hợp thành ba đối. sáu câu ấy là thấy già bệnh chết, ngộ đời vô thường bỏ đất nước, tiền tài ngôi vị là câu thứ nhất, nói việc bỏ như Bản khởi nói: Ra thành đạo xem, cửa Đông thấy già, cửa Nam thấy bệnh, cửa Tây thấy chết, rồi đem suy nghĩ thì ngộ thân vô thường, nên sinh chán lìa mà bỏ đất nước, tiền tài, ngôi vị. Vào núi học Đạo là câu thứ hai, bày việc học tập. Ở cửa Bắc thấy vị Sa-môn, do thấy Sa-môn nên cầu học Đạo, vẫn lược bỏ không nói. Đây là hai thứ đối nhau. Lại thuyết phục ngựa trắng, cởi mũ báu chuỗi ngọc bảo người hầu đem về. Bỏ y phục quý là câu thứ ba. Lại nói việc bỏ mà mặc pháp phục, là câu thứ bốn nói lên cái mà Ngài nhận được. Đây là hai thứ đối nhau. Cạo bỏ râu tóc là câu thứ năm. Nhắc lại chỗ bỏ, ngồi thẳng dưới cội cây là câu thứ sáu nói việc làm của Ngài, cũng nói việc tu khổ hạnh sáu năm, trước cũng có lúc thực hành theo tà giáo, sau đổi tà học theo chánh. Chánh đạo là đáng tu học bền thực hành theo. Đây là hai thứ đối nhau. Tướng thứ bảy đã xong.

Từ đây trở đi là tướng thứ tám thành Phật Đạo, trong đó tùy việc thứ lớp có năm: Một là, tắm gội thân dơ bẩn; hai là, từ chim linh trở đi đến Đạo tràng; ba là, Cát tường trở đi là nhận cỏ ngồi yên; bốn là, đại lực hàng phục ma; năm là, được vi diệu trở đi là hiện thành Phật đạo.

Hiện vào cõi năm thứ vẫn đục, thuận theo chúng sinh mà hiện bày có dơ bẩn tắm gội dưới sông Kim. Các vị trời đẽ cây cây xuống để Ngài vịn vào lên khỏi sông.

Trong ba câu, Vương-xá là ở cõi vẫn đục nên thị hiện có dơ bẩn. Nói năm thứ vẫn đục: Một là, mạng trước: tức thân mạng này ngăn ngại; hai là, chúng sinh trước: Tức người không có hạnh lành; ba là, phiền não trước: Là các kiết sử tăng mạnh; bốn là, kiến trước, tức tà kiến lừng lẫy; năm là, kiếp trước: tức đối khát bệnh tật đao binh tranh nhau khởi lên. Ở uế độ có các thứ này nên gọi là cõi có năm thứ vẫn đục. Phật thị hiện ở trong đó thuận theo chúng sinh hiện bày có dơ bẩn; hai là, tắm rửa ở sông Kim: Dưới sông Cát vàng tắm gội thân dơ gọi là Mộc Kim Lưu; ba là, trời đẽ nhánh cây xuống để Ngài vịn vào mà lên khỏi sông.

Chim Linh bay liệng theo sau bèn đến Đạo tràng.

Phần hai là, chim linh bay liệng bèn theo đó mà đến Đạo tràng. Như trong kinh nói: Có năm trăm con chim sẻ xanh theo sau Phật gọi là chim linh bay liệng theo sau, đây đều là chim thần nên gọi chim linh. Chỗ Phật chứng được đạo gọi là Đạo tràng, như chỗ chế biến gạo gọi là Mạch tràng, chỗ làm lúa gọi là Cốc tràng, tất cả giống như thế.

Cổ cát tường cảm điềm lành biểu hiện công đức, thương xót nhận cổ bố thí, lót trải dưới gốc cây Phật mà ngồi kiết già.

Trong đoạn ba, ban đầu cảm được cát tường làm điềm lành. Cát tường là tên người cất cỏ. Trong kinh cũng gọi là Kiết an, an tường cùng nghĩa. Phật sắp thành Đạo cảm được người này làm điềm lành, biết mình chắc chắn sẽ thành quả tốt đẹp, thế nên gọi là cát tường làm điềm lành. Tức người này biểu hiện cho mình thành công quả Phước đức, nên gọi là biểu chương công tội. Kế tiếp từ nhận cỏ tâm Phật thương xót mà đích thân nhận cỏ nên gọi thương nhận cỏ bố thí. Sau đó lót chỗ ngồi nương cây mà được thành Phật nên gọi cây Phật, lót dưới cây này mà ngồi kiết già. Bởi tùy người thấy nghe khác nhau. Nếu nói theo Bồ-tát thì thấy Phật Như Lai từ mé Kim cang khởi lên tòa Kim cang, đến chỗ Đạo tràng, Phật ngồi trên đó mà thành Phật. Như kinh Niết-Bàn nói phàm phu, Nhị thừa chỉ thấy Như Lai ngồi trên tòa cỏ của Kiết an như ở trên đã nói.

Phát ra ánh sáng rực rỡ khiến ma đều biết, ma đem quân đến ép bức, bèn dùng trí lực áp chế, chúng đều bị hàng phục.

Đoạn thứ tư, trước phát ra ánh sáng khiến quân ma đều biết. Kế tiếp quân ma đến áp bức thi tài sau đó bị Phật hàng phục. Nói “Dùng trí lực” là trí đức hàng ma, gọi là Chánh trí, biết tà không theo. Lực tức là sức thần, sức thông hàng phục các ma, cũng có thể gọi là sức Từ, tức từ tâm hàng phục các ma đều khiến hàng phục, là khả năng hàng Ma. Ma-la là tiếng Phạm (Hồ) Hán dịch là Sát, là giởn hại người, nói chung có bốn, kinh Niết-bàn nói có tám. Những gì là bốn: Một là, phiền não ma, tức tham, sân, si... làm hại pháp lành; hai là, ấm ma, tức thân năm ấm, tiêu diệt lẫn nhau; ba là, Tử ma, làm hoại mạng sống; bốn là, Thiên ma, tầng trời thứ sáu là, trời Tha hóa riêng có Thiên ma, thích làm hại các điều lành của người khác. Trong bốn thứ ma này, ma đầu là Nhân sinh tử, ma chót Thiên ma là duyên sinh tử, hai thứ ma Ấm, và tử là quả sinh tử. bốn thứ ma này Đại, Tiểu thừa đều nói. Nói tám thứ, thì bốn thứ trên lại thêm bốn thứ tâm điên đảo là đối với chân đức của Phật thì thường cho là vô thường, vui cho là khổ, Ngã cho là Vô ngã, Tịnh cho là Bất tịnh. Vì bốn thứ này, gần thì làm hoại Chánh giải (hiểu biết chân chánh) xa thì Chướng chân đức nên gọi là Ma. bốn thứ sau Tiểu thừa chưa thấy là tai nạn nên không nói là ma, còn Đại thừa thấy là lỗi nên nói là ma. Luận chung về tám thứ này thì đều phải hàng phục. Vì sao? Vì phiền não ấm tử, bốn thứ điên đảo trái với vô vi, làm chướng ngại việc tự độ nên cần phải hàng phục. Cách chế phục khác nhau. Với ma phiền não

thì Tiểu thừa thường dùng Đế quán mà hàng phục, Đại thừa thì thường dùng không tuệ mà hàng phục. Còn Ấm Ma, Tử Ma thì Tiểu thừa thường dùng Vô dư Niết-bàn mà hàng phục, được diệt xả. Còn Đại thừa thường dùng thường trụ pháp thân mà hàng phục. Vì không phải là bốn điền đảo nên ở trong nhân lớn thì dùng chánh giải mà hàng phục, ở trong quả lớn thì dùng Bồ-đề Niết-bàn chân đức mà hàng phục - Còn Thiên ma thì đề phòng ở Tự độ (tự độ) cũng phòng ở hóa tha, nên cần phải hàng phục. Pháp dùng khác nhau. Tự độ ở trong nhân thì lấy Chánh trí mà hàng phục, biết là không theo thì nó tự tan mất. Còn tự độ trong quả thì dùng mười Lực mà hàng phục. Mười lực bền chắc không bị ma tà khuấy nhiễu nên tự hành như thế. Còn hóa tha thì pháp dùng không nhất định. Nếu ở trong nhân thì tự thân hàng phục ma, để lợi ích chúng sinh thì thường dùng thần thông, hay người hàng ma thì thường dùng thần chú vì họ không có năng lực hàng phục. Nếu ở trong quả thì tự thân hàng ma để lợi ích chúng sinh, thường dùng từ tâm, đối với ma thương xót thì nó liền tan mất. Còn dạy người hàng phục ma thì cũng dùng thần chú, vì họ không có sức Từ hàng phục được. Nay chỗ luận này là chỉ hàng phục Thiên ma, trái với tự độ thì dùng Chánh trí mà hàng phục, trái với lợi tha thì dùng thần thông mà hàng phục. Nên nói Trí lực đều khiến hàng phục. Được Pháp nhiệm màu, thành Chánh giác cao quý nhất.

Phần năm là, chánh hiện thành Phật. Lý là pháp màu, do được pháp này mà thành Chánh Giác, là tướng thứ tám.

Sau đây là tướng thứ chín quay bánh xe chánh pháp, trước thỉnh sau nói. Phạm Thích khuyên thỉnh cầu quay bánh xe chánh pháp.

Đây là thỉnh lần đầu.

Từ đây là nhân thỉnh mà khởi nói, trong đó có hai: Một là, thân miệng khởi hóa độ; hai là, Từ chỗ phát ra ánh sáng chiếu khắp Vô lượng cõi trở xuống là thân miệng gồm ích.

Phật đến khắp mọi nơi, dùng tiếng Phật mà giảng pháp, đánh trống pháp, thổi loa pháp, cầm kiếm pháp, dựng cờ pháp, gươm sấm pháp, lóc chóp pháp, tưới mưa pháp, giảng pháp thí, thường dùng pháp âm mà giác ngộ các thế gian.

Trước nói Phật đến khắp nơi là thân nghiệp hóa độ, hiện oai nghi Phật, đi khắp hóa độ chúng sinh, nên gọi đến khắp. Tiếng Phật trở đi là khẩu nghiệp hóa độ. Trong mười câu thì Vương-xá câu tiếng Phật giảng pháp là nói chung tất cả Thánh giáo do Phật nói, Bồ-tát dùng văn, tư, tu mà chứng bốn pháp. Đánh trống pháp là nói Pháp Văn tuệ, lợi ích chúng sinh. Đánh trống nghiêm răn quân lính, nói giáo răn dạy người.

Thối loa pháp đúng lúc, nói lý hợp cơ cơ, cầm kiếm pháp là nói pháp tu tuệ lợi ích chúng sinh, vì kiếm có công năng chặt phá, tu có công năng dứt kết - Dựng cờ pháp là nói lên việc chứng pháp, chứng pháp cao tột như cờ bay trên cao - bốn thứ sau là bốn trí Vô ngại giảng nói dạy người, găm sấm pháp là pháp Vô ngại trí hóa độ chúng sinh. Sấm trời Vương-xá khi vang dậy thì cây cỏ đều nảy mầm, pháp âm Vương-xá lần nghe thì mở đạo mau thành - Lóe chớp pháp là nghĩa Vô ngại lợi ích chúng sinh. Ánh điện chớp Vương-xá lần lóe lên thì có người thấy, nghĩa là Vương-xá lần giảng nói thì các nghĩa đều thấy - Tưới mưa pháp là từ vô ngại trí hóa độ chúng sinh, dùng lời lẽ giảng nói như mây tưới nước mưa xuống. Giảng pháp thì thuộc về Lạc thuyết Vô ngại lợi ích chúng sinh, tùy người ham thích mà giảng nói trao cho, gọi là diễn pháp thí. Tám thứ này là riêng. Thường dùng pháp âm giác ngộ các thế gian gồm Vương-xá câu là tổng kết (kết chung) như trên là thân miệng khởi hóa độ thứ nhất.

Từ đây trở xuống là: thân miệng gồm ích thứ hai: trong đó có bốn: Một là, thân nghiệp hàng phục ma khiến lìa tà nghiệp; hai là, từ xé rách trở đi là khẩu nghiệp phá tà, khiến lìa phiền não, hai thứ này đối nhau; ba là, từ vào nước trở đi là thân nghiệp nhận cúng dường, khiến người sinh phước lành; bốn là, từ muốn nói pháp trở đi là khẩu nghiệp nói pháp, khiến tu đạo xuất ly, hai thứ này đối nhau.

Ánh sáng chiếu khắp vô lượng cõi Phật, tất cả thế giới sáu thứ rung chuyển, gồm chung cõi ma.

Trong đây có bốn: Một là, phát ra ánh sáng chiếu khắp vô lượng cõi Phật; hai là, dùng thần lực khiến tất cả cõi sáu thứ rung chuyển; ba là, do phát ra ánh sáng trước nên gần gồm cõi ma khiến đều quy phục; bốn là, do rung chuyển trước mà rung động cung điện ma, khiến ma khiếp sợ.

Xé rách lưới tà, tiêu diệt các kiến, xua tan các khổ nhọc phá tan các hầm hố dục, giữ nghiêm thành pháp, mở mang pháp môn, chùi rửa dơ bẩn, hiển bày sáng sạch, làm cho Phật pháp sáng rõ, giảng nói chánh hóa.

Trong khẩu thứ hai, văn cũng có bốn: Một là, có khả năng hay đánh phá tà, xé rách lưới tà là phá pháp tà. Tiêu diệt các kiến dạy dứt tâm tà, hai thứ này trừ kiến, làm tan hết các khổ nhọc. Vì phá cảnh dục, là cảnh giới năm dục đều có thể đóng bụi bậm, phá loạn chúng sinh, nên gọi là khổ nhọc. Nói không mà khiến phá, khiến làm cho tan, phá hoại các hầm hố tham dục, dạy bỏ tâm dục. Vì tâm ái dục sâu

mà khó vượt nên gọi là hãm hốt. Giáo dứt danh hết, hai thứ này trừ ái, hai thứ này đối nhau, hợp thành ánh sáng bậc nhất phá được tà; hai là, giữ gìn trang nghiêm trở đi là nói có khả năng thông chánh, mà giữ gìn trang nghiêm thành pháp, ngăn người chê bai. Pháp có công năng ngăn ngừa đề phòng nên gọi là thành. Khen điều lành, dứt chê bai, gọi là nghiêm, là Hộ (giữ) - Mở mang pháp môn, là giảng nói chánh giáo, pháp có nghĩa Thông nhập và Thụ nhập nên gọi là môn, giảng nói mở bày khiến vào, nên gọi là mở; ba là, chùi rửa trở đi là kết thúc ý nghĩa phá dẹp tà thứ nhất ở trước. Kiến ái phiền não gọi là dơ bẩn. Dạy trừ gọi là rửa; bốn là, hiển sáng trở đi là nghĩa thông Chánh thứ hai. Hiển bày sáng sạch, làm cho Phật pháp sáng rõ là hiển sáng trước nói giữ cho trang nghiêm thành pháp, trừ tà hiển chánh nên nói hiển sáng. Pháp được hiển lìa khỏi sự chê bai của tà, nên gọi là sáng sạch. Làm cho Chánh pháp sáng rõ, ra khỏi tà vọng nên gọi là quang. Dung là tự khiến sạch nên gọi là dung Phật pháp, mà truyền bá pháp hóa. Chỉ rõ văn trước mở bày pháp môn truyền bá dạy người, nên gọi là khai hiển, cặp đối trước tiên này đã xong.

Vào nước (thành) khát thực, nhận được cơm ngon, chứa nhóm công đức, thị hiện ruộng phước.

Thứ ba là, thân vào nước khát thực. Tiếng Phạm là phân-vệ, Hán dịch là khát thực, nhận được nhiều cơm ngon, nhân ở nơi xin mà được ăn. Từ chứa nhóm công đức trở đi là nhân dùng mà sinh phước. Trữ là chứa. Chứa nhóm nhiều công đức gọi là trữ công đức, thị hiện nhận lấy vật cúng dường nên gọi là thị. Sinh phước lành ở đời ví như ruộng sinh ra các vật phẩm nên gọi là ruộng phước.

Muốn giảng nói pháp, hiện vẻ mỉm cười, dùng các thuốc pháp cứu bệnh ba đường khổ, hiển bày Đạo ý, vô lượng công đức, thọ ký cho Bồ-tát thành Đẳng Chánh giác.

Thứ bốn là, miệng, muốn giảng nói nên hiện mỉm cười, khởi nói các phương tiện, phần sau là chánh thức giảng nói. Trong đó trước nói các pháp thuốc trị bệnh ba khổ, giúp ra khỏi sinh tử. Khổ khổ, hoại khổ và hành khổ, ba khổ này nghĩa như ở chương khác, ở đây nên nói đủ. Trao pháp dạy dứt bỏ gọi là pháp cứu chữa. - Hiển hiện trở đi là khiến người vào Đạo. Trong đó trước nói hiện bày ý đạo, dạy người phát tâm, hiển bày Đạo ý của Bồ-tát phát ra mà khiến người phát. Vô lượng công đức là dạy người phát tâm làm. Thọ ký cho Bồ-tát trở đi là cuối cùng giúp cho được quả, thọ ký Bồ-tát được quả phương tiện, hành nhân được quả, như tâm ghi nhớ vật nên gọi là ký. Bạc Thánh nói chỉ bày cho

người nên gọi là trao. Thành Đẳng Chánh giác là Chánh hiển bày thành Phật, tướng thứ chín đã xong.

Thị hiện diệt độ cứu giúp không cùng, tiêu trừ các lậu, gieo trồng các gốc đức.

Đây là tướng Bát-niết-bàn thứ mười. Thị hiện diệt độ chính là chỉ cho diệt mất (chết) sau bày ích lợi cứu độ vô cùng là bày ích lợi rộng khắp. Tiêu trừ các lậu là nói lên lợi ích đầy đủ. Tiêu trừ các lậu, là nhân thị hiện diệt độ mà khiến người chán có, mà làm nhân dứt bỏ sinh tử

- gieo trồng gốc đức, là nhân thị hiện diệt độ mà khiến người ưa thích vắng lạng, tu nhân Niết-bàn. Xong tướng thứ mười.

Trên đây là rộng khen hai đức Quyền và Thật.

Đây đủ công đức, nhiệm màu khó lường. Đến các nước Phật, khắp hiện Đạo giáo.

Thứ ba là, song kết, đầy đủ công đức, nhiệm màu khó lường, là kết thật đức ở trước, đến các cõi Phật, khắp hiện Đạo giáo là kết quyền đức ở trước. Như trên là kết hai đức quyền thật. Trở xuống là khen công đức tự lợi, lợi tha thứ hai. Có thể làm lợi ích cho mình gọi là tự lợi, giúp mình người cùng lợi nhuận gọi là lợi tha. Việc làm của Bồ-tát cốt yếu không ngoài hai thứ này, cho nên khen ngợi. Trong đó trước lược khen Bồ-tát nghiên cứu kinh điển sâu xa. Sau là rộng khen.

Người ấy tu hành thanh tịnh không dơ, ví như nhà ảo thuật hiện các vật lạ, làm nam tạo nữ, không gì chẳng biến hóa được. Gốc học sáng suốt do ý làm ra. Các Bồ-tát này cũng giống như thế. Học tất cả pháp luyện tập thông suốt, chỗ trụ yên chắc, đều được cảm hóa vô số cõi Phật, thấy đều khắp hiện, không hề kiêu mạn buông lung, thương xót chúng sinh, các pháp như thế, tất cả đầy đủ.

Trong đó trước lược nói riêng, sau rồi chung. Trong riêng có bốn: Một là, tự hành thanh tịnh; hai là, từ ví như trở xuống là nói hạnh hóa độ khéo léo, trước dụ sau hợp. Trong dụ thì trước nói ví như nhà ảo thuật dụ cho việc hóa độ người, hiện ra các vật lạ, làm nam làm nữ,... là dụ tướng khởi Hóa. Gốc học sáng suốt... là dụ đức khởi hóa. Gốc học sáng suốt là dụ rèn luyện hóa pháp. Học là gốc Hóa nên gọi là gốc. Đối với Hóa pháp của Phật rèn luyện khéo léo nên gọi là Học sáng suốt. Việc trong tâm, học thành thì khởi dụng, thành ở tâm nên gọi là ở ý, mặc ý biến hóa tạo ra nên nói những điều làm ra. Sau đó hợp mà hiển bày pháp. Như thế Bồ-tát là dụ cho nhà ảo thuật hợp tất cả,... là dụ khởi đức hóa độ, học tất cả pháp là dụ cho gốc học, nghĩa là học tất cả pháp độ người (hóa tha), luyện tập thông suốt là dụ cho hiểu biết rõ ràng, luyện



tập lâu thông, xét biết nguồn gốc các pháp nên gọi là luyện tập lâu thông - Chỗ ở yên chắc là dụ ở ý. Đối với pháp sở trụ mà an tâm xét kỹ, đều được cảm hóa, hợp với những việc đã làm. Mị là không, chí là vận chuyển đến. Ở mọi nơi đều chuyển hóa; lại chí là cảm chí, khiến tất cả chúng sinh đều được cảm hóa, vô số cõi Phật thấy đều hiện khắp là hợp với hóa tướng ở trước, hiện ra các hình tượng, là nam là nữ... Đây là hóa hạnh khéo léo thứ hai; ba là, chưa từng trở đi là chỉ cho tự độ thanh tịnh thứ nhất ở trước. Với những gì đã được không hề kiêu mạn mà mặc tình buông lung; bốn là, từ thương xót trở đi chỉ cho hóa hạnh khéo léo thứ hai ở trước mà thương xót. Tâm có Bi tâm thương xót chúng sinh, cho nên hay vì người mà làm các thứ khởi hóa. Như trên là riêng khen, pháp như thế tất cả đầy đủ, được nói chung. Như trên là riêng khen.

Sau đây là rộng khen, trong đó có bốn: Một là, y theo pháp của Bồ-tát tu hạnh tự phần; hai là, vô lượng các Đức Phật đều hộ trì trở đi, là nói y Phật pháp tu hạnh thắng tiến; ba là, cúng dường Phật trở đi là y vào tự phần (phần mình) ở trước mà rộng tu thành đức; bốn là, thọ trì pháp Như Lai sâu xa trở đi là y vào thắng tiến ở trước mà tu hành thành đức. Bồ-tát đối với kinh điển thông suốt cùng tận các chỗ nhiệm màu, danh xưng khắp chốn, đạo ở mười phương.

Trong đoạn đầu này, trước tu tự lợi sau khởi việc lợi tha. Bồ-tát đối kinh điển đều thông suốt cùng tận các chỗ nhiệm màu, được chỗ tông yếu, biết rõ diệu chỉ, nên gọi là “Cứu sống yếu diệu”. Danh xưng đến khắp, Đạo ở mười phương là lợi tha. Vô lượng các Đức Phật đều cùng che chở. Chỗ Phật trụ đều được trụ. Chỗ Đại thành lập thì đều đã lập. Sự hóa độ bằng chính đạo của Như Lai đều có khả năng giảng khắp. Vì các Bồ-tát mà làm Đại sư. Dùng thiên tuệ sâu xa mà mở đường mọi người (chúng sinh) rõ thông tánh các pháp, thấu suốt các tướng chúng sinh, hiểu rõ các cõi.

Trong đoạn thứ hai, trước cũng tự lợi. Từ sự hoá độ bằng chánh đạo của Như Lai đều có khả năng giảng khắp trở đi là lợi tha. Đối với tự lợi thì vô lượng các Đức Phật đều che chở, đức trên gồm dưới, đi vào cảnh Phật. Cho nên các Đức Phật đều cùng che chở. Hộ là khiến lìa ác, niệm là khiến thêm điều lành. Chỗ Phật trụ... là dưới tu trên thuận. Trong phần đầu nói: Chỗ Phật trụ là đều đã được trụ, chứng hạnh đồng như Phật, Pháp mà Phật trụ thì Bồ-tát cũng đồng trụ, có thể các Đức Phật trụ ở hạnh Như, thì Bồ-tát cũng đồng trụ. Chỗ Đại Thánh lập đều đã lập, giáo hạnh đồng như Phật. Đại Thánh là Phật, các độ trong pháp giới là do Phật lập, Bồ-tát cũng đồng lập. Dưới là lợi tha, trước là tướng



lợi tha, thông với các pháp trở xuống là nói đức lợi tha. Trong tướng lợi tha, Đạo hóa của Như Lai đều giảng nói khắp, làm thầy các Bồ-tát, dạy pháp lợi người. Đạo hóa của Như Lai đều nói khắp. Nói pháp đồng như Phật, vì các Bồ-tát mà làm Đại sư. Dùng Thiền tuệ sâu xa mà dẫn dắt mọi người, chứng pháp, lợi ích chúng sinh, dùng Thiền tuệ sâu xa, hóa hạnh đồng như Phật. Thiền thì dùng, Tuệ thì rõ suốt, hạnh chứng tuy nhiều nhưng không ngoài các thứ này, dẫn dắt mọi người, lợi ích mọi người đồng như Phật. Trong đức lợi tha thì nói đủ ba thứ hạnh tự tại. Cho nên nói hay hóa độ chúng sinh, thông các pháp tánh, là trí Chánh giác tự tại hạnh. Nghĩa là có khả năng thông đạt pháp tánh của hai đế, thấu suốt tướng chúng sinh là chúng sinh thế gian tự tại hạnh. Có nhiều sinh tử nên nói là chúng sinh, nhiều pháp thành sinh, cũng gọi là chúng sinh. Hoặc hình hoặc thể các thứ tướng trạng, tất cả đều biết, hiểu rõ các cõi, là khí thế gian tự tại hạnh. Câu đầu là nói thông, câu hai là, nói đạt, câu ba là, nói rõ. Nói ở hai tai, ba thứ này rộng như các kinh khác nói.

Từ đây trở đi là thứ ba y theo tự phần rộng tu thành đức. Trong đó có bốn: Một là, gồm tu phương tiện; hai là, cũng vô tác trở đi là nhân tu mà thành đức; ba là, trụ vào định sâu trở đi là nhắc lại khởi tu; bốn là, vượt qua thế gian trở đi là nhắc lại chỗ thành.

Trong phần đầu lại có bốn: Một là, tu tự lợi; hai là, xé bỏ trở đi là nói lợi tha; ba là, vượt qua trở đi lại nói về tự lợi; bốn là, khéo lập trở đi lại nói về lợi tha. Đoạn đầu tự tu là nói tu giáo hạnh, thứ hai là, lợi tha, dạy người lìa lỗi, thứ ba là, Tự lợi, nói về hạnh Tu chứng - thứ bốn là, lợi tha, dạy khiến tu điều lành, nên có bốn phần riêng.

Cúng dường các Đức Phật, hóa hiện thân ấy, giống như ánh chớp, khéo học lược vô úy, hiểu rõ pháp huyễn hóa.

Trong phần đầu Tự lợi, là cúng dường các Đức Phật mà hóa hiện thân ấy, cũng như ánh chớp là nói tu phước hạnh. Cúng dường các Đức Phật là làm phước rộng lớn. Hóa thân như ánh chớp là khởi hạnh nhanh chóng. Trong khoảng Vương-xá niệm thì hóa thân biến khắp đến mọi nơi mà cúng dường các Đức Phật. - Khéo học trở đi là nói tu trí hạnh. Khéo học vô úy, tu tập phương tiện, hiểu rõ huyễn hóa thì trí hạnh thành tựu - Lại học vô úy thì đối với mọi người chẳng khiếp sợ. Hiểu rõ huyễn hóa thì đối với pháp hay biết tất cả, bỏ tà theo chánh nên gọi là khéo học. Được chánh bỏ tà, do đó mà vô úy (không sợ sệt). Dùng trí vô úy mà nhiếp chung các pháp, nên gọi là lược. Cũng có thể học trí này dùng để thâu người, nên gọi là lược. Thấy rõ các pháp lìa tánh có không, cũng như huyễn hóa, chẳng phải có chẳng phải không, nên gọi

là hiểu rõ pháp huyễn hóa. Nếu pháp nhất định là có, thì không gọi là huyễn có. Nếu pháp nhất định là không, thì không gọi là huyễn không. Không pháp mà có mới gọi là huyễn có; Có pháp mà không, mới gọi là huyễn không. Không pháp mà có, có thì chẳng phải thật có. Có pháp mà không, không thì chẳng phải thật không. Huyền pháp như thế, nên lấy đó làm dụ. Hóa cũng như thế, kinh nói mười dụ, nêu đủ ở đây. Như trên là tự lợi, là đoạn đầu đã xong.

Xé rách lưới Ma, cởi mở các trói buộc.

Tiếp nói lợi tha, xé rách lưới ma khiến lìa nghiệp tà, cởi mở các trói buộc khiến lìa phiền não. Gồm có mười triền (mười trói buộc) là: vô tâm, vô quý, thù, hối, san, tật, trạo, miên, phẫn, phú... mười thứ này trói buộc chúng sinh, trói buộc tâm nên gọi là Triền. Còn phược thì có bốn phược là Dục phược, Hữu phược, Vô minh phược, và kiến phược. Các kiết sử ở cõi Dục trừ vô minh và Kiến đều gọi là Dục phược. Ở hai cõi trên (sắc, vô sắc) tất cả phiền não trừ vô minh và kiến, đều gọi là Hữu phược. Vô minh ở ba cõi thì gọi là Vô minh phược. Các kiến ở ba cõi thì gọi là Kiến phược. Vì nó trói buộc chúng sinh, trói buộc tâm, nên gọi là phược. Cũng có thể tất cả phiền não trói buộc được gọi chung là triền phược. Bồ-tát dạy người dứt bỏ nên gọi là cởi mở. Hai đoạn này đã xong.

Vượt hơn địa vị Thanh văn, Duyên giác, được Tam-muội không vô tướng vô nguyện.

Thứ ba là, nhắc lại tự lợi, vượt hơn địa vị Thanh văn, Duyên giác, là hạnh tu thù thắng. Đây là nói nghĩa Thanh văn có ba thứ: Một là, Như Lai nói các giáo thì gọi là Thinh (tiếng), nghe rồi hiểu rõ (hiểu) nên gọi là Thanh văn; hai là, Ngã chúng sinh... chỉ có tên mà không thật có nên gọi là Thinh. Như Địa luận nói: Xem đây mà hiểu nghĩa gọi là nghe; ba là, những điều Phật nói ra là pháp âm Đại thừa nên gọi là Thinh, dùng tiếng Phật đạo khiến tất cả đều nghe, nên gọi là Thanh văn. Như Pháp Hoa giải thích hai hạng trước là Tiểu thừa, hạng thứ ba là, Đại thừa. Ở đây luận về Tiểu, danh nghĩa như thế, thể tướng ra sao? Phân biệt thì có hai: Một là, Thanh văn của Thanh văn; hai là, Thanh văn của Duyên giác. Nghĩa như trên đã giải thích. Trong Duyên giác thì danh nghĩa có ba: Một là, Pháp mười hai nhân duyên gọi là Duyên. Quán mười hai duyên này được giác nên gọi là Duyên giác. Như kinh Thập Nhị Nhân Duyên nói; hai là, hiện ở đời có các sự tướng nhân duyên gọi là duyên, nhờ các việc ấy được ngộ nên gọi Duyên giác. Như kinh Bích-chi-phật Đắc Đạo nói; ba là, pháp giới Như Lai tạng Duyên khởi gọi là Duyên,

trong đó ngộ mê nên gọi Duyên giác. Trong đó hai hạng trước là Tiểu thừa, hạng thứ ba là, Đại thừa. Ở đây luận về Tiểu, danh nghĩa như thế, còn tướng trạng ra sao? Phân biệt có hai: Một là, duyên giác của Duyên giác; hai là, Duyên giác của Thanh văn: - Duyên giác của Duyên giác là người này xưa nay vẫn cầu đạo Duyên giác, thường ưa thích xem xét pháp mười hai nhân duyên, thành tánh Duyên giác. Ở thân sau cùng không gặp Phật ra đời, nhờ duyên các việc hiện tại mà được hiểu đạo. Đó gọi là Duyên giác của Duyên giác. Còn Duyên giác của Thanh văn thì người này xưa nay cầu đạo Thanh văn, thành tánh Thanh văn, gặp Phật nói cho nghe pháp bốn Chân đế, được ngộ sơ quả, vì căn tánh chậm chạp nên không được dứt sạch. Người này bảy lần trở lại thọ sinh cõi trời và cõi người, ở thân cuối cùng không gặp Phật ra đời, nhờ duyên việc hiện tại mà được hiểu đạo. Vốn là hàng Thanh văn, ở thân sau cùng duyên với việc hiện đời mà được hiểu nên gọi là Duyên giác của Thanh văn. Tất cả các trường hợp này Bồ-tát đều trải qua nên nói là vượt hơn. Được Tam-muội không vô tướng vô nguyện, chỗ được sâu xa. Ở đây nói chỗ vào. Chúng sinh và pháp đều không có tự tánh nên gọi là Không. Cho đến tướng Nhân duyên cũng chẳng thật có nên nói là Vô tướng. Ở đây là chỗ chấp, là tâm vọng tướng có thể chấp, nên gọi là Vô nguyện. Tam-muội là tiếng Phạm (Hồ), Hán dịch là Chánh định. Ở trong ba thứ Không này mà Chánh trụ không loạn, nên gọi là Tam-muội. Do đây mà được tên, nghĩa có nhiều môn. Nói rộng trong Vương-xá chương riêng, đây chỉ nói chung. Đoạn thứ ba này đã xong.

Khéo lập phương tiện, hiển bày ba thừa, ở trong đây mà hiện diệt độ.

Thứ tư là, nói lợi tha. Khéo lập phương tiện là Trí hóa tha. Nghĩa của phương tiện nói ra có bốn: Một là, tiến thú phương tiện. Như bảy phương tiện thấy Đạo ở trước, tiến đến quả nên gọi phương tiện; hai là, Thi tạo phương tiện. Như trong mười Ba-la-mật thì phương tiện Ba-la-mật khéo tu các hạnh nên gọi là phương tiện; ba là, Quyền xảo phương tiện, như phương tiện trí trong hai trí, khéo léo giáo hóa chúng sinh nên gọi là phương tiện; bốn là, Tập thành phương tiện, là các pháp cùng thể khéo tập hợp thành nên gọi là phương tiện. Vì thế Địa Luận nói: “Pháp này khéo thành gọi là phương tiện”. Lại kinh khác nói “Sáu tướng môn dùng làm phương tiện”. Đây cũng là tập thành phương tiện ấy. Nay chỗ luận ở đây là Quyền xảo phương tiện. Trong Quyền xảo có ba phương tiện: Một là, Thân nghiệp phương tiện, hiện các hình dạng lạ lùng, như năng lực phương tiện của Quán Thế Âm, việc ấy thế nào? Đáng dùng

thân Phật mà được độ thì hiện thân Phật mà nói pháp, tất cả như thế; hai là, khẩu nghiệp phương tiện, là tùy theo sự hóa độ chúng sinh mà có các thuyết khác nhau, nên gọi là phương tiện. Nếu không có Nhị thừa thì linh hoạt mà nói, tất cả như thế.

3. Ý nghiệp phương tiện, nghĩa là phương tiện trí, tùy theo hóa độ chúng sinh mà có các thứ giải thích khác nhau. Nay ở đây luận về ý phương tiện trong sự linh hoạt. Khéo lập ba nghiệp phương tiện mà khéo léo hóa độ chúng sinh nên gọi là phương tiện. Hiển bày ba thứ này là nói hạnh hóa tha, hiển bày ba thừa, nói nhân ba thừa, y cứ vào đại mà phân tiểu, gọi là thị hiện ba thừa. Ở trong đây mà thị hiện diệt độ, là nói quả Tiểu thừa. Trong tên gọi Duyên giác, trong tên gọi Thanh văn thì ở trong hai hạng này mà nói có Niết-bàn, gọi là hiện Diệt độ. Đây đều là khẩu nghiệp phương tiện. Bốn hạnh như trên, hợp thành hạnh gồm tu thứ nhất.

Từ đây trở đi là nhân tu thành đức thứ hai: Trong đây trước nói về công đức tự lợi, tuyên dương trở đi là nói công đức lợi tha. Ở phần đầu có bốn: Một là, sở chứng bình đẳng; hai là, Từ đầy đủ trở đi là sự thành tựu có nhiều; ba là, Từ rộng khắp trở đi là sở chứng sâu rộng; bốn là, từ được Phật trở đi là sự thành tựu tốt đẹp.

Cũng không tạo tác, cũng không thật có, chẳng sinh chẳng diệt, được pháp bình đẳng.

Trong sở chứng... cũng không có tạo tác, vì không nhân để làm. Cũng không thật có vì không quả để có. Nói chẳng sinh, là không có tịnh nào để sinh. Nói chẳng diệt, là không có nhiễm nào để diệt. Đây là nêu lý do được pháp bình đẳng. Nói về Lý thì gọi không tạo tác, không thật có... ở trước là pháp bình đẳng, chứng hội nên gọi là được.

Thành tựu đầy đủ, vô lượng tổng trì, trăm ngàn tam muội, các căn trí tuệ.

Trong sự thành tựu nhiều này, thành tựu đầy đủ vô lượng tổng trì, được Đà-la-ni, hạnh đức nhiều, như kinh khác nói - Trăm ngàn Tam- muội, các căn trí tuệ, là đức khác nhiều. Tín, Tấn, Niệm... gọi là các căn. Nếu luận chung thì tất cả pháp lành đều gọi là các căn. Như kinh Niết-Bàn nói.

Vắng lặng rộng khắp, đi sâu vào kho pháp Bồ-tát.

Đây nói sở chứng rộng sâu, vắng lặng rộng khắp, sở chứng rất rộng. Đối với tất cả các pháp không khởi vọng tưởng, gọi là vắng lặng rộng khắp. Đi sâu vào kho pháp, sở chứng rất sâu đối với kho chân Pháp thì có thể đi sâu vào.

Được Tam-muội Phật Hoa Nghiêm.

Trong sở thành tựu cao quý chứng được Tam-muội Phật Như Lai Hoa Nghiêm cho nên là đức cao quý. Tam-muội Hoa Nghiêm, như kinh Hoa Nghiêm nói: Tam muội ấy gồm chung cả pháp giới, tất cả Phật pháp đều vào trong ấy: Như trên là nói tự lợi.

Tuyên bày giảng nói tất cả kinh điển.

Tuyên nói tất cả thì hạnh lợi tha, ấy lớn biết chừng nào.

Trụ sâu vào cửa Định, đều thấy vô lượng các Đức Phật hiện tại, trong khoảng Vương-xá niệm đều biến khắp, cứu độ các nạn dữ, các nạn và không nạn, phân biệt hiển bày bờ mé chân thật, được trí biện tài của các Như Lai, vào các lời nói mà khai hóa tất cả.

Thứ ba là, nói lại khởi tu, trụ vào cửa Định sâu xa đều thấy vô lượng các Đức Phật hiện tại, tu khởi tự lợi, trụ sâu vào cửa Định, khởi hạnh sở y, không có tâm qua lại, dùng thẳng năng lực pháp môn Tam-muội mà khởi nên phải trụ Định. Sau đây là nói khởi hạnh, đều thấy vô lượng các Đức Phật hiện tại, nhiếp hạnh rộng rãi. Do thấy nhiều Phật, cúng dường sinh phước, thọ pháp mà sinh trí. Trong khoảng Vương-xá niệm đều cùng khắp, khởi hạnh nhanh chóng. Sau đây là nói lợi tha, cứu các nạn nguy hiểm, các nạn và không nạn, giúp người lìa khổ. Nạn chia ra tám thứ, ba đường là ba, trong loài người có bốn là, đui, điếc, câm, ngọng, hai là, thế trí biện thông, ba là, trước Phật sau Phật, bốn là, cõi Uất-đơn-việt, cõi trời có Vương-xá tức là Trời Trường Thọ ở cõi Sắc. Trong tám nạn này ba đường là khổ nhất. Bồ-tát cứu giúp, trời, người khổ ít, nên gọi là các nạn. Bồ-tát khuyến hóa nên gọi là không nạn. Phân biệt hiển bày, trao cho người pháp lành, phân biệt chỉ bày bờ mé chân thật. Chứng pháp dạy người lý tánh chân thật, được chỗ gọi là bờ mé. Trao người thì danh bày, được trí tuệ biện tài của các Như Lai. Dạy pháp lợi ích chúng sinh, được Trí biện tài của các Như Lai. Nghĩa là được bốn trí Vô ngại biện của Như Lai, hiểu rõ các pháp, vào được lời nói của chúng sinh khởi nói cho hiểu. Vào nghĩa là hiểu, nghĩa là hiểu các thứ tiếng nói của chúng sinh, dùng để khởi nói, khai hóa tất cả, chính là làm rõ khởi nói.

Vượt hơn tất cả các pháp thế gian, tâm thường an trụ vững chắc trong đạo độ đời, đối với tất cả muôn vật được tùy ý tự tại, làm người bạn không mời cho các loài chúng sinh, gánh vác gánh nặng của chúng sinh.

Thứ bốn là, nói sự thành tựu. Ở đây, trước hết là nói thành tựu đức mình. Đối với tất cả trở đi là thành đức lợi tha. Trong đó trước nói vượt

hơn tất cả các pháp thế gian, tâm thường an trụ vững chắc vào đạo độ đời, là nói thành Trí đức. Đế là vững chắc, tức là thường an trụ vào đạo vô vi chân thật độ đời, sau là ở trong lợi tha thì đối với tất cả muôn vật, tùy ý tự tại, thành đức lợi tha. Do thành tựu thần thông cao quý mà đối với tất cả vật tùy ý biến hóa, làm lợi ích chúng sinh gọi là tự tại. Làm người bạn không mời cho các loài chúng sinh để phương tiện giáo hóa làm lợi ích. Thứ là phạm thứ, loại là phẩm loại. Không đợi mời có hai: Một là, xưa không có gốc đạo, mong cảm được Bồ-tát gọi là không mời; hai là, ham vui hiện đời không biết cầu Thánh, gọi là không mời. Bồ-tát ở đây gắng gượng làm bạn, gánh vác chúng sinh làm gánh nặng, chính là nói lợi ích của sự giáo hóa. Thanh văn bỏ chúng sinh, không lấy chúng sinh làm gánh nặng. Bồ-tát gánh vác, nên dùng chúng sinh làm gánh nặng. Gánh riêng có bốn, như kinh Thắng man nói: Phần ba đã xong.

Từ đây là phần thứ bốn, y vào sự thắng tiến ở trước mà thật tu thành đức. Trong đó trước nói về sở tu. Tất cả gốc lành đều độ trở đi là nói về sự thành tựu.

Thọ trì kho Pháp sâu xa của Như Lai, giữ gìn hạt giống Phật, thường không để dứt mất. Khởi lòng Đại Bi thương xót chúng sinh, giảng nói lời từ, trao cho pháp nhãn, đóng bít ba đường, mở cửa pháp lành, lấy pháp không mời mà ban cho dân chúng. Cũng như con hiếu thảo thương kính cha mẹ, đối với các chúng sinh mà thấy như thân mình.

Trong sở tu, ở trước đầu tiên là nói về tự lợi, hai là, khởi tâm từ bi trở đi là nói tu lợi tha - Trong tự lợi thì thọ trì kho Pháp sâu xa của Như Lai, là nói tu thắng giải Như Lai tạng tánh, đó là kho pháp sâu xa của Phật Như Lai. Tối tăm đã xưa tan, sáng rõ tâm mình, nên nói Thọ trì. Giữ gìn hạt giống Phật, không để dứt mất là nói tu thắng hạnh. Pháp giới các độ là hạt giống Phật. Giữ gìn giúp cho lìa chướng mà khởi điều lành không xen hở, gọi là thường không dứt. - Dưới là nói về lợi tha, trước pháp sau dụ. Trong pháp có bốn câu: Một là, hưng khởi tâm thương xót là nói khởi tâm Bi; hai là, giảng nói lời từ trở đi là nói khởi tâm Từ. Nương từ tâm mà khởi nói gọi là giảng lời Từ. Dạy pháp sinh hiểu gọi là trao Pháp nhãn; ba là, đóng bít ba đường, mở cửa pháp lành là hiển bày lợi ích tâm Bi ở trước. Đổ là đóng lấp. Dạy người lìa ác nên đóng bít ba đường. Dạy người tu phước nên mở cửa pháp lành; bốn là, dùng pháp không mời ban cho dân chúng, là hiển bày lợi ích của tâm Bi ở trước. Hai câu trong dụ: Một là, như người con hiếu kính yêu thương cha mẹ là bày đức từ sâu dày. Đối với các chúng sinh trở đi là hiển bày



đức Bi sâu xa, trên là nói chỗ tu, dưới là nói sự thành tựu.

Tất cả gốc lành đều đến bờ kia, đều được vô lượng công đức của các Đức Phật, trí tuệ thánh sáng chẳng thể suy nghĩ bàn luận.

Tất cả gốc lành đều đến bờ kia, là nói chỗ thành tựu. Độ cũng là đến. Bờ kia là Niết-bàn do đi mà đến, nên nhân thành. Đều được Phật trở đi là nói quả thành, gồm có phước trí. Đều được vô lượng công đức của các Đức Phật là nói được phước đức trang nghiêm của Như Lai. Trí tuệ thánh sáng chẳng thể suy nghĩ bàn luận, là nói được trí tuệ trang nghiêm của Như Lai. Trí tuệ rộng sâu, phàm tình không lường biết được, miệng nói cũng không hết được, nên gọi là không thể nghĩ bàn. Như là khen về đức.

Các Bồ-tát Đại sĩ như thế..., không thể tính đếm đều đến nhóm họp.

Không thể tính đếm như thế... là đoạn thứ bốn, nêu bày số lượng. Các vị này đều ảnh hưởng đến việc hiển bày pháp nên đều đến nhóm họp. Vì pháp tâm đồng nhau nên đến cùng lúc Vương-xá. Trên đây là phần nêu bày đồ chúng thứ hai.

Từ đây là đoạn thứ ba, Như Lai hiện tướng làm khởi phát. A-nan thưa hỏi, trong văn có sáu, nhiếp thành ba đôi. Nói văn có sáu: Một là, Như Lai hiện tướng khởi phát; hai là, A-nan thưa hỏi. Đây là đối thứ nhất; ba là, Như Lai xét hỏi: Ông tự hỏi hay người khác bảo hỏi; bốn là, A-nan đáp thật là con tự thưa hỏi. Đây là đối thứ hai; năm là, Như Lai khen ngợi bảo hãy lắng nghe cho kỹ, ta sẽ nói; sáu là, đáp lời trở đi là A-nan vâng, lời bày tỏ ưa thích nghe. Đây là đối thứ ba.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn các căn vui vẻ, sắc mặt thanh tịnh, dung nhan vui vẻ. Bấy giờ là nêu lúc hiện tướng. Phật đủ các đức khiến đời kính ngưỡng, nên gọi là Thế Tôn. Nếu nói tiếng Phạm là Lâu-già-đà, Hán dịch là Thế Tôn. Các căn vui vẻ... là nói tướng được hiện. Các căn vui vẻ là thị hiện tướng vui. năm căn Nhãn... đồng hiện tướng vui, nên gọi là Duyệt dự - Sắc mặt thanh tịnh là hiện vẻ mừng, sắc không lo buồn nên nói thanh tịnh. Dung nhan vui vẻ là hiển bày lại sắc mừng, dung nhan vui vẻ là nhắc lại tướng vui. Vui vẻ là đáng vẻ cao quý. Vì sao Phật vui? Vui vì có hai nghĩa: Một là, nghĩ Di-đà sẽ thành hạnh đức đáng mừng; hai là, nghĩ chúng sinh được lợi ích khi chết nên sinh vui mừng.

Tôn giả A-nan nương thánh chỉ của Phật liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, sửa y bày vai phải, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng.

Trong đoạn thứ hai, Tôn giả A-nan là người hay thỉnh, nương



Thánh chỉ Phật là hiển bày chỗ tỉnh nương, chỉ là ý chỉ. Đây là nương ý lực che chở của Như Lai, nên nêu các câu hỏi. Liền từ chỗ ngồi, là mở phương tiện thưa hỏi mà bạch Phật... là chánh thức nêu các lời.

Trong lời có ba: Một là, nêu những điều thấy được; hai là, từ vắng trở đi là phản ảnh những điều mình nghĩ; ba là, vì sao trở đi là kết thúc thưa hỏi những việc phải làm.

Hôm nay, Đức Thế Tôn các căn vui vẻ, sắc mặt thanh tịnh, dung nhan vòi vọi như tấm gương sáng sạch. Hình ảnh vui sướng trong ngoài, oai dung sáng rõ, siêu tuyệt vô lượng, chưa từng trông thấy tốt đẹp như nay.

Trong đây, trước là pháp, tiếp là chỉ rõ, sau là hợp. Chưa từng trông thấy là lạ lùng xưa nay. Trong pháp lại nêu trước mặt hiện ra dụ như ảnh và gương trong ngoài. Gương sáng chiếu ra ngoài gọi là ảnh bên ngoài, ánh sáng chiếu ngoài hiện rõ trong gương gọi là ảnh bên trong. Thân Phật cũng thế, ánh sáng bên ngoài phát ra hiển sáng thân Phật gọi là ảnh bên ngoài. Hợp dụ thì phải biết như thế nào. Chưa từng trông thấy tốt đẹp như hôm nay là lạ lùng xưa nay.

Đúng thế Đại thánh, tâm con nghĩ rằng: Hôm nay Đấng Thế Tôn an trụ trong pháp đặc biệt. Hôm nay, Đấng Thế Hùng trụ vào chỗ các Đức Phật đã an trụ. Hôm nay Đấng Thế Nhân trụ vào hạnh Đạo sư. Hôm nay Đấng Thế Anh trụ vào đạo tối thắng. Hôm nay, Đấng Thiên Tôn thực hành đức Như Lai. Các Đức Phật quá khứ, hiện tại, vị lai Phật đều nghĩ nhớ nhau, có phải nay Phật đang nghĩ nhớ đến các Đức Phật chăng?

Thứ hai là, trình bày những điều mình nghĩ. Trong đó trước nói: Đúng thế Đại Thánh, tâm con nghĩ rằng, là gồm nói tâm mình. Duy là nghĩa chuyên nhất, là trình bày những điều suy nghĩ của mình, nên gọi là duy. Nhiên là vậy, thế. Tổ bày trong tâm mình thật nghĩ như thế nên gọi là đúng thế (duy nhiên). Trình Phật biết nên gọi là Đại Thánh, tự nói tâm mình gọi là con nghĩ rằng. Sau đó là chỉ bày riêng. Trong đó, trước nghĩ những điều Phật đã được, từ khứ lai hiện trở xuống là nghĩ những điều Phật làm, trong năm câu trước là ẩn kín khó biết mà đem ra nói. Câu đầu là chung, bốn câu kia là riêng. Trong chung trước nói: Hôm nay Đức Thế Tôn, là nêu riêng chỗ nghĩ, là để phân biệt với các Đức Phật khác nên nói hôm nay. Chữ “Hôm nay” trong các câu kia cũng thế. An trụ vào chỗ đặc biệt là pháp Phật được vượt hơn các người khác, ở đời không có, nên nói là đặc biệt. bốn câu dưới là hiểu riêng: Câu đầu là đức của mình, câu hai là, lợi tha, câu ba là, đức của mình, câu bốn là,

lợi tha. Câu Vương-xá và ba là, đức mình thì có gì khác? Trước là Như Lai, sau là Bồ-đề. Câu hai và bốn lợi tha có gì khác? Trước là hạnh lợi tha, tức là bốn pháp nhiếp... sau là đức lợi tha, tức mười Lực, bốn Vô ngại... Trong đó, Thế Hùng là tên khác của Phật. Phật ở thế gian rất hùng mạnh, nên gọi Thế Hùng. An trụ chỗ Phật trụ là Niết-bàn thường quả, các Đức Phật cùng trụ. Hôm nay, Đấng Thế Hùng an trụ vào chỗ trụ kia, tức là trụ Đại Niết-bàn mà có khả năng khởi lên hóa dụng, cho nên nghĩ đến. Trong câu hai: Hôm nay, Đấng Thế Nhân, là tên khác của Phật, có khả năng mở mắt cho người đời, giúp họ thấy được Chánh đạo, nên gọi Thế Nhân. An trụ hạnh Đạo sư, tức bốn pháp nhiếp... là hạnh Đạo sư hóa độ người của Phật, nay Phật an trụ vào đó. Do Phật trụ hạnh này nên nay muốn dạy người giúp họ vào Phật pháp, do đó mà nghĩ đến. Câu ba: Hôm nay, Đấng Thế Anh, là tên khác của Phật, Phật ở thế gian rất là tốt đẹp hơn hết, nên nói là Thế Anh. An trụ trong thắng đạo, tức Vô thượng Bồ-đề là đạo tối thắng. Trong chứng chơn đạo là đạo Bồ-đề. Nay Phật an trụ vào đó. Do trụ đạo này nên biết Đức của các Đức Phật, nên nay nghĩ đến. Câu bốn: Hôm nay, Đấng Thiên Tôn, là tên khác của Phật - Thiên có năm thứ như kinh Niết-bàn nói: Một là, Thế Thiên, tức là vua loài người, gọi là Thiên tử; hai là, sinh Thiên, tức Tứ Thiên Vương cho đến phi tướng; ba là, Tịnh Thiên tức là Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi-phật; bốn là, Nghĩa Thiên, tức là các Bồ-tát hiểu các pháp là nghĩa vắng lặng; năm là, Đệ Nhất Nghĩa Thiên: Tức là Phật, Như Lai hiểu biết nghĩa “Phật tánh bất không”. Phật ở trên hết trong thứ năm thiên như thế nên gọi là Thiên Tôn. Thực hành đức của Như Lai là mười Lực vô úy, mười tám Bất cộng, năm Nhân, sáu Thông, bốn Vô ngại... là công đức của Phật. Đi vào gọi là Hạnh. Do vào đức này mà kham nhận hóa độ chúng sinh, nên nay nghĩ đến. Một đoạn trên đây là nghĩ những điều Phật được, sau đây là nghĩ những điều Phật làm. Nghĩ các Đức Như Lai làm những điều như thế, các Đức Phật quá khứ vị lai, hiện tại, Phật Phật nghĩ nhớ nhau. Nêu các thứ kia mà suy ra thứ này, có phải hôm nay Phật đang nghĩ đến các Đức Phật phải chăng? Suy lường đây mà nghĩ kia. Phải chăng là lời chưa quyết định, dùng lý suy lường, chưa dám chuyên quyết, thế nên nói phải chăng.

Vì sao oai thần sáng rõ như thế?

Là chung hỏi những điều đã làm. Cặp đầu tiên này đã xong.

Do đó, Đức Thế Tôn bảo A-nan rằng: Thế nào A-nan! Các vị trời bảo ông đến hỏi Phật hay do tuệ kiến của mình mà hỏi oai nhân ư?

Thứ ba là, Như Lai xét hỏi, bảo rằng thế nào là hỏi chung, các

vị trời bảo ông hỏi hay ông tự biết (dùng tuệ kiến) là hỏi riêng, A-nan bạch Phật rằng: không có các trời đến bảo, mà con tự biết hỏi nghĩa này.

Thứ bốn là, A-nan thập đáp, không có trời dạy con. Đối trước Phật mà nói, tự y cứ vào những điều mình thấy (tự biết) mà hỏi nghĩa này. Cặp thứ hai này đã xong.

Từ đây là thứ năm, Như Lai khen hỏi, khuyên lắng nghe nói. Trong đó, trước khen lời hỏi. A-nan nên biết Như Lai Chánh giác trở đi là nêu công đức Phật, khuyên lắng nghe sẽ nói.

Phật bảo: Tốt lắm A-nan, ông hỏi rất đúng lúc, phát trí tuệ sâu, biện tài rất giỏi, rất thương xót chúng sinh. Lời hỏi này rất thông minh Như Lai sẽ vì lòng Đại bi không cùng thương xót ba cõi, nên đã xuất hiện ra đời, sáng mở Đạo giáo, muốn cứu giúp chúng sinh mà ban cho lợi ích chân thật, vô lượng ức kiếp khó gặp khó thấy, cũng như hoa Linh thoại lúc nào cũng mọc ra. Nay câu hỏi rất nhiều lợi ích, khai hóa tất cả trời, người.

Trong khen, trước nói tốt lắm, A-nan. Lời hỏi rất đúng lúc, là khen chung. Thiện là tốt, tai là trợ từ. - Xứng cơ, đúng pháp, hợp thời gọi là đúng lúc. - Phát sâu trở đi là riêng: Phát trí tuệ sâu là khen câu hỏi là trí. Ở trước nghĩ năm công đức của Phật gọi là phát trí sâu. Rất giỏi biện tài, là khen lời câu hỏi, ở trước khen Phật trụ vào năm đức, gọi là Rất giỏi tài biện. Luận biện chân thật gọi là chân, nói khéo gọi là Diệu. Lời biện luận rõ, nói năng tài khéo, nên gọi là biện tài - thương chúng sinh mà hỏi nghĩa, khen tâm hỏi của ông, cũng được gọi là khen hỏi những điều phải làm. A-nan ở trước Phật nêu năm đức mà làm thưa hỏi. năm đức này lấy tuệ làm chính nên gọi là lời hỏi tuệ nghĩa - Như Lai trở đi là khen câu hỏi lợi ích. Trong đó có bốn: Một là, Như Lai hiển bày bi tâm của mình thương xót chúng sinh, bi của Phật rất cao quý, các thứ khác không thể thêm, không thể bao trùm ở trên nên gọi là Vô cái bi. Cũng có bản kinh sửa là không cùng. Nhưng vô cái là đúng, không cần sửa đổi. Dùng Đại bi này mà thương xót ba cõi. Càng cũng giống như lân, nghĩa là thương. Cõi Dục, Sắc và Vô sắc là ba cõi; hai là, do đó trở đi là Như Lai trình bày lý do vì chúng sinh mà xuất hiện ra đời. Lời hỏi đã khởi phát để tỏ bày ở dưới. Mở sáng đạo giáo muốn cứu chúng sinh là dạy pháp lợi người, ban cho lợi ích chân thật, chứng pháp làm lợi ích chúng sinh, lý ấy chân thật. Dạy cho đi sâu vào gọi là lợi; ba là, vô lượng ức trở đi, là nói Phật rất khó gặp. Trước là pháp, sau là dụ; bốn là, nay những điều hỏi trở đi là y cứ vào ba cõi mà nói câu hỏi có ích. Câu

hỏi này có lợi ích nhiều là nói chung có ích, khai hóa tất cả là nói riêng có ích. Trên đây là khen điều thưa hỏi.

Sau đây là nêu Phật khuyên lắng nghe. Trong đây, trước rộng nêu Phật đức (đức của Phật) trình bày lại lời khen ở trước, A-nan lắng nghe trở đi là khuyên lắng nghe lời nói, nói ý nghĩ của mình. Lại, ở đoạn trước rộng nêu đức của Phật mà nói mình hay nói, sau khuyên lắng nghe, là nói mình muốn nói. Ở đoạn trước, trước nói quả cao quý, do đó trở đi là luận nhân bày quả.

Này A-nan nên biết! Như Lai Chánh Giác, trí của Ngài khó lường, dẫn dắt nhiều chúng sinh, tuệ kiến vô ngại, không thể dứt mất. Dùng năng lực một bữa ăn có thể sống lâu trăm ngàn ức kiếp, vô số vô lượng, lại quá hơn đây. Các căn vui vẻ không thể phá hư, sắc đẹp không biến đổi, dung nhan không đổi khác.

Trong đây nói quả. Trước đối với ý nghĩ A-nan nói Phật tuệ cao quý. Dùng Vương-xá bữa ăn trở đi là đối với những điều A-nan thấy, các căn vui vẻ là nói thân Phật cao quý, tuệ Phật cao quý. Như Lai Chánh Giác là nêu chung về Trí Phật. Trí ấy khó lường là hiển bày riêng sự cao quý. Trí ấy khó lường là nói trí ấy sâu xa. Chứng tột Niết-bàn sâu xa pháp tánh, nên trí khó lường. Đây là trước an trụ chỗ Phật an trụ, là trí khó lường. Chứng pháp gọi là trụ. Dắt dẫn nhiều chúng sinh là nói trí rộng. Đây là trước đó trụ trong hạnh đạo sư. Tuệ trí vô ngại là nói tự tại. Đối với các pháp môn sự thấy biết vô ngại thì đây là tiến hành Như Lai Đức, không thể dứt mất, là nói trí cao quý, không bị người khác làm dứt mất, hiển bày tướng cao quý, gọi là không thể dứt mất. Đây là trước trụ trong Đạo tối thắng. Sau đó nói thân cao quý. Dùng năng lực Vương-xá bữa ăn mà sống lâu... là y cứ vào hóa mà hiển thật, nói thể Phật là thường. Vì thật thường nên tùy hóa mà hiện năng lực Vương-xá bữa ăn có thể sống nhiều kiếp mà thân không suy tổn. Cũng được gọi là dựa vào thật mà hiển hóa. Trong văn trước nói dùng năng lực Vương-xá bữa ăn mà có thể sống lâu ức trăm ngàn kiếp là nói mạng thường - Các căn vui vẻ, là nói thân thường, các căn vui vẻ không bị hủy tổn, là y cứ vào sự hiển hiện các căn vui vẻ mà nói thường đức. Sắc đẹp không biến đổi là y cứ vào chỗ hiện ra sắc đẹp thanh tịnh mà nói thường mạng. Dung nhan không đổi khác là y cứ vào chỗ hiện dung nhan vòi vọi mà nói thường định. Như trên y cứ vào quả mà nói hai thứ thân và tuệ của Phật đều cao quý. Dưới kể nêu nhân mà hiển bày thành tựu quả ở trước.

Vì sao? Vì định tuệ của Như Lai cùng tận không cùng, đối với tất

cả pháp được tự tại.

Vì sao, là phát khởi bằng cách hỏi? Sở dĩ Như Lai được Thắng tuệ và thường thân này là sao? Nêu câu hỏi phát khởi. Sở dĩ như thế là cặp ở dưới sẽ giải thích. Định tuệ của Như Lai cùng tận không cùng, là nói sự tu hành đã thành đủ cho nên cao quý. Định chỉ, tuệ quán hai hạnh chính này do đó nêu riêng, các thứ khác đều do đây, cho nên ẩn mà không nói. Định tuệ rốt ráo nên gọi là cùng, thông thương tự tại nên gọi là tận. Rộng lớn vô biên nên gọi là không cùng. Đây là hạnh của tâm ấy tự tại. Đối với tất cả pháp được tự tại, là nói sự tu học tự tại, cho nên cao quý. Đây là hạnh tự tại của pháp ấy, khéo vào tất cả cửa pháp giới. Năng lực pháp môn không đâu chẳng hiện, nên gọi là tự tại. Như trên là nêu rộng Phật đức, thuật lại lời khen trước.

Này A-nan hãy lắng nghe, giờ đây ta sẽ nói cho ông nghe.

Phật khuyên lắng nghe, sẽ nói những điều mà ý mình nghĩ. Tức là nghĩ Phật Vô Lượng Thọ ở Tây phương. Lắng nghe là ra lệnh, khuyên. Cho ông nghe là nhận lời. Phần thứ năm đã xong.

A-nan thưa: Vâng con rất muốn nghe.

Thứ sáu là, A-nan vâng lời lắng nghe thọ nhận. Văn nói khá rõ. Như trên là phần tựa đã xong.

Trong phần Chánh tông văn riêng có ba: Một là, nói những điều đã làm; hai là, A-nan bạch Phật tỳ-kheo Pháp Tạng thành Phật mà diệt độ trở đi là nói sự thành tựu; ba là, Phật bảo A-nan: chúng sinh nào sinh về nước ấy, trụ vào Chánh định... là nói sự nhiếp thọ - ba phần này đều nói về Phật A-di-đà - Nói những điều đã làm là nói Như Lai ấy từ xa xưa đã tu Vô lượng hạnh nguyện - Nói sự thành tựu là trình bày Như Lai ấy hiện nay đang thân giữ Vô lượng chúng sinh ở mười phương cõi nước cùng sinh về nước của Ngài mà giáo hóa lợi ích. Ba điều này là Đại Tông của kinh.

Về những điều đã làm, thì trước nêu nhiều Phật để nói duyên khởi làm. Lúc đó, có vị vua nghe Phật nói... là trình bày Pháp Tạng y theo đó mà khởi hạnh.

Phật bảo A-nan rằng: Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp không thể nghĩ bàn tính đếm được có Đức Như Lai Định Quang ra đời, giáo hóa độ thoát vô lượng chúng sinh, đều giúp cho được đạo, rồi Ngài nhập diệt. Kế đó có Như Lai tên là Quang Viễn. Vị kế tên là Nguyệt Quang, vị kế tên là Chiên-đàn Hương, vị kế tên là Thiện Sơn Vương, vị kế tên là Tu-di Thiên Quang, vị kế tên là Tu-di Đẳng Diệu, vị kế tên là Nguyệt Sắc, vị kế tên là Chánh Niệm, vị kế tên là Ly Cấu, vị kế tên là Vô

trước, vị kế tên là Long Thiên, vị kế tên là Dạ Quang, vị kế tên là An Minh Đảnh, vị kế tên là Bất Động Địa, vị kế tên là Lưu Ly Diệu Hoa, vị kế tên là Lưu Ly Kim Sắc, vị kế tên là Kim Tạng, vị kế tên là Viêm Quang, vị kế tên là Viêm Căn, vị kế tên là Địa Chủng, vị kế tên là Nguyệt Tượng, vị kế tên là Nhật Âm, vị kế tên là Giải Thoát Hoa, vị kế tên là Trang Nghiêm Quang Minh, vị kế tên là Hải Giác Thần Thông, vị kế tên là Thủy Quang, vị kế tên là Đại Hương, vị kế tên là Ly Trần Cấu, vị kế tên là Xả Yểm Ý, vị kế tên là Bảo Viêm, vị kế tên là Diệu Đảnh, vị kế tên là Dũng Lập, vị kế tên là Công Đức Trì Tuệ, vị kế tên là Tế Nhật Nguyệt Quang, vị kế tên là Nhật Nguyệt Lưu Ly Quang, vị kế tên là Vô Thượng Lưu Ly Quang, vị kế tên là Tối Đứng đầu, vị kế tên là Bồ-đề Hoa, vị kế tên là Nguyệt Minh, vị kế tên là Nhật Quang, vị kế tên là Trừ Si Minh, vị kế tên là Độ Cái Hạnh, vị kế tên là Tịnh Tín, vị kế tên là Thiện Túc, vị kế tên là Oai Thần, vị kế tên là Pháp Tuệ, vị kế tên là Loan Âm, vị kế tên là Sư Tử Âm, vị kế tên là Long Âm, vị kế tên là Xử Thế... như các Đức Phật này đều đã qua. Bây giờ, tiếp có Phật tên là Thế Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Trước nêu chung năm mươi bốn Phật, năm mươi ba vị đầu cùng nêu chung, Vương-xá vị sau cùng mà Pháp Tạng kính thờ thì nêu riêng. Năm mươi ba vị Phật trước ở thời quá khứ xa xưa vô số kiếp đến nay là nói về thời gian. Từ Phật Định Quang xuất hiện thứ lớp nêu rõ, các Đức Phật đã qua này chung trước sinh sau, tiếp là nêu Phật Thế Tự Tại Vương, Thế Tự Tại là tên riêng. Như Lai, Ứng Cúng... là hiệu chung. Phật đức (đức của Phật) vô lượng, y theo đức mà đặt tên, tên cũng vô hạn. kinh tùy Vương-xá số, lược nêu mười thứ: Năm thứ trước của mười thứ là đức riêng của Phật, năm thứ sau là lợi tha. Trong năm thứ đầu thì hai thứ đối nhau, trước là Vương-xá Đạo viên, sau là Vương-xá Diệt cực. Sau ba thứ đối nhau, hai thứ trước là nhân tròn, Vương-xá thứ sau là quả cực. Trong năm cặp đầu, nói Như Lai là Đạo Viên (Đạo đã viên mãn) nương Đạo như thật mà thành Chánh giác, nên gọi là Như Lai. Nói Ứng Cúng là nêu Diệt cực, tương ứng chứng diệt, nên gọi là Ứng. Lại chứng diệt nên hợp với xứng đáng cúng dường, nên gọi Ứng Cúng. Lại ở đối sau, hai nhân đầu đã đầy đủ. Trong đó, trước nói Đẳng Chánh Giác là chỉ cho giải viên (hiểu rõ), các kinh khác cũng gọi là Chánh Biến Tri. Chánh là Lý, đối với Lý xét biết cùng tận nên gọi là Biến Tri. Nay nói Đẳng là khắp cùng. Xứng Lý thì gọi là Đẳng. Chánh, các



kinh khác cũng gọi là Chánh. Giác là vị ấy thấy biết. Hạnh Minh Túc là nói Hạnh viên (hạnh tròn đủ). Minh là chứng hạnh, chứng pháp bày rõ, nên gọi là minh. Phân biệt có ba, như kinh Niết-bàn nói: Một là, Bồ-tát minh, tức gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa; hai là, Chư Phật Minh, tức là Phật Nhân; ba là, Vô minh minh, tức là mười một không, nó không phải trí mà hiểu được nên gọi là Vô minh, nó có khả năng sinh ra trí sáng nên gọi là Minh. Hai thứ trước là năng chứng, Vương-xá thứ sau là sở chứng. Lại, ngài Long Thọ nói: Phật có túc mạng, Thiên nhãn, Lậu tận nên nói là ba minh. Hạnh là giáo hạnh, như kinh Trì Địa nói: Chánh quán gọi là Hạnh. Lại ngài Long Thọ nói: giới, định, tuệ... gọi là Hạnh. Hai thứ này đầy đủ nên gọi là Túc. Nói Thiện Thệ là nói quả cực. Thiện là khéo, Thệ là đi. Như Lai khéo đi gọi là Thiện Thệ. Đức Phật đầy đủ thì đi đâu mà nói khéo đi? Tuy không đi đâu nhưng không phải là chẳng thể đi. Như lửa kiếp tận tuy không thiêu được nhưng không phải là chẳng thể thiêu, nên được nói đi. Trong năm thứ sau thì bốn thứ trước là riêng, Vương-xá thứ sau là chung. Trong bốn thứ riêng ở trước thì Thế gian giải là trí hóa tha, khéo hiểu biết thế gian nên gọi Thế gian giải. Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu và Thiên Nhân Sư, hai hiệu này là khả năng hóa tha, vì Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu có khả năng điều phục tâm người, tự điều phục mình, điều phục người khác. Trong điều ngự là rớt ráo nên gọi Vô Thượng. Sĩ là tên khác của người ấy. Vô Thượng Sĩ này khéo dùng phương tiện mà điều phục chúng sinh, gọi là Điều Ngự Trượng Phu. Thiên Nhân Sư là có khả năng trao cho chánh pháp, dùng Chánh pháp mà gần gũi dạy dỗ trời, người, gọi là Thiên Nhân Sư, sáu đường đều hóa độ, trời, người càng đông, do đó mà nêu riêng - Phật là đức Hóa tha, Hán dịch là giác, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, nên gọi là Phật. Nói Thế Tôn, hiệu này là chung. Phật đủ các đức, được đời khâm phục kính trọng, nên gọi Thế Tôn. Như trên là nói duyên khởi hạnh của Phật.

Sau đây là nói Pháp Tạng khởi hạnh. Trong đây trước nói hạnh thế gian. Phật bảo A-nan, Tỳ-kheo Pháp Tạng nói tụng này... là nói Hạnh xuất thế. Những việc mà bậc Địa Tiên làm gọi là thế gian, xuất thế ở trên mặt đất.

Trong hạnh thế gian thứ lớp có ba: Một là, nghe pháp phát tâm; hai là, xuất gia tu đạo; ba là, đến chỗ Phật lễ khen phát nguyện. Lúc đó, có vị vua nghe Phật nói pháp, tâm rất vui mừng liền phát vô thượng Chánh chân đạo ý (phát tâm Bồ-đề).

Trong phần đầu, lúc đó có vị vua là nói người khởi hạnh nghe

Phật nói pháp tâm rất vui mừng liền phát Đạo ý, chính là nói phát tâm. Nghĩa tâm Bồ-đề nói rộng ở Vương-xá chương riêng, ở đây chỉ nói chung. Bỏ nước quên ngôi vua, làm hạnh Sa-môn, hiệu là Pháp Tạng, tài cao thông minh, vượt lạ hơn đời.

Trong đoạn thứ hai là, bỏ nước bỏ ngôi, là nói những điều xả bỏ. Làm hạnh Sa-môn là nói những việc làm. Sa-môn, Hán dịch là tức, là Dứt các điều ác. Hiệu là Pháp Tạng là nêu tên riêng. Tài cao thông minh là nói về tánh hạnh. Tài là tài khéo, tài đức hơn người, nên gọi tài cao. Chí mạnh gọi là dũng, tâm sáng gọi là triết. Đức này chỉ có Vương-xá trên đời, nên gọi là vượt lạ hơn đời.

Đến chỗ Đức Như Lai Thế Tự Tại Vương, cúi lạy dưới chân Phật, đi nhiều bên phải ba vòng, quỳ thẳng chấp tay, tụng kệ khen rằng.

Đoạn thứ ba là, trước đến chỗ Phật, tiếp đến cung kính. Cúi đầu là kính, là cúi đầu mình sát đất lạy để nói lên sự tôn kính. Đi nhiều bên phải là thương yêu, đi vòng mãi không bỏ là nói lên ý yêu thương, quỳ thẳng trở xuống là khen ngợi phát nguyện, quỳ thẳng chấp tay, khởi phương tiện khen ngợi, rồi nói kệ tụng rằng. kinh nêu chung, vì sao gọi là kệ tụng là nói nghĩa tốt đẹp. Các việc khen ngợi thường dùng kệ tụng. Lại kệ phải khéo léo, ít chữ mà có nhiều nghĩa-Tỳ-kheo Pháp Tạng muốn dùng lời ngắn gọn mà nói rộng đức của Phật, nên dùng kệ tụng.

Sau đây nêu lời kệ trước có bảy kệ khen ngợi đức của Phật, nói về chỗ cầu. Sau có mười ba bài kệ phát nguyện cầu Phật, nói về Năng cầu.

*Quang nhan vòi vọi  
Oai Thân không cùng  
Sáng rỡ như thế  
Không ai sánh bằng.*

*Nhật nguyệt Ma-ni  
Châu sáng rực rỡ  
Lóa sáng các thứ  
Đến chỗ tối đen.*

*Dung nhan Như Lai  
Vượt không ai sánh  
Chánh Giác Đại Âm  
Vang xa mười phương.*

*Giới văn siêng năng  
Tam muội trí tuệ  
Oai đức vượt trội  
Tốt đẹp hiếm có.*

*Xét sâu khéo nghĩ  
Biến pháp các Phật  
Cùng tận sâu kín  
Tột bờ đến đáy.*

*Vô minh sâu đục  
Thế Tôn lừa hấn  
Người hùng sư tử  
Thần đức vô lượng.*

*Công đức rộng lớn  
Trí tuệ sâu diệu  
Oai tướng sáng rõ  
Rung chuyển đại thiên.*

Trong bảy bài kệ thì năm bài kệ rưỡi trước là khen đức của Phật, Vương-xá kệ rưỡi sau là chung khen đức của Phật - Trong hai bài kệ rưỡi đầu là thân nghiệp của Phật, nửa bài kệ tiếp là khen khẩu nghiệp Phật, hai bài kệ rưỡi sau là khen ý nghiệp của Phật. Trong khen thân nghiệp nói ánh sáng vòi vọi là khen ánh sáng Phật cao quý. Dung nhan vòi vọi là khen thân Phật cao quý. Vòi vọi là như trước đã giải thích. Lại có bảy câu sáng rõ vòi vọi, oai thần không cùng, là ánh sáng phát ra nương theo oai đức thần lực không cùng của Phật, nên phát ra ánh sáng, sáng rõ như thế, chính là nêu thể của ánh sáng không ai sánh bằng. Đối trước người bày rõ hơn hấn, ánh sáng thân người khác không ai bằng, mặt trời mặt trăng, Ma-ni chỉ như đồng mực. Đây là đối sự mà tỏ rõ hơn. Các ánh sáng này nếu đối với ánh sáng Phật thì đều bị lấn át, lóa hết, cũng như đồng mực bên ngọc sáng. Hai câu sau là nói lên dung nhan vòi vọi, dung nhan Như Lai, vượt hơn thế gian, không ai sánh bằng, nên nói dung nhan vòi vọi. Tiếp là khen khẩu nghiệp. Chánh Giác Đại Âm, vang khắp mười phương. Dưới là khen ý nghiệp. Trong đó trước có hai bài kệ khen hạnh Đức Phật, nửa kệ sau khen đoạn đức. Hạnh là Bồ-đề, đoạn là Niết-bàn. Bài kệ đầu khen đức của Phật cao quý, Vương-xá bài kệ sau khen đức của Phật sâu. Thắng là giáo hạnh, sâu là chứng hạnh.

Trong phần khen cao quý ở trước, giới văn siêng năng, Tam-muội trí tuệ là nêu Đức thể. Oai đức vượt trội, thù thắng ít có y cứ vào đức mà hiển bày cao quý. Oai đức vượt trội là người khác không ai bằng. Thù thắng ít có, Phật đức hơn người ấy. Sau khen sâu trong sâu, khéo nhớ nghĩ biển Pháp của các Đức Phật, nhanh chóng phương tiện. Để là xét kỹ, nghĩ sâu quán kỹ, nhớ nghĩ biển Phật Pháp cho nên được chứng Như Lai tạng tánh, đó là biển Phật Pháp. Cùng tận sâu kín, tốt bờ đến đáy. Chứng hạnh thành tựu. Đây là khen đức hạnh. Sau khen Đoạn Đức Vô minh là si, Dục là tham, Nộ là sân. Phật dứt hẳn không có, cho nên đoạn cao quý - Trên là khen riêng công đức ba nghiệp. Sau là chung khen - Người Hùng sư tử Thần đức vô lượng, gồm để chung khen. Công huân rộng lớn... tùy khen riêng. Công huân rộng lớn là chung khen khẩu nghiệp ở trước. Chánh Giác Đại Âm vang khắp mười phương cho nên hạnh hóa tha của Phật có công đức rộng lớn, trí tuệ sâu diệu là chung khen ý trước. Trước có nhiều đức riêng kết tuệ ấy là vì đứng đầu các hạnh, kết sâu những cái sâu ở trước, diệu kết những thứ cao quý ở trước. Oai đức sáng suốt... là chung khen thân trước. Trên đây việc khen đã xong.

Từ đây là phát nguyện cầu những điều khen ở trước. Trong đó trước có mười bài kệ, chánh khởi tâm nguyện, sau có ba bài kệ thỉnh Phật chứng biết. Trong mười bài kệ trước thì năm bài kệ đầu là cầu Pháp thân Phật, năm bài kệ sau là cầu Tịnh độ Phật.

*Nguyện con làm Phật  
Bằng Thánh Pháp Vương  
Vượt qua sinh tử  
Đều được giải thoát.*

*Bố thí, điều ý  
Giới Nhẫn siêng năng  
Tam-muội như thế  
Trí tuệ trên hết.*

*Con thể thành Phật  
Hành khắp nguyện này  
Tất cả sợ sệt  
Đều khiến được an.*

*Dù khiến có Phật*

*Trăm ngàn ức muôn  
Vô lượng Đại thánh  
Số như cát sông.*

*Cúng dường tất cả  
Đây bằng các Phật  
Không bằng cầu Đạo  
Bền chắc không lui.*

Trong phần cầu Pháp thân, Vương-xá bài kệ trước là nguyện cầu quả Phật, hai bài kệ tiếp là nguyện cầu nhân Phật. Vương-xá bài kệ sau là so sánh bày hơn, trong phần cầu quả nói nguyện con thành Phật, bằng Thánh Pháp Vương là cầu đức tự lợi của Phật, vượt qua sinh tử đều được giải thoát là cầu Đức lợi tha. Trong phần cầu nhân thì trước có nửa bài kệ cầu hạnh tự lợi, nửa bài kệ sau cầu hạnh lợi tha. Trong phần cầu tự lợi thì đầu bài kệ nêu hạnh sáu độ, bố thí điều ý là Đàn độ, tu thí trị xan tham gọi là điều ý. Giới là giới độ, nhẫn là nhẫn độ, siêng năng là tấn độ, Tam-muội là thiền độ, trí tuệ là trí độ. Tuệ vượt hơn gọi là thượng. Dưới đối khởi nguyện. Con thể thành Phật khởi hạnh có chỗ đến hành khắp nguyện này, cầu nhân thú hưởng. Dưới là cầu lợi tha, văn nói khá rõ ràng. Trên cầu là cầu nhân. Từ hai bài kệ sau là so sánh để tỏ bày cao quý, giữ bền tâm nguyện. Dù cho có Phật trăm ngàn ức muôn, là nêu Phật Bảo, vô lượng Đại thánh số như cát sông Hằng là nêu Tăng Bảo trước. Đây bằng các Đức Phật là cúng Phật bảo trước. Chẳng bằng cầu như sau. Đối nguyện này mà so sánh để nói lên chỗ không bằng. Khước giống như lui sụt. Tuy cúng nhiều Thánh nhưng không bằng tự mình cầu Đạo chẳng lui sụt cho nên lại bền chắc phát nguyện. Trong kinh sự so sánh này rất nhiều không thể kể hết. Cúng dường có hạn, tâm cầu đạo thì vô hạn.

*Thí như cát sông  
Thế giới các Phật  
Chẳng thể tính kể  
Vô số cõi nước.*

*Ánh sáng đều chiếu  
Khắp các nước này  
Siêng năng như thế  
Oai thần khó lường.*

*Nay con thành Phật  
Cõi nước bậc nhất  
Chúng đều kỳ diệu  
Đạo tràng siêu tuyệt.*

*Nước như Nê-hoàn  
không cõi nào bằng,  
Ta sẽ thương xót  
Độ thoát tất cả.*

*Mười phương sinh về,  
Tâm vui thanh tịnh  
Đã về nước ta  
Vui sướng an ổn.*

Trong phần câu Tịnh độ thì ba bài kệ rưỡi là tự câu Tịnh độ, Vương-xá bài kệ rưỡi sau là câu độ giáo hóa người khác. Trong phần tự câu thì trước có hai bài kệ nêu ra có nhiều độ. Tiếp có nửa bài kệ nói việc mình cầu, trong phần các cõi thì nó là bậc nhất, Vương-xá bài kệ sau thì bày tướng bậc nhất. Trong phần nêu ở trước như cát sông Hằng... là rộng nêu nhiều cõi. Ánh sáng chiếu... là các cõi ấy có hình ảnh sáng suốt trang nghiêm. Ánh sáng chiếu khắp nước này là nói ánh sáng của Phật Như Lai sáng suốt trang nghiêm. Siêng năng như thế, oai thần khó lường là nói thần thông trang nghiêm của Phật Như Lai - Phật ở cõi ấy siêng việc giáo hóa gọi là siêng năng. Giáo hóa nhiều chúng sinh nên gọi là oai thần khó lường. Ở đây luận đã xong. Khiến ta thành Phật cõi nước bậc nhất là ở trước nêu các cõi nước có các hình ảnh trang nghiêm bậc nhất, hiện nay đã thành nước Di-đà. Sau có Vương-xá bài kệ nói tướng bậc nhất. Chúng ấy kỳ diệu là nói chúng bậc nhất, Đạo tràng siêu tuyệt là nói chỗ bậc nhất. Nước như Nê-hoàn mà không có hai là, nói cõi nước bậc nhất. Cũng được gọi là vui bậc nhất. Nê-hoàn và Niết-bàn vốn là Vương-xá tên mà đọc hơi khác. Nên ở sau nói trong nước Di-đà chúng sinh được vui, tiếp là Nê-hoàn. Như trên là nói tự câu. Sau có Vương-xá bài kệ rưỡi là câu cõi, gồm chúng sinh. Ta sẽ thương xót, độ tất cả chúng sinh là nói mình ở đời tương lai sẽ thành Phật đạo, khi đó độ thoát tất cả, mười phương sinh về tâm vui thanh tịnh... là nói ở tương lai người sinh về nước tôi đều được lợi ích cao quý. mười phương sinh về là người sinh về rất nhiều. Tâm vui thanh tịnh là hưởng tâm thuần thực, đã sinh về nước tôi thì được lợi ích lớn. Mười bài kệ trên mục đích



là khởi nguyện tâm.

Ba bài kệ sau đây là thỉnh Phật chứng biết:

*Mong Phật tin biết  
Là con chân chứng  
Phát nguyện như thế  
Siêng năng mong muốn.*

*Thế Tôn mười phương  
Trí tuệ vô ngại  
Thường khiến Phật này  
Biết tâm hạnh con.*

*Nếu như con chết  
Trong các khổ độc  
Con hành siêng năng  
Nhẫn không hối hận.*

Trong văn này trước có nửa bài kệ thỉnh Phật Thế TỰ Tại làm chứng cho mình. Tiếp có nửa bài kệ lại phát tâm nguyện. Tiếp có Vương-xá bài kệ thỉnh Phật mười phương làm chứng cho mình. Sau có Vương-xá bài kệ lại phát nguyện, trong nửa bài kệ đầu cũng nguyện, nguyện Phật tin con sự mong cầu không luống dối, nói con ở tương lai tâm chắc chắn được quả. Thế nên nói xin Phật tin biết. Phật chứng không luống dối nên nói là ta chứng thật. Nửa bài kệ sau đó lại phát nguyện về việc mong cầu, gắng sức tinh cần tu tập theo ý muốn. Pháp thân tịnh độ chính là năng lực mong muốn mạnh mẽ ấy. Vương-xá bài kệ sau là thỉnh Phật mười phương đều chứng biết. Vương-xá bài kệ sau cùng lại khởi nguyện chung thể cốt yếu, nên nói: Nếu như thân chết, chịu các khổ thì vẫn kham chịu, không hối hận. Như trên là nói hạnh thế gian.

Sau đây là nói hạnh xuất thế. Trong đó ban đầu là nói lược, như thế rồi, đến chỗ Phật ấy về sau là rộng nói những điều sẽ làm, trong đó có ba: Một là, Pháp Tạng thỉnh, Như Lai đáp, nói lên Phật biết trước, không cần tuyên nói; hai là, Pháp Tạng lại thỉnh, Như Lai vì nói; ba là, Pháp Tạng nghe nói y theo đó mà vắng làm.

Phật bảo A-nan rằng: Tỳ-kheo Pháp Tạng nói kệ xong 0 và bạch Phật rằng: đúng thế Thế Tôn, con phát tâm Vô thượng Chánh giác, nguyện Phật nói rộng kinh pháp cho con nghe, con sẽ tu hành thân lấy cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm và vô lượng cõi màu, khiến con ở đời

mau thành Chánh giác siêng năng, nhổ sạch cội gốc sinh tử. Phật bảo A-nan: Lúc đó, Đức Phật Thế Tự Tại Vương bảo Tỳ-kheo Pháp Tạng như chỗ tu hành trang nghiêm cõi Phật của, ông tự biết lấy.

Trong đây, trước thỉnh, sau Phật đáp. Trong phần thỉnh, Pháp Tạng nói tụng rồi thì kết trước khởi sau, mà bạch Phật rằng... là nói lời thỉnh: Con phát tâm Vô thượng Chánh giác là nhắc trước khởi sau, ở bài kệ trước cầu thân cầu cõi, gọi là phát tâm Vô thượng Chánh giác. Tâm là gốc của hạnh, là nói mình có gốc có nền móng để khởi hạnh mà phát sinh lời thỉnh ấy - Nguyên Phật nói rộng kinh pháp cho con nghe là Chánh thỉnh tuyên nói. Con sẽ tu... là nói rõ thưa hỏi những điều phải làm. Chỗ làm có ba: Một là, chỗ làm; hai là, chỗ thành; ba là, chỗ nhiếp. Con sẽ tu hành là mục thứ nhất, tu hành nhân pháp thân Tịnh độ, thân giữ... là mục thứ hai, nói chỗ mình thành tựu. Thân lấy cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm là mục thứ ba, là nói chỗ mình nhiếp. Thân giữ chúng sinh giáo hóa khiến ra khỏi gốc khổ sinh tử, cứu vớt người sinh tử ra khỏi quả sinh tử, cứu gốc cần khổ, lia nhân sinh tử. Do nhân mà chịu khổ sinh tử, nên nói nhân ấy là gốc cần khổ - Dưới là Phật đáp lại. Nhiều Vương Phật là tên khác của Thế Tự Tại Vương. Bảo với Pháp Tạng... là lời đáp lại. Đến đây đoạn đầu đã xong.

Tỳ-kheo bạch Phật rằng: Nghĩa này rộng sâu không phải là cảnh giới của con. Cúi mong Thế Tôn giảng nói rộng hạnh Tịnh độ của các Phật Như Lai cho con nghe. Con nghe xong sẽ đúng lời nói mà tu hành, trọn thành chỗ nguyện. Khi ấy, Phật Thế Tự Tại Vương biết rõ ngài Pháp Tạng cao sáng, có chí nguyện rộng sâu, liền vì ông mà nói lời kinh rằng: ví như biển lớn, có Vương-xá người đong lường trải nhiều kiếp số thì sẽ cạn đáy mà lấy được các châu báu quý giá. Người dốc lòng siêng năng cầu Đạo không ngừng thì nguyện nào chẳng được. Do đó, Phật Thế Tự Tại Vương liền nói hai trăm mười ức cõi nước của các Đức Phật cho Tỳ-kheo nghe, lành dữ của trời, người, thô tế của các cõi nước, đúng như tâm nguyện đều hiện cho thấy.

Trong đoạn thứ hai, trước là Pháp Tạng thỉnh: Nghĩa này rộng sâu... là nói mình không biết. Trước Phật căn cứ vào chỗ tu của mình bảo nên tự biết. Nay, Pháp Tạng ở chỗ thắng tiến tập luyện nói không phải cảnh giới của mình thì không trái nhau. Tự là đây, này. Hoàng là lớn. Thưa hỏi hạnh xuất thế trước đây thì nghĩa nó rất rộng lớn, chẳng phải cảnh giới của con. Tiếp thỉnh cúi mong... là thỉnh Phật giảng nói. Trong văn riêng cầu hạnh Tịnh độ, thân hạnh bỏ qua không nói. Con nghe... là nói thưa hỏi những điều phải làm. Sau Phật vì nói biết chí nguyện rộng

sâu cao sáng, là biết tâm ông rộng lớn. Sau Phật trao pháp, liền vì Pháp Tạng mà nói lời kinh, nói chung chỗ nói. Ví như... là riêng. Trong phần riêng thì trước dạy tâm bền chắc, trước dụ sau hợp. Lúc bấy giờ về sau là chính giảng nói pháp Tịnh độ, tức rộng nói hai trăm mười ức cõi nước chư Phật, các lành dữ... cho tỳ-kheo nghe là nói nhân của tất cả các cõi. Cõi nước thô tế là nói quả của tất cả các cõi. Thô là không tinh, nói ác nói thô là khiến lìa bỏ, nói thiện nói hay là khiến tu tập. Trong các thuyết tùy muốn rộng dạy, nên nói đúng tâm nguyện đều hiện cho thấy. Đến đây là xong phần hai.

Khi ấy, Tỳ-kheo Pháp Tạng nghe Phật nói cõi nước nghiêm tịnh thì đều thấy rõ, liền siêu phát nguyện thù thắng vô thượng. Tâm Ngài vắng lặng, chí không vương mắc, tất cả thế gian không thể sánh bằng. Đầy đủ năm kiếp, suy nghĩ thâm giữ hạnh thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật. A-nan bạch Phật rằng: cõi nước Phật ấy tuổi thọ như thế nào? Phật bảo: Tuổi thọ Phật ấy dài bốn mươi hai kiếp. Khi ấy, Tỳ-kheo Pháp Tạng thâm giữ hạnh khác trăm mười ức cõi mà thanh tịnh của các Đức Phật.

Thứ ba là, Pháp Tạng nghe pháp, y pháp mà tu hành. Trong đó phần đầu là riêng. Tỳ-kheo Pháp Tạng... là chung. Phần đầu của riêng là trước thấy nói quả Tịnh độ. Siêu phát... là tu nhân Tịnh độ. Phần đầu trong nhân lại phát thặng nguyện. Tâm Ngài vắng lặng... là y nguyện khởi hạnh. Tâm vắng lặng chí không vương mắc, đời không sánh bằng là nói chứng hạnh - Lý dứt các tướng nên đời không vương mắc - Cầu vào gọi là chí. Chứng sâu lìa tướng nên đời không sánh bằng. Đủ năm kiếp... là nói hạnh tu giáo. Trong phần đầu nói Tỳ-kheo Pháp Tạng năm kiếp khởi hạnh. A-nan bạch... là nói Như Lai ấy tuổi thọ dài lâu, thành việc Pháp Tạng ở trước Phật kia năm kiếp tu hành. A-nan trước hỏi, sau Phật đáp. Phật ấy thọ mạng bốn mươi hai kiếp, thọ mạng Pháp Tạng cũng thế. Thế nên Pháp Tạng Vương-xá thân ở trước Phật ấy năm kiếp tu hành - Hỏi rằng: nếu Phật ấy sống lâu nhiều kiếp thì khi kiếp tận sẽ cư trú ở đâu mà tu hành? Giải thích rằng: người khác thấy có kiếp tận nhưng Pháp Tạng vẫn thấy cõi nước ấy an ổn bất động nên được khởi tu. Như trong kinh Pháp Hoa, chúng sinh thấy có kiếp tận lửa lớn thiêu đốt nhưng ta ở cõi này vẫn yên ổn, trời, người luôn đầy đủ nghĩa ấy giống như ở đây. Phần riêng đã xong. Tỳ-kheo Pháp Tạng thâm giữ... là chung. Vương-xá người tu đủ hạnh vô lượng độ. Ở vị lai lại được vô lượng các thứ cõi nước, tùy người hiện ra. Như trên tóm lược đã xong.

Từ đây là phần hai, nói rộng chỗ tu. Trong đó, phần đầu trước nói

nguyện lớn. Khi ấy, Tỳ-kheo ở chỗ Phật và các thiên ma... là nói những điều làm ở trước. Trong nguyện rộng ở trước thì vẫn có sáu: Một là, Pháp Tạng đến chỗ Phật bày tỏ hạnh mình; hai là, Như Lai nói; ba là, Pháp Tạng tự nói phát nguyện của mình; bốn là, tôi lập... là nói mình lại lập nguyện quan trọng; năm là, Tỳ-kheo Pháp Tạng nói tụng, là tướng quan trọng hiện ra; sáu là, do đó Pháp Tạng tu đầy đủ... là khen chung.

Tu như thế xong, đến chỗ Phật ấy cúi đầu lạy dưới chân Phật, nhiễu Phật ba vòng rồi đứng chấp tay, bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Con đã thấu giữ được hạnh thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật.

Ở đoạn này, tu như thế xong là trước kết sau sinh. Đến chỗ Phật ấy... là trình bày phương tiện. Mà bạch Phật... là nêu chỗ tu của mình. Con ở năm kiếp trước là đã thấu lấy được hạnh thanh tịnh trang nghiêm cõi nước.

Phật bảo Tỳ kheo: Giờ đây ông hãy nói. Nên biết lúc ấy phát khởi niềm vui cho tất cả đại chúng. Bồ-tát nghe mình tu hành pháp này thì duyên đến đầy đủ, vô lượng đại nguyện.

Trong đoạn thứ hai, Phật bảo Tỳ-kheo: giờ đây, ông hãy nói chính là khuyên nói. Nên biết lúc đó là khiến nói mau phát khởi niềm vui là nói chỗ làm, là làm lợi ích cho đại chúng, nên cần phải nói. Phát khởi niềm vui cho tất cả đại chúng, là vì lợi ích cho phàm phu, Nhị thừa nên phải nói. Do Pháp Tạng ấy tự nói nguyện của mình nên khiến chúng cùng vui mừng, nguyện sinh về nước ấy, gọi là phát khởi niềm vui cho tất cả đại chúng. Bồ-tát... là làm ích lợi Bồ-tát. Vì Pháp Tạng kia tự nói Nguyện mình mà khiến các Bồ-tát học theo cùng phát, nên nói nghe việc mình tu hành pháp này đầy đủ đại nguyện, là nghe mình tu hành mà khởi nguyện mới. Duyên đến đầy đủ, là nguyện tâm thành tựu.

Tỳ-kheo bạch Phật rằng: Xin Phật xét kỹ, như điều con nguyện sẽ xin nói đủ.

Thứ ba là, Tỳ-kheo Pháp Tạng tự nói nguyện mình, xin Phật xét kỹ là xin Phật được nói. Như điều đã nguyện con nay xin nói đủ là xin nói.

Dưới đây là phần chánh thuyết, gồm có bốn mươi tám nguyện, nghĩa cốt yếu chỉ có ba, văn riêng có bảy. Yếu nghĩa có ba: Một là, nguyện nhiếp Pháp thân; hai là, nguyện nhiếp Tịnh độ; ba là, nguyện nhiếp chúng sinh - trong bốn mươi tám nguyện thì nguyện mười hai, mười ba, mười bảy là, nhiếp Pháp thân. Nguyện ba mươi một, ba mươi hai là, nhiếp Tịnh độ. Còn bốn mươi ba nguyện kia là nhiếp chúng sinh. Văn riêng có bảy là: Mười một nguyện đầu là Nhiếp chúng sinh, tiếp có

hai nguyện (là thứ hai) nhiếp Pháp thân, tiếp có ba nguyện (là thứ ba) lại nhiếp chúng sinh. Tiếp có Vương-xá nguyện (là thứ bốn) lại nhiếp Pháp thân. Tiếp có mười ba nguyện (là thứ năm) là nhiếp chúng sinh. Tiếp có hai nguyện (là thứ sáu), là nhiếp Tịnh độ. Sau có mười sáu nguyện (là thứ bảy), lại nhiếp chúng sinh.

1. Nguyện cõi nước không có đường ác.

Nếu tôi được thành Phật, mà cõi nước tôi có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh thì tôi nguyện không thành Phật (nguyện không thành Chánh giác).

2. Nguyện không còn bị đọa vào đường ác.

Nếu tôi được thành Phật, mà trời, người trong cõi nước tôi chết rồi còn bị đọa trong ba đường ác, thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

3. Nguyện thân có màu vàng ròng.

Nếu tôi được thành Phật mà trời, người trong cõi nước tôi thân đều không có màu vàng ròng thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

4. Nguyện hình sắc giống nhau.

Nếu tôi được thành Phật, mà trời, người trong cõi nước tôi hình sắc không giống nhau, có tốt có xấu thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

5. Nguyện có Túc mạng trí thông.

Nếu tôi được thành Phật mà trời, người trong cõi nước tôi không biết Túc mạng ít nhất là biết việc trăm ngàn ức Na-do-tha kiếp về trước, thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

6. Nguyện Thiên nhãn thấy khắp.

Nếu tôi được thành Phật mà trời, người trong cõi nước tôi không có Thiên nhãn thấy ít nhất trăm ngàn ức Na-do-tha các cõi nước Phật thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

7. Nguyện Thiên nhĩ nghe khắp.

Nếu tôi được thành Phật, mà trời, người trong cõi nước tôi không được Thiên nhĩ, nghe ít nhất trăm ngàn ức Na-do-tha lời các Đức Phật nói, mà đều không thọ trì, thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

8. Nguyện đều biết tâm người khác (tha tâm thông)

Nếu tôi được thành Phật, mà trời, người trong cõi nước tôi không được kiến tha tâm trí, cho đến ít nhất biết được trăm ngàn ức Na-do-tha tâm niệm của chúng sinh trong cõi nước của các Đức Phật, thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

9. Nguyện được thần túc vô ngại.

Nếu tôi được thành Phật mà trời, người trong cõi nước tôi không

được thần túc, chỉ trong Vương-xá niêm không vượt qua được ít nhất trăm ngàn ức Na-do-tha cõi nước các Đức Phật, thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

10. Nguyện không tham tiếc thân.

Nếu tôi được thành Phật mà trời, người trong cõi nước tôi nếu khởi tưởng tham tiếc thân mạng, thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

11. Nguyện Trụ định chứng Diệt.

Nếu tôi được thành Phật mà trời, người trong cõi nước tôi không trụ vào Định tụ, cho đến diệt độ, thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

Trong đoạn đầu, trước có hai nguyện, nguyện sinh không khổ, chín nguyện sau là nguyện sinh được vui, trong nguyện đầu là nước mình không khổ - Nếu tôi được thành Phật mà nước tôi có địa ngục... là các nguyện không tròn thì không bao giờ thành Phật. Nếu điều nguyện không tròn thành thì thể không bao giờ thành Chánh giác, cho nên nói như thế. Các câu khác cũng thế. Nói địa ngục là lao ngục dưới đất, là chỗ khổ, nên nói địa ngục. Nói ngạ quỷ, đói khát là ngạ, nhiều sợ sệt là quỷ. Nói súc sinh, sinh sống từ nuôi dưỡng mà được tên, người đời dùng làm thức ăn hoặc sai khiến làm việc nên nuôi cho sinh sản, vì thế gọi là súc sinh. Một nguyện sau là nguyện trong nước tôi có chúng sinh chết rồi thì không đến nước khác chịu khổ. Đây là nguyện thứ hai nguyện sinh không khổ. Chín nguyện sau là sinh được vui, hai nguyện trước là nguyện sinh thân vui, bảy nguyện sau là nguyện sinh tâm vui. Trong tâm năm thông đều riêng làm một. Lậu tận chia hai nên có bảy nguyện.

12. Nguyện ánh sáng vô lượng.

Nếu tôi được thành Phật mà ánh sáng có hạn lượng ít nhất không chiếu đến trăm ngàn ức Na-do-tha cõi nước của các Đức Phật thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

13. Nguyện thọ mạng vô lượng.

Nếu tôi được thành Phật mà thọ mạng còn có hạn lượng ít nhất là trăm ngàn ức Na-do-tha kiếp thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

Trong đoạn hai nói về nhiếp Pháp thân. Văn nói dễ hiểu.

14. Nguyện Thanh văn vô số.

Nếu tôi được thành Phật mà Thanh văn trong nước tôi có thể đếm biết số lượng, cho đến chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều thành Duyên giác, trong trăm ngàn ức kiếp đều cùng nhau tính đếm mà biết được số lượng thì tôi nguyện không thành Chánh giác.



15. Nguyện tùy nguyện dài ngắn.

Nếu tôi được thành Phật thì trời, người trong nước tôi tuổi thọ không thể hạn lượng, trừ người tùy theo bốn nguyện dài ngắn tự tại, nếu không như thế thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

16. Nguyện không nghe danh từ ác.

Nếu tôi được thành Phật mà trời, người trong nước tôi dù chỉ nghe danh từ ác thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

Trong đoạn thứ ba là, nói nhiếp chúng sinh, văn nói dễ hiểu.

17. Nguyện các Phật khen ngợi.

Nếu tôi được thành Phật mà vô lượng các Đức Phật trong các thế giới ở mười phương không cùng khen ngợi tên tôi thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

Trong đoạn thứ bốn này là nói nhiếp Pháp thân. Văn nói dễ hiểu.

18. Nguyện mười niệm ắt sinh.

Nếu tôi được thành Phật, chúng sinh mười phương dốc lòng tin ưa muốn sinh về nước tôi, cho đến mười niệm, nếu không được sinh, thì tôi nguyện không thành Chánh giác. Chỉ trừ người gây năm tội nghịch và người chê bai Chánh pháp.

19. Nguyện lâm chung dứt hẳn.

Nếu tôi được thành Phật mà chúng sinh mười phương phát tâm Bồ-đề, tu các công đức, dốc lòng phát nguyện muốn sinh về nước tôi, khi sắp lâm chung, nếu tôi không cùng đại chúng vây quanh hiện trước người ấy thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

20. Nguyện muốn sinh được toại nguyện (quả toại).

Nếu tôi được thành Phật, mà chúng sinh mười phương nghe danh hiệu tôi, gieo trồng các gốc đức, dốc lòng hồi hướng muốn sinh về nước tôi mà không toại nguyện, thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

21. Nguyện được ba mươi hai tướng.

Nếu tôi được thành Phật mà trời, người trong nước tôi không đủ ba mươi hai tướng của Đại nhân thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

22. Nguyện một đời được bổ xứ.

Nếu tôi được thành Phật, các Bồ-tát chúng sinh ở các cõi Phật phương khác đến sinh về nước tôi rồi rảo ắt đến Vương-xá đời được bổ xứ, trừ bốn nguyện tự tại hóa độ, vì chúng sinh mà phát thệ nguyện lớn chứa nhóm nhiều gốc đức, độ thoát tất cả. Đến các cõi nước của các Đức Phật, tu hạnh Bồ tát, cúng dường chư Phật Như Lai mười phương, khai hóa hàng sa vô lượng chúng sinh, khiến an lập trong đạo chánh chân vô thượng, có hạnh vượt khỏi các địa vị tầm thường, hiện tiền tu

tập đức của Phổ Hiền, nếu chẳng như thế thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

23. Nguyện cúng dường các Đức Phật.

Nếu tôi được thành Phật, Bồ-tát trong nước tôi nương thân lực Phật cúng dường các Đức Phật, trong khoảng Vương-xá bữa ăn không thể đến khắp vô lượng vô số ức na-do-tha cõi nước các Đức Phật thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

24. Nguyện đồ cúng dường (cúng cụ) tùy ý.

Nếu tôi được thành Phật, Bồ-tát trong nước tôi ở trước các Đức Phật hiện các gốc đức, cầu muốn các thứ cúng dường nếu không như ý thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

25. Nguyện giảng nói diệu trí.

Nếu tôi được thành Phật mà Bồ-tát trong nước tôi không thể giảng nói trí Nhất thiết thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

26. Nguyện được thân Na-la-diên.

Nếu tôi được thành Phật mà Bồ-tát trong nước tôi không được thân kim cang Na-la-diên thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

27. Nguyện tất cả đều trang nghiêm thanh tịnh.

Nếu tôi được thành Phật, trời, người và tất cả muôn vật trong nước tôi đều nghiêm tịnh sáng suốt, hình sắc đặc biệt, vi diệu cùng tận, không thể tính lường. Các chúng sinh ấy cho đến người có Thiên nhãn mà biết được tên tuổi số lượng của họ thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

28. Nguyện được đạo thọ cao sáng.

Nếu tôi được thành Phật thì Bồ-tát trong nước tôi, cho đến người chỉ có ít công đức mà không thể thấy biết cây đạo tràng có vô lượng ánh sáng cao bốn trăm muôn dặm, thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

29. Nguyện tụng kinh được trí tuệ.

Nếu tôi được thành Phật, Bồ-tát trong nước tôi chịu đọc kinh pháp, cao giọng giảng nói mà không được biện tài trí tuệ thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

30. Nguyện tuệ biện vô hạn.

Nếu tôi được thành Phật, Bồ-tát trong nước tôi trí tuệ biện tài nếu có hạn lượng, thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

Trong đoạn này, ba nguyện đầu, nhiếp chúng sinh ở nước khác. Tiếp Vương-xá nguyện là gồm chúng sinh ở nước mình. Kế đó Vương-xá nguyện lại gồm chúng sinh nước khác, tám nguyện sau lại gồm chúng sinh nước mình.

31. Nguyện soi thấy mười phương

Nếu tôi được thành Phật, cõi nước thanh tịnh đều soi thấy tất cả vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn các thế giới chư Phật ở mười phương, cũng như chiếc gương sáng soi thấy các hình ảnh. Nếu không như thế thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

32. Nguyện được bảo hương diệu nghiêm.

Nếu tôi được thành Phật thì từ đất lên đến hư không, cung điện lầu các, ao suối hoa cây, tất cả muôn vật trong nước đều dùng vô lượng các báu, trăm ngàn hương thơm mà hợp thành, trang hoàng đẹp lạ hơn các trời, người. Hương thơm ấy khắp xông các thế giới mười phương. Các Bồ-tát nghe thấy đều tu Phật hạnh. Nếu không như thế thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

Đoạn thứ sáu nói gồm Tịnh độ, văn nói dễ hiểu.

33. Nguyện được ánh sáng nhu nhuyễn.

Nếu tôi được thành Phật, vô lượng không thể nghĩ bàn các thế giới chư Phật ở mười phương, có các loại chúng sinh nào được ánh sáng của tôi chiếu vào thân thể, thì thân tâm họ khoan khoái hơn cả trời, người. Nếu không được như thế thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

34. Nguyện nghe tên được nhĩn.

Nếu tôi được thành Phật, trong vô lượng không thể nghĩ bàn các thế giới chư Phật ở mười phương, các loại chúng sinh nào nghe danh hiệu tôi mà chẳng được các thân tống trì Bồ-tát vô sinh pháp nhĩn thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

35. Nguyện thoát ly thân nữ.

Nếu tôi được thành Phật mà trong vô lượng không thể nghĩ bàn thế giới chư Phật ở mười phương, có người nữ nào nghe danh hiệu tôi, vui mừng tin ưa, phát tâm Bồ-đề, chán ghét thân nữ mà sau khi chết rồi lại còn làm thân nữ thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

36. Nguyện thường tu phạm hạnh.

Nếu tôi được thành Phật, mà trong vô lượng không thể nghĩ bàn thế giới chư Phật ở mười phương các chúng Bồ-tát nghe danh hiệu tôi, sau khi chết rồi sẽ thường tu phạm hạnh cho đến thành Phật đạo. Nếu không như thế thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

37. Nguyện được trời, người kính trọng.

Nếu tôi được thành Phật, mà trong vô lượng không thể nghĩ bàn các thế giới chư Phật trong mười phương, các trời, người nào nghe danh hiệu tôi mà năm thể gieo sát đất, cúi đầu đánh lễ, vui mừng tin ưa tu hạnh Bồ-tát thì đều được trời, người cung kính. Nếu không như thế thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

38. Nguyện y phục tùy ý mà hiện ra.

Nếu tôi được thành Phật, trời, người trong nước tôi muốn có y phục thì theo ý liền hiện ra, các y phục tốt đẹp đúng pháp như Phật đã khen ngợi tự nhiên mặc trên thân, nếu cần phải cắt may, nhuộm giặt... thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

39. Nguyện vui như lậu tạn.

Nếu tôi được thành Phật thì trời, người trong nước tôi sẽ được vui sướng, nếu không bằng như Tỳ-kheo dứt sạch các lậu thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

40. Nguyện trong cây hiện cõi nước.

Nếu tôi được thành Phật, Bồ-tát trong nước tôi tùy ý muốn thấy vô lượng cõi Phật nghiêm tịnh ở mười phương đúng lúc như nguyện thì trong cây báu đều hiện ra cũng như các hình ảnh ở trong gương sáng. Nếu không như thế thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

41. Nguyện các căn không thiếu.

Nếu tôi được thành Phật, chúng Bồ-tát ở các cõi nước phương khác nghe danh hiệu tôi, cho đến khi thành Phật mà các căn còn thiếu sót, không đầy đủ thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

42. Nguyện được thanh tịnh giải thoát.

Nếu tôi được thành Phật, chúng Bồ-tát ở các cõi nước phương khác nghe danh hiệu tôi thì đều được Tam-muội thanh tịnh giải thoát, trụ vào Tam-muội ấy, trong khoảng phát ý thì đã cứng dường được vô lượng không thể nghĩ bàn các Đức Phật Thế Tôn mà không mất định ý. Nếu không như thế thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

43. Nguyện nghe danh được phước.

Nếu tôi được thành Phật, chúng Bồ-tát ở các cõi nước phương khác nghe danh hiệu tôi sau khi chết rồi sẽ sinh vào nhà tôn quý, nếu không như thế, thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

44. Nguyện tu hành đủ đức.

Nếu tôi được thành Phật, chúng Bồ-tát ở các cõi nước phương khác nghe danh hiệu tôi, vui mừng hớn hởi tu hạnh Bồ-tát, đầy đủ gốc đức. Nếu không như thế thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

45. Nguyện được Tam-muội Phổ Đẳng.

Nếu tôi được thành Phật, chúng Bồ-tát ở các cõi nước phương khác nghe danh hiệu tôi thì đều được Tam-muội Phổ Đẳng, trụ vào Tam-muội ấy cho đến thành Phật, luôn thấy vô lượng không thể nghĩ bàn Như Lai. Nếu không như thế, thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

46. Nguyện tùy nguyện nghe pháp.

Nếu tôi được thành Phật, Bồ-tát trong nước tôi sẽ được tùy ý muốn nghe pháp thì tự nhiên được nghe. Nếu không như thế thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

47. Nguyện nghe tên được không lui sụt.

Nếu tôi được thành Phật, chúng Bồ-tát ở các cõi nước phương khác nghe danh hiệu tôi mà không liền được không lui sụt, thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

48. Nguyện được ba Pháp nhãn.

Nếu tôi được thành Phật, chúng Bồ-tát ở các cõi nước phương khác nghe danh hiệu tôi mà không liền được pháp nhãn thứ nhất, thứ hai, thứ ba Đệ nhất, Đệ nhị, Đệ tam Pháp, đối các Phật pháp mà không thể liền được không lui sụt thì tôi nguyện không thành Chánh giác.

Trong đoạn thứ bảy này, năm nguyện đầu là thấu lấy chúng sinh ở các cõi nước khác, ba nguyện tiếp là thấu giữ chúng sinh ở nước mình, hai nguyện sau lại thấu giữ chúng sinh ở các nước khác.

Đây là phần thứ ba đã xong.

Phật bảo A-nan, lúc đó Tỳ-kheo Pháp Tạng nói các nguyện ấy xong thì tụng kệ rằng:

Từ đây là phần thứ bốn y cứ vào nguyện trước mà lập lời thệ tự yếu (như mình muốn). Trong đây gồm có mười một bài kệ, mười bài kệ trước là lập thệ tự yếu, Vương-xá bài kệ sau là thỉnh Phật chứng minh. Ở mười bài kệ trước thì ba kệ đầu là tự yếu, bảy kệ sau là thuận cầu.

*Con lập nguyện hơn đời  
Ắt đến Đạo vô thượng  
Nguyện này không đầy đủ  
Thề không thành Đẳng giác.*

*Con ở vô lượng kiếp  
Không làm đại thí chủ  
Độ khắp người nghèo khổ  
Thề không thành Đẳng giác.*

*Khi con thành Phật Đạo  
Tiếng vang khắp mười phương  
Rốt ráo không được nghe  
Thề không thành Chánh giác.*

Trong phần tự yếu trước, bài kệ đầu là nói về tự đức của Phật mà tự yếu. Trong phần phát nguyện trước thì nguyện cầu Pháp thân,

nguyện cầu Tịnh độ gọi là nguyện vượt hơn đời - Khởi tâm gọi là kiến (lập, dựng), được quả chắc chắn nên nói ắt đến đạo vô thượng. Đây nói thuận nêu, nguyện này không thành tựu thì thể chẳng thành là tự yếu. Hai lời thệ sau là đối với Hóa đức mà tự yếu. Trong bài kệ đầu thì nêu pháp là hóa ích tự yếu, kệ sau thì nêu tên Phật được khắp nghe là hóa đức tự yếu, cũng chẳng phải là không. Khi tôi thành Phật thì tên tôi vang khắp mười phương, nếu có ai rớt ráo không nghe tên tôi thì tôi không thành Phật.

*Lìa đục sâu Chánh niệm  
Tịnh tuệ tu Phạm hạnh  
Chí cầu Vô thượng tôn  
Làm thầy cả trời, người.*

*Thần lực phát sáng rực  
Khắp chiếu cõi vô biên  
Dứt trừ ba cấu tối  
Cứu giúp các hiểm nguy.*

*Mở mắt trí tuệ kia  
Diệt hết đui tối này  
Lấp hết các đường ác  
Mở thông cửa lành này.*

*Công đức thành đầy đủ  
Oai sáng chiếu mười phương  
Nhật nguyệt cùng sáng rực (chiếu sáng)  
Thiên quang ẩn không hiện.*

*Vì chúng mở kho pháp  
Rộng thí báu công đức  
Thường ở trong đại chúng  
Nói Pháp sư tử gầm.*

*Cúng dường tất cả Phật  
Đầy đủ các gốc đức  
Nguyện tu đều thành tựu  
Là người hùng ba cõi.*



*Như Phật Vô ngại trí  
 Thông suốt đều chiếu khắp  
 Nguyện sức công đức con  
 Là cao quý hơn hết.*

Trong thuận cầu thì bài kệ đầu là tóm tắt lia dục chánh niệm sâu, tịnh tuệ tu phạm hạnh là nêu nhân lành của mình. Sau dùng để cầu quả Vô thượng tôn, cầu tự đức của Phật, làm thầy trời, người, cầu đức lợi tha. Còn sáu bài kệ kia thì năm bài kệ rưỡi đầu là rộng nêu đức của Phật, nửa bài kệ cuối là phát nguyện cầu giống như Phật. Trong phần nói về đức thì hai bài kệ đầu nêu hóa đức của Phật, Vương-xá bài kệ tiếp nêu Tự đức của Phật, Vương-xá kệ sau lại nêu hóa đức, Vương-xá bài kệ rưỡi sau lại nêu Tự đức. Đến hai bài kệ đầu trong phần Hóa đức, thần lực phát sáng chiếu cõi không bờ mé là thân nghiệp hóa, tiêu trừ... là khẩu nghiệp hóa, tiêu trừ ba cấu cứu các hiểm nguy là pháp hóa Tiểu thừa, dạy dứt ba độc gọi là ba cấu. Mở tuệ nhãn kia, diệt đui đen tối là Hóa pháp Đại thừa - Lấp các đường ác, mở thông cửa lành là pháp hóa trời, người. Bài kệ Công tộ là nêu tự đức của Phật, Công tộ trọn thành là đức lớn, tức công quả Phước tức đều trọn thành - Oai sáng... là Đức dụng của Phật. Nếu nêu Quang dụng (công dụng của ánh sáng) thì bỏ các thứ khác không nói. Oai chiếu mười phương là ánh sáng rộng khắp. Mặt trời mặt trăng cùng chiếu, thiên quang không hiện là ánh sáng cao quý hơn cả. Ánh sáng Phật lấn át ánh sáng mặt trời, mặt trăng khiến không thấy nó chiếu ra gọi là tạp trùng huy. Một bài kệ vì chúng là nêu lại hóa đức, vẫn nói dễ hiểu. Một bài kệ rưỡi sau lại nói về tự đức - Bài kệ đầu là nói Phật nhân thành được quả là do cúng dường tất cả Phật, đủ các gốc Đức, là do phước nhân mà thành. Nguyện tuệ đều tròn là do Trí nhân mà thành. Là người hùng ba cõi, rõ nhân mà được quả. Nửa bài kệ cuối là nói dụng tự tại. Phật Vô ngại trí đều chiếu thông suốt. Một đoạn trên là rộng nêu đức của Phật. Nguyện công đức trí tuệ của tôi bằng với sự cao quý này. Nguyện giống với các Đức Phật. Công là nhân của phước, tuệ là nhân của trí. Nguyện cho năng lực phước đức trí tuệ này của tôi cao quý bằng như các Phật Như Lai. Như trên là mười bài kệ, nói về lập thế tự yếu.

*Nếu nguyện này được quả  
 Đại thiên đều cảm động  
 Các thiên thần hư không  
 Thường mưa hoa quý giá.*

Một bài kệ nguyện này là thỉnh chứng hiện điềm lành nếu chắc

chấn được quả thì cả Đại thiên đều rung động, trời mưa hoa báu.

Phật bảo A-nan: Tỳ-kheo Pháp Tạng nói tụng xong thì ngay lúc đó khắp mặt đất sáu thứ rung chuyển, trời mưa hoa màu rải lên trên, tự nhiên âm nhạc trên không trung khen rằng: chắc chắn sẽ thành Vô thượng Chánh giác.

Thứ năm là, tướng theo yêu cầu hiện ra. Tỳ-kheo Pháp Tạng nói kệ xong thì lập tức đất đai rung chuyển là yêu cầu trước, trời mưa hoa báu là yêu cầu sau - Tự nhiên... là phát ra tiếng khen ngợi.

Do đó, Tỳ-kheo Pháp Tạng tu như thế đầy đủ đại nguyện, chắc thật không lường dối, vui sâu vắng lặng vượt hơn thế gian.

Thứ sáu là, chung khen chung. Trước là kết, sau là khen. Như trước là nói nguyện, sau đây là nói hạnh. Trong đây có hai: Một là, nói tu đủ; hai là, nói quả báo tốt đẹp (từ tùy sinh...) trong phần Vương-xá lại có hai: Một là, tu Tịnh độ; hai là, (từ bất sinh dục giác...) là nói tu hạnh pháp thân.

Này A-nan, Tỳ-kheo Pháp Tạng ở chỗ Phật, giữa các vị trời, ma phạm, tám bộ rồng thần, phát thệ lớn, lập nguyện này xong, Vương-xá mực chuyên chí trang nghiêm diệu độ, tu sửa cõi Phật, mở lớn rộng rãi tốt đẹp bậc nhất, tạo lập luôn vững, không hề biến dời suy yếu, chẳng có thể suy nghĩ bàn luận điềm lạnh suốt kiếp, gieo trồng vô lượng đức hạnh của Bồ-tát.

Trong hạnh tu cõi, lúc đó Tỳ-kheo ấy ở chỗ Phật, giữa đại chúng mà phát thệ nguyện rộng ấy, lập nguyện lớn này xong, nhắc trước khởi sau là nhắc nguyện tâm trước mà khởi hạnh sau. Rồng thần, dạ xoa, càn-thát-bà... là tám bộ - phát thệ nguyện rộng là nhắc việc phát bốn mươi tám nguyện trước mà khởi sau. Lập nguyện này xong là nhắc trước đã lập nguyện vượt hơn đời mà khởi sau là nói khởi hạnh. Một mực chuyên chí trang nghiêm diệu độ là nói chung về khởi hạnh - Sửa sang cõi Phật... là riêng nói khởi hạnh. Trong riêng thì trước nêu quả Tịnh độ, chẳng thể... là đối lại mà tu nhân. Trong nêu quả trước thì sửa sang cõi Phật, mở lớn rộng rãi là nói độ rộng, tốt đẹp bậc nhất là nói độ cao quý tạo lập luôn vững không dời đổi suy yếu là nói cõi thường còn, nhân tu có thể biết là rộng lớn như thế nào.

Trong hạnh Pháp thân, trước riêng mà sau chung. Trong riêng có bốn: Một là, lìa phiền não; hai là, mạnh mẽ... là nói tu pháp lành; ba là, xa lìa... là nói lìa nghiệp ác; bốn là, Bỏ nước... là lại nói tu điều lành.

Không sinh Dục giác, Sân giác, Hại giác. Không khởi Dục tưởng, Sân tưởng, Hại tưởng. Không vướng vào sắc, thanh, hương, vị, xúc,

pháp. Nhẫn lực thành tựu, không tính kể các khổ, ít dục biết đủ, không nhiễm nhuế si. Tam-muội thường vắng lặng, trí tuệ vô ngại, không có tâm dối trá dua nịnh, quanh co, hòa nhau ái ngữ, nương ý trước mà hỏi.

Trong phần lìa phiền não, trước là tự độ nói về lìa phiền não. Không có tâm dối trá... là y cứ vào hạnh lợi tha mà nói lìa phiền não. Trong Tự độ có bốn: Một là, lìa nhân duyên phiền não; hai là, Từ nhẫn lực... là nói tu đối trị; ba là, từ không nhiễm... là lìa thể phiền não; bốn là, từ tam muội... là nói về tu trị. Trong đoạn đầu, trước lìa hoặc nhân, không đắm sắc... là lìa hoặc duyên. Trong lìa nhân ở trước, không sanh Dục giác sân giác, hại giác... chính là nói những thứ phải lìa. Sân giác cũng gọi là Nhuế giác, là nghĩ muốn (dục) mà giận người khác; ba là, Hại giác, cũng gọi là Nao giác, đối với người nghĩ Dục mà gia hại; bốn là, Thân giác, là nghĩ nhớ thân duyên; năm là, Quốc độ giác, là nghĩ thế gian an nguy; sáu là, Bất tử giác, nghĩa là thân bất tử, tập hợp nhiều vốn sống; bảy là, Tộc tánh giác, là nghĩ giòng họ cao thấp; tám là, khinh vu giác, là nghĩ làm nhục người khác. Trong tám thứ này, ba thứ đầu là quá nặng nên nêu riêng. Chẳng khởi Dục tưởng, Sân tưởng, Hại tưởng nên nhắc lại. Chẳng khởi dục tưởng gọi là lìa Dục giác. Chẳng khởi sân tưởng gọi là lìa Sân giác, chẳng khởi Hại tưởng gọi là lìa Hại giác, cũng có thể trước nói chẳng sinh ba giác. Ở trước mà nói lìa, là chẳng khởi Dục tưởng, Sân tưởng, Hại tưởng. Căn cứ sau mà nói lìa là chưa đối cảnh giới, dự định khởi niệm tà, gọi là giác. Đối duyên mà sinh tâm nên nói là ba tưởng, ở đây đều là lìa. Sau lìa hoặc duyên, chẳng dính mắc sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp..., đây là đoạn đầu đã xong. Kế nói tu trị, nhẫn lực thành tựu, chẳng chấp các khổ, nhẫn chịu được các duyên trái nghịch, cho nên lìa ba giác, chẳng khởi ba tưởng. Ít dục biết đủ, nhẫn được thuận duyên, cho nên lìa sắc, thanh, hương, vị, xúc. Đây là đoạn thứ hai đã xong. Kế lìa hoặc thể, không nhiễm Nhuế si. Nhiễm cũng là tham. Đây là đoạn ba đã xong. Dưới đây lại tu trị, Tam-muội thường tịch (luôn vắng lặng) là chỉ hạnh rất sâu xa. Trí tuệ vô ngại là quán hạnh cao quý. Cả bốn đoạn trên hợp thành Tự lợi. Dưới là ở lợi tha mà nói lìa phiền não. Không có tâm dối trá, quanh co là nói lìa tâm lỗi - Nói hòa nham là lìa lỗi của thân. Nói Ái ngữ trước hỏi là nói lìa lỗi của miệng. Do không phân biệt nên thân, miệng, ý không khởi lỗi. Trên là nói lìa phiền não thứ nhất. Mạnh mẽ siêng năng, chí nguyện không mỏi mệt, chuyên cầu pháp thanh bạch. Lấy tuệ làm lợi chúng sinh, cung kính Tam bảo, kính thờ thầy tổ. Dùng đại trang nghiêm để đầy đủ các hạnh, khiến các chúng sinh thành tựu công đức. Trụ pháp Không, Vô tưởng,

Vô nguyện, vô tác vô khởi, quán pháp như huyễn hóa.

Thứ hai là, nói tu điều lành. Trong đó có ba: Một là, khởi tâm nguyện; hai là, từ cung kính... là bốn nguyện khởi hạnh; ba là, từ trụ không... là hạnh thành, chứng nhập - Trước khởi nguyện, mạnh mẽ siêng năng, nguyện không mỏi mệt, cầu Pháp thanh bạch là nguyện tự lợi. Đem lại lợi ích chúng sinh là nguyện lợi tha. Trong hạnh thứ hai là, trước nói Tự lợi, sau nói lợi tha. Trong Tự lợi thì cung kính Tam bảo, kính thờ thầy tổ là thuộc về hạnh phương tiện. Cung kính Tam bảo là thuộc về phước phương tiện. Kính thờ thầy tổ là thuộc về Trí phương tiện. Dùng đại nghiêm... là nói Hạnh thành tựu. Dùng đại nghiêm, nghĩa là dùng hai thứ trang nghiêm phước trí mà tự nghiêm. Đủ các hạnh, là y cứ vào chỗ riêng biệt mà chia. Nghĩa là có tất cả các hạnh như đàn... Dưới nói lợi tha là dùng hạnh dạy người nên khiến chúng sinh công đức thành tựu. Trong phần chứng thứ ba, trụ vào pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô tác, vô khởi mà chứng pháp không phải có, người và pháp vô tánh gọi là không - Giả nhân giả pháp, tướng cũng chẳng có, gọi là vô tướng. Trong hai thứ này không có tâm mong cầu ưa thích gọi là vô nguyện

- lại lìa vọng tưởng cũng gọi là vô nguyện - Trong ba thứ này, thì không có quả để làm, gọi là vô tác. Nên kinh Duy-ma nói tuy thực hành vô tác mà hiện thọ thân. Nên biết vô tác là nói theo quả. Trong ba thứ trước thì không nhân có thể sinh, gọi là vô khởi. Nên kinh Duy-ma nói: Trong các kinh nói lý bất định, hoặc nói một thứ không, như trong Đại phẩm nói về độc không. Luận một chẳng nhiều, nên gọi là độc. Hoặc nói hai thứ, nghĩa là hai vô ngã, hoặc nói ba thứ Không, Vô tướng, Vô nguyện. Hoặc nói bốn thứ như kinh Duy-ma nói là không, vô tác, vô tướng, vô khởi. Lại Đại phẩm nói có pháp không và chẳng có pháp không, Tự pháp không, Hóa pháp không là bốn thứ, giải thích rộng ở một chương riêng - Hoặc nói năm thứ như trong đây nói là Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô tác, vô khởi, như vừa giải thích. Hoặc nói bảy không như trong Đại phẩm nói, hoặc nói chín không như trong Tỳ-đàm nói, hoặc nói mười một không như Niết-bàn nói, hoặc nói mười bốn không như Đại phẩm nói, hoặc nói mười tám Không như Đại phẩm nói, hoặc nói hai mươi lam Không như Niết-bàn nói. Rộng thì vô lượng. Nay căn cứ vào một môn mà nói năm thứ. Chứng hội đối với Lý pháp này, gọi là quán pháp như hóa, chứng pháp phi vô. Phần thứ hai này đã xong.

Xa lìa lời nói thô ác, tự hại hại người khác, kia đây đều hại. Tu tập lời nói hành, tự lợi lợi người, mình người đều lợi.

Thứ ba là, nói lìa bỏ nghiệp ác. Trong đây trước nói lìa lỗi, tu tập

điều lành... là nói về nhiếp trị. Trong phần lia lõi ở trước, thì xa lia lời nói thô ác là nói lia ác khẩu. Xa lia hại mình, hại người, đều hại là nói lia thân ác. Ở phần nhiếp trị, thì tu tập lời nói lành để trị khẩu ác ở trước, tự lợi lợi người, mình người đều lợi là trị thân ác ở trước. Phần thứ ba này đã xong.

Bỏ nước, bỏ ngôi, dứt bỏ tài sắc, tự hành sáu pháp Ba-la-mật, dạy người khác làm.

Thứ bốn lại nói tu điều lành. Phần đầu nói về tự lợi. Bỏ nước bỏ ngôi, dứt bỏ tài sắc là nói những điều phải bỏ. Tự hành sáu độ là nói điều phải tu. Sau nói lợi tha là lấy sáu độ trước mà dạy người làm - bốn đoạn trên riêng nói về Nhân của thân. Mênh mông không cùng tận, chứa nhóm nhiều công đức.

Đây là kết chung. Như trên là phần Vương-xá nói về tu.

Tùy chỗ sinh, do ý muốn mà vô lượng kho báu tự nhiên ứng hiện, giáo hóa an lập vô số chúng sinh an trụ vào Đạo vô thượng Chánh chân. Hoặc làm các giai cấp cao quý Trưởng giả, cư sĩ, hoặc làm Sát-lợi Quốc vương, Chuyển luân Thánh đế. Hoặc làm người đứng đầu các tầng trời cõi Dục cho đến Phạm vương. Thường dâng tứ sự cúng dường để cúng dâng tất cả các Đức Phật. Công đức như thế chẳng thể xưng kể. Hơi miệng thơm tho như hoa Ưu-bát-la, các lỗ chân lông của thân phát ra mùi thơm chiên-đàn, hương ấy khắp xông vô lượng thế giới. Dung mạo xinh đẹp, tướng tốt khác thường. Ở tay thường xuất hiện vô số vật báu, y phục thức ăn, châu ngọc hoa hương, lọng báu cờ phướn. Đồ vật trang nghiêm như thế các việc đều vượt hơn trời, người. Đối với tất cả pháp đều được tự tại.

Thứ hai là, nói về Báo thù thắng. Trong đó có hai: Một là, đối với tu nhân Tịnh độ trên mà nói được quả báo cao quý, tức là y quả báo cao quý; hai là, hoặc làm Trưởng giả, cư sĩ... là tu nhân Pháp thân, nói được quả báo cao quý, tức là được quả Chánh cao quý. Trong phần trước, đầu tiên nói tùy chỗ sinh do ý muốn mà vô lượng kho báu tự nhiên phát hiện là nói được tiền của cao quý, mặc tình sử dụng, giáo hóa an lập trụ vào Chánh đạo. Dùng tiền của mà giáo hóa người khác khiến họ về với Chánh pháp. Phần sau là nói công đức của quả, tiếp là nói đối với tất cả pháp được tự tại, là nói quả của trí tuệ. Trong công đức của quả thì trước là riêng, sau là kết. Trong riêng có bốn: Một là, thân quả báo cao quý; hai là, thường dùng bốn sự cúng dường... là nương thân khởi hạnh; ba là, hơi miệng thơm... là quả báo của thân vi diệu. Văn ba câu này dễ hiểu; bốn là, tay xuất hiện... là y thân khởi dụng. Tay xuất hiện đồ cúng

để cúng dường các Đức Phật. Trên đây là phần nói riêng đã xong. Như thế... vượt hơn trời, người là chung khen chung, quả báo trí tuệ rộng lớn như thế nào phải biết. Trên là nói chỗ làm.

Từ đây là phần thứ hai, nói về sự thành tựu, tức là thành tựu quả Pháp thân và Tịnh độ. Song sự thành tựu này là bốn mươi tám Đại nguyện trước, vẫn khá rõ. Trong đó lại có hai: Một là, lược nói sự thành tựu; hai là, Phật bảo A-nan oai thần của Phật Vô Lượng Thọ... là rộng nói sự thành tựu.

A-nan bạch Phật rằng: Bồ-tát Pháp Tạng là đã thành Phật rồi mới diệt độ hay chưa thành Phật, hay hiện đang thành? Phật bảo A-nan: Bồ-tát Pháp Tạng đã thành Phật rồi hiện đang ở tại Tây phương cách đây mười muôn ức cõi. Thế giới Phật ấy tên là An Lạc. A-nan lại hỏi Phật ấy thành đạo đến nay đã bao lâu? Phật nói: Phật ấy thành Phật đến nay đã được mười kiếp. Cõi nước Phật ấy tự nhiên có bảy báu là vàng bạc lưu ly, san hô, hổ phách, xà cừ, mã não hợp thành đất, rất rộng rãi không bờ bến. Các báu xen nhau chiếu sáng rực rỡ, đẹp đẽ lạ lùng, thanh tịnh trang nghiêm, vượt hơn các báu đẹp nhất của tất cả thế giới ở mười phương. Các báu ấy cũng như vật báu của tầng trời thứ sáu cõi Dục. Lại cõi nước ấy không có núi Tu-di và không có tất cả các núi Kim cang vây quanh. Cõi ấy cũng không có biển lớn, biển nhỏ, khe giếng, chum ao. Do năng lực thần thông của Phật nên muốn thấy liền thấy. Cũng không có các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Cũng không có bốn mùa Xuân, Thu, Đông, Hạ, chẳng nóng chẳng lạnh, điều hòa thích hợp. Lúc ấy, A-nan bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn”! Nếu cõi nước ấy không có núi Tu-di thì trời Tứ Thiên vương và Trời Đao-lợi nương đâu mà an trú? Phật hỏi A-nan: Tầng trời Viêm thiên thứ ba cho đến Trời Sắc cứu cánh đều nương đâu mà an trú? A-nan thưa: Nghiệp hạnh quả báo chẳng thể suy nghĩ bàn luận. Phật bảo A-nan: nghiệp hạnh quả báo chẳng thể suy nghĩ bàn luận thì thế giới các Đức Phật cũng chẳng thể suy nghĩ bàn luận. Các chúng sinh ấy có công đức thiện lực trụ vào địa của hạnh nghiệp ấy nên được như thế. A-nan bạch Phật rằng: con không nghĩ ngờ pháp này, nhưng vì muốn dứt nghi hoặc cho chúng sinh đời tương lai nên hỏi nghĩa ấy.

Tóm tắt trong đây có bốn: Một là, A-nan đối với thân mà hỏi đã thành Phật chưa. Như Lai đáp đầy đủ; hai là, từ cảnh giới Phật trở xuống, y theo đó mà nói về cõi; ba là, lại hỏi... là A-nan lại đối với thân mà hỏi thành Phật lâu mau. Như Lai đáp đầy đủ; bốn là, nước ấy tự nhiên bảy báu... là nói theo cõi. Ở đoạn Vương-xá thì A-nan hỏi Tỳ-



keo Pháp Tạng đã thành Phật chưa hay hiện đang thành. Đây là hỏi theo phân biệt ba đời. Phật đáp đã rõ. Đoạn hai thì nêu thẳng tên cõi nước Phật ấy, chưa nói về tướng - Đoạn ba là, trước hỏi sau đáp. Văn đã rõ. Trong đoạn bốn trước nói những cái có, lại nước ấy không có núi Tu-di... là nói về những cái không có. Trong nói có thì tự nhiên do bấu thành, nói tướng của thể rộng rãi... là nói tướng của lượng, xen nhau... là nói tướng trang nghiêm. Trong nói không thì trước là Chánh luận, A-nan bạch... là hỏi đáp nói lại. Trong phần Chánh luận trước nói không có núi Tu-di, kể không có bốn đường, sau không có bốn mùa... là riêng. Sau ở phần nhắc lại thì văn riêng có ba: Một là, A-nan hỏi nếu không có núi Tu-di, thì trời Tứ Thiên vương... nương đâu mà an trụ. Như Lai hỏi lại; hai là, A-nan chánh đáp, Như Lai y theo đó mà nói việc kia; ba là, A-nan nói mình vì người khác nên hỏi, không phải mình không biết. Trên là phần tóm tắt đã xong.

Từ đây là phần rộng. Văn có bốn: Một là, nói thân Phật; hai là, y cứ vào thân mà nói đồ chúng; ba là, nói cõi nước; bốn là, y cứ vào cõi mà nói nhân dân nước ấy.

Phật bảo A-nan: Phật Vô Lượng Thọ có oai thần ánh sáng tôn quý bậc nhất. Ánh sáng của các Đức Phật không bằng. Ánh sáng ấy hoặc chiếu trăm thế giới Phật, hoặc ngàn thế giới Phật. Tóm lại, chiếu đến phương Đông hằng sa cõi Phật, các phương Nam Tây Bắc, bốn duy (bốn hướng) trên và dưới cũng giống như thế. Hoặc thân Phật có ánh sáng chiếu xa bảy thước, hoặc Vương-xá do-tuần, hoặc ba, bốn, năm do-tuần. Như thế càng gấp bội, cho đến chiếu xa Vương-xá cõi Phật, thế nên Phật Vô Lượng Thọ gọi là Phật Vô Lượng Quang, Phật Vô Biên Quang, Phật Vô Ngại Quang, Phật Vô Đối Quang, Phật Diêm vương Quang, Phật Thanh Tịnh Quang, Phật Hoan Hỷ Quang, Phật Trí Tuệ Quang, Phật Bất Đoạn Quang, Phật Nan Tư Quang, Phật Vô Xứng Quang, Phật Siêu Nhật Nguyệt Quang. Nếu chúng sinh nào thấy được ánh sáng đó, thì ba cấu tiêu diệt, thân ý dịu dàng (như nhuyễn), vui mừng hơn hờ, tâm lành phát sinh. Nếu ở ba đường là chỗ rất khổ mà thấy ánh sáng này thì đều được dừng nghỉ, không còn khổ não nữa. Sau khi chết rồi đều được giải thoát. Phật Vô Lượng Thọ có ánh sáng rực rỡ, chiếu khắp cõi nước của các Đức Phật mười phương. Đều nghe biết hết. Không chỉ có ta nay khen ngợi ánh sáng này, mà tất cả các Đức Phật, chúng Thanh văn, Duyên giác, các Bồ-tát cũng đều khen ngợi như thế. Nếu có chúng sinh nào nghe oai thần công đức của ánh sáng ấy ngày đêm khen nói, dốc lòng không rối loạn, tùy ý nguyện cầu sinh về nước

ấy thì được các Bồ-tát Thanh văn đại chúng cùng khen ngợi, tán dương công đức, cho đến sau cùng khi chứng được Phật Đạo thì được các Đức Phật, Bồ-tát ở khắp mười phương khen ngợi ánh sáng ấy cũng như ngày nay vậy. Phật bảo: Ta nói Phật Vô Lượng Thọ có ánh sáng oai thần vọi vọi thù diệu, dù suốt ngày đêm trong Vương-xá kiếp cũng không hết được.

Phật bảo A-nan rằng: Phật Vô Lượng Thọ có tuổi thọ dài lâu không thể kể xiết, các ông nên biết. Giả sử thế giới mười phương vô lượng chúng sinh đều được thân người, đều khiến chứng được Thanh văn Duyên giác đều cùng nhóm họp, Vương-xá lòng suy nghĩ cạn hết trí lực suốt trăm ngàn muôn kiếp, đều cùng tính toán đếm kể về kiếp số dài lâu của tuổi thọ ấy thì cũng không thể biết được hạn lượng cuối cùng của tuổi thọ ấy.

Trong đoạn Vương-xá này, trước giải thích nghĩa ba Phật, sau mới giải thích văn, nghĩa như ở chương riêng. Ở đây trước nói về ánh sáng của Phật, sau nói về tuổi thọ - Nói ánh sáng, khen lạ để chỉ rõ, trước riêng sau chung. Trong riêng có bốn: Một là, Đức Thích-ca tự khen; hai là, Có chúng sinh nào thấy được ánh sáng này... là nói chúng sinh thấy nghe được lợi ích; ba là, Phật Vô Lượng Thọ có ánh sáng... là các thánh cùng khen; bốn là, nếu có chúng sinh nào nghe... là lại nói chúng sinh thấy nghe được lợi ích. Trong đây có ba: Một là, nói hơn kém, ánh sáng Phật Vô Lượng Thọ là bậc nhất; hai là, ánh sáng các Phật không bằng là nêu kém để bày tỏ hơn. Ánh sáng của Phật thật ra là tùy hóa nên như thế; ba là, thế nên... là rộng khen hơn. Có mười hai câu: ba thứ vô lượng, vô biên, vô ngại quang là khen về tướng, vô lượng là nhiều, vô biên là rộng, vô ngại là tự tại - hai thứ Vô Đối, và Viêm Vương nhờ đối mà bày hơn, ánh sáng khác không địch lại gọi là Vô đối quang. Ánh sáng này hơn các thứ khác gọi là Viêm Vương Quang (vua sáng). Bốn thứ thanh tịnh, hoan hỷ, trí tuệ, bất đoạn là khen về tướng, là dơ (cấu) gọi là thanh tịnh, khiến thấy tâm vui gọi là hỷ, đối với pháp khéo xét gọi là Trí Tuệ Quang, sáng hoài không dứt gọi là Bất đoạn quang - ba thứ Nan tư, Vô xứng, Siêu Nhật Nguyệt Quang là nhờ đối mà bày tỏ hơn. Hơn tâm người đời tưởng nên gọi Nan tư. Hơn lời người đời nói nên gọi Vô xứng, hơn sắc tướng thế gian nên gọi Siêu Nhật Nguyệt. Như trên, một là, Đức Thích-ca tự khen. Từ đây trở xuống thứ hai là, thấy nghe lợi ích: Nếu có người gặp ba cấu đều tiêu là nói lợi ích trừ chướng. Ở đây nói ba độc là ba cấu, thân ý êm dịu... là nói lợi ích sinh điều lành. Nếu ở ba đường... là nói lợi ích diệt khổ - Chết rồi... là nói lợi ích được vui - Thứ ba là, cùng

khen, văn đã nói. Thứ bốn là, nhắc lại lợi ích, đầu tiên là nói tùy ý vãng sinh, tiếp là nói các Thánh cùng khen, sau là nói được tất cả Phật cùng khen - Trên là khen riêng - Phật bảo ta nói Phật Vô Lượng Thọ... là khen chung. Trên là nói ánh sáng, dưới là nói tuổi thọ của Phật. Văn nói dễ biết. Như trên thứ nhất là nói về thân Phật. Chúng Thanh văn, Bồ-tát, trời, người tuổi thọ lâu dài cũng giống như thế, không thể tính đếm thí dụ mà biết được. Số chúng Thanh văn, Bồ-tát cũng khó đếm lường, khó thể nói hết. Thần trí rộng suốt, oai lực tự tại, có thể trong tay mà nắm giữ tất cả thế giới - Phật bảo A-nan rằng: Trong hội đầu của Phật ấy, số chúng Thanh văn không thể đếm kể, chúng Bồ-tát cũng thế. Thần thông như Đại Mục-kiền-liên mà có trăm ngàn muôn ức vô lượng vô số vị như thế trong a-tăng-kỳ na-do-tha kiếp cho đến diệt độ đều cùng tính đếm so sánh cũng không thể biết được số ấy nhiều ít. Ví như trong biển lớn rộng sâu vô lượng. Giả sử có người lấy Vương-xá phần trăm của sợi lông mà chấm lấy Vương-xá chút nước, ý ông thế nào? Chút nước ấy đối với biển lớn kia có nhiều không? A-nan bạch Phật rằng: Chút nước ấy so với biển lớn lượng nước nhiều ít không phải khéo tính lường đếm số thí dụ mà biết được. Phật bảo A-nan: Như Mục-liên kia ở trong trăm ngàn muôn ức na-do-tha kiếp, tính đếm số lượng chúng Thanh văn, Bồ-tát trong hội đầu thì số lượng biết ấy cũng như Vương-xá chút nước kia, còn số không biết cũng như nước biển lớn vậy.

Thứ hai là, y cứ vào thân mà nói số chúng. Trong đây có bốn: Một là, nói tuổi thọ người ở cõi ấy lâu dài bằng như tuổi thọ của Phật Vô Lượng Thọ; hai là, Lại Thanh văn... là nói chúng ấy rất nhiều; ba là, Thần trí rộng suốt... là nói Đức ấy vượt hơn; bốn là, lại nói chúng đông nhiều. Lại ở hội đầu mà hiển bày tướng nhiều, các thứ khác không thể luận. Hội đầu thì chúng Thanh văn không thể đếm kể, chúng Bồ-tát cũng thế, ở đây không luận tướng nhiều, Mục-liên... là nói Mục Liên cũng không biết - Như biển lớn... là mượn việc mà tỏ bày. Phật trước lập dụ hỏi A-nan, A-nan đáp. Phật y theo đó mà nói sự hiểu biết của Mục-liên nhiều ít.

Từ đây là phần thứ ba, nói về cõi nước ấy. Trong đó trước giải nghĩa Tịnh độ, sau giải thích văn. Nghĩa như ở một chương riêng, trong đây chỉ nói sơ qua. Có ba thứ trang nghiêm: Một là, sự trang nghiêm, là sắc, thanh, hương, vị... năm dục thì nó hơn cả; hai là, Pháp trang nghiêm, là thuần nói về pháp màu; ba là, Nhân trang nghiêm, là chúng sinh tốt đẹp thuần thiện sinh về cõi ấy. Nay nói trong cõi nước cao quý có sự trang nghiêm và Pháp trang nghiêm. Đoạn dưới là phần thứ bốn, nói

nhân dân thù thắng, đó là Nhân trang nghiêm. Nhưng việc nhiệm màu trang nghiêm ở cõi ấy không thể nói hết. Ở trong văn này tóm tắt có bốn sự, một là, cây báu; hai là, âm nhạc; ba là, cung điện giảng đường; bốn là, ao báu.

Lại cõi nước ấy có các cây bảy báu đầy khắp thế giới, cây vàng, cây bạc, lưu ly, cây pha lê, cây san hô, cây mã não, cây xa cừ... hoặc có hai báu, ba báu cho đến bảy báu cùng thay đổi hợp thành. Hoặc có cây bằng vàng, còn quả, hoa lá bằng bạc, hoặc có cây bằng bạc, hoa quả lá bằng vàng. Hoặc cây lưu ly, lá bằng pha lê, hoa quả cũng thế. Hoặc cây thủy tinh, lá là lưu ly, hoa quả cũng thế. Hoặc cây san hô lá mã não, hoa quả cũng thế. Hoặc cây mã não, lá bằng lưu ly, hoa quả cũng thế. Hoặc cây xa cừ, các báu là lá, hoa quả cũng thế. Hoặc có cây báu gốc bằng vàng tím, cành lá bạc trắng, nhánh là lưu ly, thân là thủy tinh, lá là san hô, hoa là lưu ly, quả là xa cừ. Hoặc có cây báu, gốc bạc bằng trắng, thân bằng lưu ly, cành bằng thủy tinh, nhánh bằng san hô, lá bằng mã não, hoa là xa cừ, quả là vàng tím. Hoặc có cây báu gốc là lưu ly, thân bằng thủy tinh, cành là san hô, nhánh là mã não, hoa bằng xa cừ, lá bằng vàng tím, quả bằng bạc trắng. Hoặc có cây báu, gốc là thủy tinh, thân bằng san hô, cành bằng mã não, nhánh bằng xa cừ, lá bằng vàng tím, hoa bằng bạc trắng, quả là lưu ly. Hoặc có cây báu, gốc là san hô, thân là mã não, cành bằng xa cừ, nhánh bằng vàng tím, lá bằng bạc trắng, hoa bằng mã não, quả bằng thủy tinh. Hoặc có cây báu gốc là mã não, thân bằng xa cừ, cành bằng vàng tím, nhánh bằng bạc trắng, lá bằng lưu ly, hoa bằng thủy tinh, quả bằng san hô. Hoặc có cây báu, gốc là xa cừ, thân bằng vàng tím, cành bằng bạc trắng, nhánh bằng lưu ly, lá bằng thủy tinh, hoa bằng san hô, trái bằng mã não. Hàng hàng thẳng tắp, thân thân song song, cành cành đối nhau, lá lá hương nhau, hoa hoa thuận nhau, quả quả ngang nhau, xinh tươi sáng rỡ, nhìn không gì đẹp hơn. Khi gió mát thổi vào thì phát ra tiếng ngũ âm cung thương đì dật, vi diệu tự nhiên hòa hợp. Lại Phật Vô Lượng Thọ có cây Đạo tràng cao bốn trăm dặm, chu vi ở gốc năm trăm do-tuần, cành lá rộng khắp hai mươi dặm, do tất cả các báu tự nhiên hợp thành. Dừng Nguyệt quang Ma-ni từ hải luân bảo là vua trong các báu mà trang nghiêm, vòng quanh treo khắp chuỗi báu anh lạc trăm ngàn muôn màu, các thứ màu sắc biến đổi khác. Vô lượng ánh sáng rực rỡ không cùng lưới báu đẹp quý giăng mắc phía trên, tất cả trang nghiêm tùy nơi hiện ra. Gió nhẹ lay động phát ra tiếng pháp màu vang khắp các nước Phật ở mười phương. Người nghe tiếng ấy được pháp nhãn sâu, đều trụ vào đó mà không lui sụt cho đến thành

Phật Đạo, không gặp khổ loạn. Mắt thấy sắc ấy, tai nghe tiếng ấy, mũi biết hương ấy, lưỡi nếm vị ấy, thân chạm ánh sáng ấy, tâm dùng pháp duyên với tất cả đều được Pháp nhãn sâu xa, đều trụ vào đó mà không còn lui sụt cho đến thành Phật đạo, sáu căn trong sạch không các não hoạn. Nay A-nan, nếu trời, người ở cõi nước ấy thấy cây này thì được ba Pháp nhãn: Một là, Âm hưởng nhãn; hai là, Nhu thuận nhãn; ba là, Vô sinh pháp nhãn. Đây đều là do năng lực oai thần, năng lực Bốn nguyện, Nguyện đầy đủ, Nguyện minh liễu, Nguyện bền chắc, Nguyện rốt ráo của Đức Phật Vô Lượng Thọ. Phật bảo A-nan rằng vua thế gian có trăm ngàn âm nhạc, từ Chuyển luân thánh vương cho đến tầng trời thứ sáu, tiếng âm nhạc này gấp trăm ngàn muôn ức lần hay hơn. Còn ngàn muôn thứ âm nhạc của tầng trời thứ sáu thì không bằng tiếng của cây bảy báu cõi nước Phật Vô Lượng Thọ, nó hay gấp ngàn ức lần.

Trước nói các cây, kế nói cây Đạo tràng, sau là so sánh để chỉ ra phần hơn.

Trong đó trước nói về cây, sau nói về phát ra tiếng. Nói về cây thì cây báu đầy khắp thế giới là nêu chung. Cây vàng bạc... là nói cây thuần báu, hoặc hai... là nói cây có nhiều báu xen nhau. Phần nói phát ra tiếng. Tiếng ngũ âm là năm thứ tiếng cung, thương, giốc, chủ, vũ.

Hai là, nói cây Đạo tràng, trước nói tướng cây, kế nói tiếng cây, sau nói chúng sinh thấy nghe được lợi ích. Trước nói tướng của lượng, tất cả các báu tự nhiên hợp thành là nói tướng của thể - dùng Nguyệt Quang Ma-ni... là nói tướng trang nghiêm - xuất ra tiếng có thể biết hay như thế nào. Nói về thấy nghe được lợi ích, thì trước nói sáu căn, thấy nghe hiểu biết đều được lợi ích. Sau là nói được Nhãn khác nhau chẳng đồng. Nhân dân trong cõi nước ấy đều được ba nhãn là nêu chung. Tuệ tâm an pháp gọi là Nhãn - Nhãn tùy theo cạn sâu mà có ba thứ sai khác. Kế nêu ba tên từ tiếng mà giác ngộ, biết tiếng như vang, gọi là âm hưởng Nhãn. Tam địa trở lên bỏ lời nói mà hưởng về chân thật gọi là Nhu Thuận Nhãn, Tứ Ngũ Lục Địa chứng thật là tướng gọi là Vô sinh nhãn. Thất địa trở lên là nói lý do chúng sinh được nhãn, đều do năng lực oai thần của Phật Vô Lượng Thọ. Do oai lực hiện tại của Đức Như Lai ấy nên được ba Nhãn. Năng lực Bốn nguyện... là do năng lực Bốn nguyện ở quá khứ, cho nên được ba Nhãn. Bốn nguyện là chung, bốn thứ kia là riêng. Nguyện đầy đủ là nguyện tâm tròn đủ. Nguyện Minh Liễu là tâm nguyện sáng rõ. Nguyện bền chắc là nguyện mà duyên không thể phá hoại. Nguyện rốt ráo là trọn thành, không lui sụt. Vì các nguyện này nên người sinh về nước ấy đều được ba Nhãn. Trước

là nói các cây, kể nói cây Đạo tràng, sau nói biết lượng mà hiển bày hơn, riêng phần nói cây thì tiếng phát ra là cao quý, vẫn hiển bày có thể hiểu. Trên là nói về cây.

Cũng có muôn thứ kỹ nhạc tự nhiên. Lại tiếng nhạc đều là Pháp âm, trong vắt dịu dặt, hòa nhã vi diệu, là tiếng hay bậc nhất trong các thế giới ở mười phương.

Thứ hai là, nói về kỹ nhạc. Cũng có muôn thứ kỹ nhạc tự nhiên là nêu chung. Lại tiếng nhạc đó đều là pháp... là nói tiếng nhiệm màu. mười phương cõi... là nói tiếng cao quý, hơn các tiếng của tất cả các cõi mười phương.

Các giảng đường, tinh xá lầu gác đều do bảy báu trang nghiêm tự nhiên hóa thành. Lại dùng Trân Châu Minh Nguyệt Ma-ni các báu xỏ làm lưới giảng mắc ở trên.

Thứ ba là, nói các việc giảng đường, cung điện... giảng đường, tinh xá, cung điện, lầu gác đều hợp thành bằng bảy báu, là nói thể tướng, lại Chân Châu... là nói tướng trang nghiêm.

Trong ngoài hai bên có các ao tắm hoặc mười do-tuần hoặc hai mươi, ba mươi cho đến trăm ngàn do-tuần, ngang dọc sâu cạn đều đồng nhau Vương-xá thứ nước tám công đức trong vắt đầy tràn, thanh tịnh thơm mát, vị như cam lồ. Ao vàng ròng thì đáy có cát bạc trắng. Ao bạc trắng thì đáy có cát vàng ròng. Ao thủy tinh đáy có cát lưu ly. Ao lưu ly đáy có cát thủy tinh. Ao san hô đáy có cát hổ phách. Ao hổ phách đáy có cát san hô. Ao xa cừ đáy có cát mã não. Ao mã não đáy có cát xà cừ. Ao ngọc trắng đáy có cát vàng tía. Ao vàng tía đáy có cát ngọc trắng. Hoặc có hai báu ba báu cho đến bảy báu cùng thay đổi hợp thành. Trên bờ ao có cây chiên-đàn, hoa lá xum xuê, mùi thơm xông khắp. Hoa Ưu- bát-la cõi trời, hoa Bát-đàm-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-ly xinh tươi nhiều màu phô bày trên mặt nước. Các chúng Bồ-tát và Thanh văn nếu vào ao báu ý muốn khiến chân thì nước đến nước đến chân, đến gối thì đến gối, đến eo thì đến eo, đến cổ thì đến cổ. Muốn nước tưới thân thì tưới thân, muốn chảy ngược lên thì chảy ngược lên, điều hòa lạnh ấm tự nhiên tùy ý. Tỉnh táo khoan khoái, hết cả tâm dơ, trong sáng lắng sạch, sạch sẽ trong suốt. Cát báu óng ánh không sâu không chiếu, sóng sánh nhấp nhô, cùng rót tưới nhau yên lành trôi nhẹ, không chậm không nhanh, tiếng sóng róc rách tự nhiên vừa ý. Không ai chẳng nghe. Hoặc nghe tiếng Phật, hoặc nghe tiếng pháp, hoặc nghe tiếng Tăng, hoặc tiếng thanh tịnh, tiếng không, vô ngã, tiếng đại Từ bi, tiếng Ba-la-mật, hoặc tiếng mười Lực vô úy bất cộng pháp, các tiếng thông tuệ, tiếng Vô



sở tác (không làm) tiếng cúng dường khởi diệt, tiếng Vô sinh nhẫn, cho đến cam lồ quán đảnh các thứ tiếng pháp màu. Như thế... các tiếng xứng hợp chỗ nghe nên mừng vui vô lượng, tùy thuận nghĩa thanh tịnh, lìa dục vắng lặng chân thật. Thuận theo năng lực Tam bảo và pháp vô sở úy, bất cộng, thuận theo Thông tuệ, đạo thực hành của Bồ-tát Thanh văn, không có danh từ ba đường khổ nạn, chỉ có tiếng vui sướng tự nhiên. Thế nên nước ấy tên là Cực lạc.

Thứ bốn là, nói tướng ao. Trong đây trước nói tướng ao, sau nói phát ra tiếng. Trong phần luận về tướng ao, có bốn: Một là, nói tướng lạnh mát, các ao ở nước ấy hoặc mười do-tuần, hai mươi, ba mươi cho đến dài rộng một trăm do-tuần; hai là, nói tướng nước có tám công đức, thanh tịnh không hôi hám, nhẹ, mát, mềm mại, đẹp đẽ, khi uống thì điều hòa, uống rồi không bệnh, đó là tám thứ. Sắc nhập thanh tịnh hương nhân không hôi hám, mềm trơn lạnh nhẹ đây là ba xúc nhập, mỹ là vị nhập. Khi uống thích hợp, uống rồi không bệnh, đây là hai pháp nhập. Tám thứ này là công năng của nước nên gọi là công, đức của nước nên gọi là đức. Trước nói nước công đức trong vắt đầy tràn, là nêu chung. Nói thanh tịnh, là tịnh trong tám công đức, nói thơm sạch là hương nhập. Vị như cam lồ là mỹ nhập; ba là, vàng ròng... là tướng các báu trang nghiêm; bốn là, các Bồ-tát, Thanh văn kia... là nói tướng vô ngại của tư dung. Trong đó năm câu, Vương-xá là cạn sâu vô ngại, hai là, lạnh mềm được trung bình, ba là, an thần trừ dơ, bốn là, sạch không vết bẩn; năm là, chảy vòng quanh rót nhanh hoặc chậm đều được. Trên nói ao, dưới nói phát ra tiếng. Trong đó có bốn: Một là, giảng nói vô lượng tiếng hay (diệu thính) tự nhiên, chính là nói phát ra tiếng; hai là, tùy thích ứng là khéo hợp người nghe. Trong đó trước là chung, tiếp là riêng, sau là kết; ba là, tùy thuận thanh tịnh lìa dục... là nói sinh khởi điều lành. Thuận theo thanh tịnh, lìa dục vắng lặng, chân thật là tùy thuận Niết-bàn. Tùy thuận năng lực vô úy Tam bảo là thuận theo Bồ-đề. Đây là thuận quả. Thuận theo thông tuệ Bồ-tát... là thuận theo Nhân; bốn là, không có danh từ ba đường khổ... là nói sinh ra vui - không có ba đường khổ... là nói không khổ. Nhưng có tự... là nói có vui. Thế nên... là chung khen, bốn đoạn trên hợp thành phần thứ ba nói về cõi nước.

Từ đây là phần thứ bốn nói về nhân dân. Trong đó có bốn: Một là, nói những người ở phương khác mới vãng sinh về, là chánh báo nhiệm màu; hai là, ở các cung điện... là y báo tốt đẹp; ba là, các chúng Thanh văn, Bồ-tát... là những người ở cũ, là chánh báo nhiệm màu; bốn là, Các vị trời, y phục... là y báo tốt đẹp.



Này A-nan, các người vãng sinh về cõi nước Phật ấy, đầy đủ sắc thân thanh tịnh như thế, các tiếng hay ho, thần thông công đức.

Đầy đủ sắc thân thanh tịnh... là nói thân cao quý. Nhưng tiếng hay ho là nói khẩu cao quý. Thần thông công đức là nói ý cao quý. Có các cung điện, y phục, ăn uống, các hương hoa nhiệm màu, các đồ trang nghiêm cũng như vật tự nhiên ở tầng trời thứ sáu. Nếu khi ăn uống thì đồ đựng bằng bảy báu (chén báu) tự nhiên hiện ra. Vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, chân châu minh nguyệt, các bát như thế tùy ý hiện đến, có trăm thức ăn uống tự nhiên tròn đầy. Có ăn mà thật ra chẳng ăn, chỉ thấy sắc, nghe hương, ý dùng làm thức ăn thì tự nhiên no. Thân tâm khoan khoái, không mê đắm, việc xong thì liền biến mất, lúc cần lại hiện ra. Cõi nước Phật ấy thanh tịnh an ổn, vui sướng nhiệm màu, chỉ ở kế sau đạo vô vi Niết-bàn.

Đoạn thứ hai, chỗ ở cung điện y phục... cũng như tầng trời thứ sáu, vật dụng đều cao quý. Nếu muốn ăn... thì có vật dụng cao quý. Cõi nước Phật ấy thanh tịnh an ổn... là khen chung để hiển bày cao quý, ở kế sau đạo vô vi Nê-hoàn, Nê-hoàn và Niết-bàn vốn là Vương-xá tên, đọc có khác.

Các Thanh văn, Bồ-tát và nhân dân cõi ấy trí tuệ cao minh, thần thông rộng suốt, đều cùng Vương-xá loại, hình thù không khác. Chỉ do thuận theo cõi kia nên có tên trời, người. Hình dung xinh đẹp, vượt hơn thế gian, ít có, dung sắc nhiệm màu, không phải trời không phải người, đều được thân tự nhiên hư vô và thể không cùng - Phật bảo A-nan rằng ví như ở thế giới có kẻ nghèo hèn ăn xin đứng cạnh bên vua, thì hình thù mặt mũi có thể so sánh với vua được chăng? A-nan bạch Phật rằng: Nếu người ấy đứng cạnh vua thì hình thù rách bần xấu xa không lấy gì dụ được. Trăm ngàn muôn ức lần không thể kể được. Vì sao? Vì người ăn xin kia tội cùng hèn hạ, áo chẳng đủ che thân, cơm không đủ nuôi miệng, đói khát khổ khổ. Mất hết nhân tính đều là do đời trước không gieo trồng gốc đức, chứa nhóm tiền của không chịu bố thí, giàu mà lắm tham lam, keo kiệt, chỉ muốn việc hoang đường, tham cầu không biết chán. Chẳng tin tu điều lành, phạm các lỗi ác chất như núi cao. Như thế, khi chết rồi, tiền của tiêu tan, các khổ thì thân chứa nhóm khiến buồn khổ đờn đau, thật là vô ích. Chỉ lống có những thứ khác mà không có điều lành để nhờ cậy, không có đức để nương cậy, thế nên chết rồi liền đọa vào đường ác mãi chịu các khổ. Khi tội hết mới được thoát ra lại sinh vào hạng hạ tiện thấp hèn. Hình dạng thì cùng là người, thế nên trong thế gian làm vua là cao quý nhất, ấy đều do đời trước chứa nhiều

phước đức, từ tuệ thực hành bố thí rộng rãi, nhân ái cứu giúp người, tin tưởng tu điều lành không hề tranh cãi, nên khi chết rồi thì tùy phước mà sinh về đường lành, sinh lên trời hưởng phước vui ấy, nhờ chứa nhóm các điều lành nay được làm người cho đến làm vua, tự nhiên tôn quý, nghi dung (dáng vẻ) trang nghiêm, mọi người đều kính thờ, ăn ngon mặc đẹp, tùy ý có đủ. Do phước đời trước mà được như thế. Phật bảo A-nan: Ông nói như thế, như hàng vua chúa là bậc cao quý nhất của loài người, hình sắc đẹp đẽ, khôi ngô nhưng so với Chuyển luân thánh vương thì quá xấu xí, thấp kém cũng như người ăn xin đứng cạnh vua. Chuyển luân thánh vương oai tướng trang nghiêm bậc nhất trong thiên hạ, nhưng so với vua trời Đao-lợi thì xấu xí, thấp kém hơn nhiều gấp muôn ức lần chẳng lấy gì so sánh được. Nếu sánh vua trời ấy với các vị trời ở tầng trời thứ sáu thì đẹp đẽ hơn gấp trăm ngàn vạn ức lần. Tầng trời thứ sáu mà so với chúng Thanh văn, Bồ-tát ở cõi nước Phật Vô Lượng Thọ thì chúng ấy dung nhan diện mạo đẹp gấp trăm ngàn muôn ức lần không thể so sánh tính kể được.

Thứ ba là, trong các chúng sinh ở lâu xinh đẹp thì, các trời, người, Thanh văn, Bồ-tát ấy trí tuệ cao sáng, thần thông rộng suốt là nói đức hơn. Đều cùng một loại... là nói Thân hơn. Ở phần đầu nói cùng Vương- xá loại, không khác hình dạng, chỉ thuận các phương khác mà có tên gọi trời, người là nói thân như nhau. Dáng vẻ xinh đẹp... là nói thân cao quý. Dáng vẻ xinh đẹp khôi ngô, hiếm có vượt hơn thế gian là nói về cao quý hơn. Phật bảo... là so sánh để nói hơn. - Trong so sánh có năm: Một là, sánh người nghèo với vua; hai là, sánh vua với chuyển luân vương; ba là, sánh chuyển luân vương với trời Đao-lợi; bốn là, sánh trời Đao-lợi so với trời Tha hóa; năm là, sánh trời Tha hóa tự tại với tất cả trời, người ở cõi nước của Phật Vô Lượng Thọ thì rất ráo không bằng. Trong phần so sánh có ba: Một là, Phật đem người nghèo đối với vua mà hỏi lại A-nan; hai là, A-nan trả lời: Nếu khiến người ấy đứng bên vua thì vua đẹp hơn gấp trăm ngàn muôn ức lần, không lấy gì so sánh được, chính là nói người nghèo không bằng vua - Vì sao? Vì người nghèo ấy không bằng, là do đời trước không có điều lành như thế. Văn nói khá rõ. Do đó vua thế gian... là giải thích lý do vua ấy hơn là do đời trước tu điều lành cho nên được như thế. Văn cũng khác rõ; ba là, Như Lai kể lại, bốn thứ so sánh kia thì văn dễ hiểu.

Phật bảo A-nan rằng: Trời, người ở cõi Phật Vô Lượng Thọ ăn mặc, hương hoa chuỗi ngọc (anh lạc) cờ phướn lọng báu, các tiếng nhiệm màu. Chỗ ở cung điện, lầu các xứng với hình sắc cao thấp lớn

nhỏ, hoặc Vương-xá báu, hai báu đến vô lượng các báu tùy ý muốn, theo ý nghĩ liền có, lại đem các áo trời báu mà tung rải khắp mặt đất, tất cả trời, người đạp lên mà đi. Vô lượng lưới báu giăng khắp cõi nước Phật, đều dùng vàng bạc châu trăm ngàn các báu đẹp để hiếm lạ, trang nghiêm làm đẹp. Ở khắp bốn mặt đều theo chuông báu, màu sáng rực rỡ đẹp để hết mức. Gió công đức tự nhiên nhẹ nhàng thổi làm lay động khiến không khí điều hòa không nóng không lạnh, mát mẻ êm ái, không chậm không nhanh, thổi vào lưới và các cây báu khiến phát ra vô số tiếng pháp nhiệm màu, phát ra muôn thứ công đức ôn hòa nhã diệu. Ai nghe thì khổ nhọc cấu tập tự nhiên không khởi. Khi gió chạm thân thì đều vui sướng ví như Tỳ-kheo được Tam-muội Diệt tận. Lại gió thổi tung rải hoa khắp cõi Phật, tùy màu sắc thứ lớp không lộn xộn, sáng lấp lánh tỏa hương thơm ngát, hoa rơi khắp nơi tràn ngập đường đi cả bốn tấc, giở chân lên thì hiệp lại như cũ. Rải hoa xong đất nứt ra hoa biến mất, đất lại sạch bóng. Thời gian gió thổi tung hoa ngày đêm sáu lần. Các hoa sen báu đầy khắp thế giới. Mỗi hoa báu có trăm ngàn ức cánh. Hoa ấy sáng rực vô lượng sắc màu, hoa màu xanh thì ánh sáng xanh, màu trắng ánh sáng trắng, đen vàng đỏ tím, ánh sáng màu chiếu vào nhau, sáng chiếu rực rỡ như mặt trời, mặt trăng. Mỗi hoa phát ra ba mươi sáu trăm ngàn ức tia sáng. Mỗi tia sáng có ba mươi sáu trăm ngàn ức Phật, thân màu vàng ròng tướng tốt đẹp để đặc biệt. Mỗi Đức Phật đều phát ra trăm ngàn tia sáng, khắp vì mười phương nói pháp nhiệm màu. Như thế các Đức Phật ấy đều an lập vô lượng chúng sinh trở về Chánh đạo của Phật.

Thứ bốn lại nói về y chánh báo cao quý.

Trước nói cõi ấy tất cả y phục, thức ăn uống... tương xứng với thân. Hoặc Vương-xá báu trở xuống là nói riêng sự tốt đẹp. Trong đó có năm: Một là, nói các báu tùy tâm hiện ra; hai là, áo báu khắp đất; ba là, lưới báu giăng khắp; bốn là, tự nhiên... là gió thổi thổi động; năm là, chúng..., là hoa báu đầy khắp. Trong phần gió thổi thứ bốn, tự nhiên gió công đức... là nêu chung, dưới là nêu riêng. Trong phần riêng có bốn: Một là, thể của gió điều hòa nhanh chậm vừa chừng; hai là, gió thổi lưới động cây phát ra tiếng hay; ba là, gió chạm vào thân sinh vui; bốn là, tung rải hoa khắp nước ấy - Thứ năm là, trong hoa, câu riêng có bốn: Một là, nói hoa khắp thế giới; hai là, nói các hoa có nhiều cánh; ba là, nói các hoa đều phát ra ánh sáng; bốn là, trong mỗi hoa... là nói trong mỗi hoa có rất nhiều Phật. Trong đó lại có bốn: Một là, trong mỗi hoa đều có nhiều ánh sáng, phát ra ba mươi sáu trăm ngàn ức tia sáng;



---

hai là, nói mỗi hoa đều phát ra có nhiều Phật, ba mươi sáu trăm ngàn ức Phật; ba là, nói các Đức Phật đó đều phát ra nhiều tia sáng - Thứ bốn là, nói các Đức Phật ấy vì mười phương nói pháp nhiệm màu. Trong đó trước nói pháp như thế, các Đức Phật... là nói lợi ích.

